

John Merson



NHỮNG BÀI HỌC CHIẾN TRANH

Hồi kí của một cựu binh Mỹ
tham chiến tại Việt Nam



THE KNOWLEDGE
Foundation for the Future



NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI

Table of Contents

[Tủ Sách Của Mọi Nhà.. 2](#)
[LỜI TỰA.. 6](#)
[LỜI TÁC GIẢ.. 9](#)
[HỌC CÁCH LÀM NGƯỜI LÍNH.. 10](#)
[CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ.. 16](#)
[BIỆN MINH CHO NGƯỜI LÍNH.. 24](#)
[“HÃY ƠM TÔI TRONG VÒNG TAY, 31](#)
[HÃY CỨU LẤY TÔI”. 31](#)
[CHĂM SÓC SỨC KHỎE. 36](#)
[CÁI CHẾT VÀ SỰ TƯỢNG NHỚ.. 41](#)
[THĂM SÁT Ở ĐẠI LỘC. 46](#)
[CHUNG HIỆA ANH HÙNG.. 54](#)
[SỨC NANG CỦA KỶ ỨC. 60](#)
[CÔ VÂN.. 63](#)
[SỰ PHA TRÒN.. 66](#)
[CHIẾN TRANH Kéo DÀI BAO LÂU?. 70](#)
[TRỞ VỀ NHÀ.. 73](#)
[TÀI BÚT. 78](#)
[PHỤ LỤC. 83](#)

- [1]
- [2]
- [3]
- [4]
- [5]
- [6]
- [7]
- [8]
- [9]
- [10]
- [11]
- [12]
- [13]
- [14]
- [15]
- [16]
- [17]
- [18]
- [19]

Những Bài Học Chiến Tranh

Hồi kí của một cựu binh lính Mỹ tham chiến tại Việt Nam

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới những người bạn Việt Nam và Việt kiều đã giúp tôi có thêm nhiều kiến thức sâu sắc về lịch sử và văn hóa Việt Nam:

Chu Hảo, Tiến sĩ Trần Hà Nam, Trần Chương, Trương Gia Bình, Marjorie Victor, Phil Trần, Dan và Karen Vinh, Peter và Bea Nguyễn, Đỗ Minh, Đỗ Linh, Hà Trung, Lê Quang Chiến, Thái Thị Ngọc Du, Tiến sĩ Nguyễn Hữu Anh, Rosemary Thị Thái Trần, Băng Trinh, Nguyễn Thị Minh Hằng, Vũ Hoàng Kim và Hà Than.

LỜI TỰA

Phản đối chiến tranh Việt Nam là một trong những nội dung quan trọng trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1972 của Thượng nghị sĩ Mỹ George McGovern. Ông gọi Việt Nam là “cuộc nội chiến thứ hai của chúng ta” và cho rằng “chúng ta sẽ còn phải tiếp tục chiến đấu trong suốt quãng đời còn lại.” Và ông đã đúng. Một thế hệ sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, cuộc chiến này vẫn tiếp tục ám ảnh và gây chia rẽ trong nội bộ người dân Mỹ.

Cùng lúc đó, với cuốn hồi ký viết về quãng thời gian là lính thủy đánh bộ tham chiến tại Việt Nam từ tháng 4 năm 1966 tới tháng 5 năm 1967, John Merson làm rõ thêm về việc cuộc chiến này đã chia rẽ người Mỹ như thế nào. “Hầu như tất cả những người Mỹ cùng thế hệ tôi đều bị ảnh hưởng bởi Chiến tranh Việt Nam: một số tham gia chiến đấu tại Việt Nam; một số đấu tranh yêu cầu chính phủ Mỹ kết thúc cuộc chiến; một số khác cố gắng tránh xa chiến tranh để có thể theo đuổi những mục tiêu quan trọng của riêng mình. Trong nhóm cuối cùng này có Tổng thống Bush, Phó Tổng thống Cheney và nhiều nghị sĩ.”

... Mỹ đã ném 8.000 tấn bom xuống miền Bắc Việt Nam, giết hại gần 1 triệu người, vào lúc cao điểm Mỹ đã gửi gần 545.000 lính tới Việt Nam và 58.000 trong số này đã thiệt mạng. Tuy nhiên, Mỹ vẫn thất bại trong cuộc chiến này. Cuốn sách viết về cái chết và sự tái sinh, là câu chuyện về một cựu chiến binh đã nỗ lực vượt qua những sai lầm trong chiến tranh bằng việc tìm hiểu và giúp xây dựng lại đất nước mà trước đây ông được huấn luyện để tiêu diệt. Merson tình nguyện tham gia cuộc chiến tranh tại Việt Nam, vì ông tin rằng chiến đấu là con đường để trở thành một người đàn ông thực thụ và vì ông muốn trở thành anh hùng. Năm 1965, sau khi học hết năm thứ nhất tại Đại học Amherst, ông bỏ học và ghi danh vào lực lượng lính thủy đánh bộ. Trong khi đó, hầu hết bạn học của ông tại trường Amherst, trong đó có tôi, tiếp tục học để tốt nghiệp và tìm cách tránh xa chiến tranh. Một số tham gia danh sách dự bị và được an toàn ở nhà, một số khác cũng tìm cách tránh xa nghĩa vụ quân sự. Chỉ có một số người tình nguyện tham gia quân đội rồi trở thành sĩ quan và theo đuổi con đường binh nghiệp. Nhiều người tham gia phong trào phản chiến và một số trở thành lãnh đạo của các phong trào đó. Đại học Amherst cũng trao bằng danh dự cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Robert McNamara trong lễ tốt nghiệp của chúng tôi vào năm 1966.

Có thể nói, cuốn hồi ký này như con thuyền lướt trên dòng sông đầy áp những hồi tưởng, dẫn giải và phân tích những trải nghiệm về Việt Nam. Nhìn từ góc độ nào đó, *Những bài học chiến tranh* có nét tương đồng với nhiều hồi ký khác. Tác giả của những hồi ký ấy cũng là những người mong muốn trở thành anh hùng và rồi cũng bị vỡ mộng về thực tế phũ phàng của cuộc chiến. Hồi ký *A Rumor of War*

(Lời đồn về chiến tranh) của Philip Caputo và *Born on the Fourth of July* (Sinh ngày 4 tháng 7) của Ron Kovic là các hồi ký thuộc thể loại này.

Trong quân đội Mỹ hiện nay, có hai cuốn sách được nhiều người tìm đọc: đó là *We Were Soldiers and Young* (Chúng tôi là những người lính trẻ một thời) của Trung tướng Harold G. Moore (đã nghỉ hưu) đồng tác giả với Joseph L. Galloway, cuốn còn lại là *Dereliction of Duty* (Bỏ rơi nhiệm vụ) của H. R. McMaster. Về cơ bản, những cuốn sách này nói về sự gian khổ và hi sinh, mất mát trong chiến tranh. Nhưng cuốn đầu tiên có đoạn đáng lưu ý, đó là Tướng Harold Johnson^[1] - Tham mưu trưởng, luôn cảm thấy bị ám ảnh bởi đã không bày tỏ được ý kiến của mình với Tổng thống Lyndon Johnson vào năm 1965 về thất bại trong cuộc vận động đất nước để giành chiến thắng tại Việt Nam. McMaster lại cho rằng chính quyết định nóng vội của Tổng thống Johnson - chủ yếu dựa trên sự cố vãn của những người không có khả năng về quân sự - đã dẫn đến thất bại tại Việt Nam. Cuốn *The Best and the Brightest* (Điều tốt đẹp và tươi sáng nhất) của David Halberstam lại bàn tới những tính toán sai lầm về chính trị và chiến lược từ một cách nhìn khác.

Một số cuốn quan trọng khác viết trong thời gian chiến tranh như cuốn *The United States in Vietnam* (Hoa Kỳ tại Việt Nam) của George Kahin, John Lewis, và cuốn *Fire in the Lake* (Ngọn lửa trong lòng hồ) của Frances Fitzgerald cũng nêu rõ chính sự thiếu hiểu biết về người Việt đã dẫn tới việc người Mỹ đánh giá quá cao đồng minh ở miền Nam và đánh giá quá thấp đối thủ ở miền Bắc. Nhưng có lẽ cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger đã đúc rút một cách cô đọng nhất khi ông cho rằng, hai thập kỷ kể từ khi chiến tranh kết thúc, “Mỹ đã tìm khắp thế giới nhưng chưa tìm được đối thủ nào cứng đầu” hơn miền Bắc Việt Nam... Là một lính thủy đánh bộ có nhiệm vụ tìm và diệt, Merson nhanh chóng rút ra kết luận rằng chính sách của Hoa Kỳ tất sẽ thất bại... Ông viết: “Một ngôi làng bị nghi ngờ là chứa chấp Việt Cộng thường sẽ bị đốt sạch để khi người làng trở về, họ không thể tìm thấy được thứ gì nữa”. “Nếu trước khi chúng tôi đến, những làng này không chứa chấp Việt Cộng thì tôi chắc chắn rằng sau khi chúng tôi đi nó sẽ trở thành những ngôi làng như thế...”

... John Merson hiểu rõ những gì mà Việt Nam đã dạy cho ông. “Nếu phải nói cô đọng về những gì mà tôi đã học được thì đó là: chiến tranh không giải quyết được vấn đề; nó không những không giải quyết được những vấn đề khiến chiến tranh xảy ra mà thậm chí còn làm cho những vấn đề đó ngày càng trầm trọng thêm.”

... Thay vào đó, ông tin rằng “các hoạt động gìn giữ hòa bình và bảo vệ người tị nạn luôn luôn quan trọng hơn việc tiến hành chiến tranh.” Ông tán thành việc Hoa Kỳ dùng quân đội để hỗ trợ các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc trên toàn thế giới. Hiện tại có khoảng 103.000 binh lính từ

119 quốc gia đang tham gia hơn 20 hoạt động gìn giữ hòa bình do Liên hợp quốc lãnh đạo và con số này đang ngày càng tăng lên. Mặc dù Hoa Kỳ cung cấp hơn 25% chi phí cho các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, nhưng quốc gia có tiềm lực quân sự mạnh nhất thế giới này lại lưỡng lự trong việc cam kết gửi quân và trang thiết bị cho các hoạt động này. Theo đó, khả năng của Liên hợp quốc và các lực lượng khu vực như Liên minh châu Phi trong việc gìn giữ hòa bình tại vùng Darfur thuộc Sudan, tại Cộng hòa Dân chủ Congo và các khu vực đang xảy ra chiến sự khác yếu hơn nhiều so với sức mạnh đáng lẽ họ phải có.

Trong suốt những năm 1990, lực lượng Mỹ đã chứng tỏ được khả năng của mình trong sự nghiệp của Liên hợp quốc qua các vấn đề Balkan và Kosovo. Tuy nhiên, điều này mới chỉ dừng lại ở những chiến dịch ném bom Nam Tư cũ - từ đó dẫn đến các hiệp định gìn giữ hòa bình tại khu vực này.

Dựa trên những trải nghiệm của chúng ta tại vùng Balkan thì không rõ liệu có thể giành được hòa bình mà không sử dụng đến lực lượng chống lại các chế độ diệt chủng hay không? Tuy nhiên, nếu sử dụng lực lượng này thì người Mỹ cũng chỉ nên xem đó như là biện pháp cuối cùng sau khi tất cả các biện pháp trừng phạt về ngoại giao và kinh tế đã tỏ ra không hiệu quả. Và các hoạt động này cũng cần có sự tham gia của tất cả các nước thành viên, đúng như tôn chỉ của Liên hợp quốc. Theo thuyết “Trách nhiệm bảo vệ” của Liên hợp quốc, trong khi chọn một giải pháp nhằm cứu dân thường khỏi tội ác chiến tranh, nạn diệt chủng hay các tội ác khác chống lại loài người thì rõ ràng giải pháp quân sự không nên sử dụng nếu các hoạt động can thiệp quân sự này chỉ làm cho tình hình tồi tệ thêm đối với những người mà chúng ta muốn bảo vệ.

Qua những trải nghiệm đối với Việt Nam, cả trong thời gian chiến đấu và trong quá trình suy nghĩ về những người mà chúng ta muốn bảo vệ.

Qua những trải nghiệm đối với Việt Nam, cả trong thời gian chiến đấu và trong quá trình suy nghĩ về nó, Merson muốn nói rằng thật khó có thể tưởng tượng được có một loại chiến tranh nào lại có thể giúp cải thiện được tình hình của những người mà hình thức can thiệp quân sự đó muốn bảo vệ. Một thế giới không có chiến tranh, chỉ có sự giám sát của lực lượng gìn giữ hòa bình, sẽ là món quà tuyệt vời cho tất cả chúng ta...

Ngày Cựu chiến binh Mỹ, 2007

Kenneth H. Bacon[\[2\]](#)

Chủ tịch Tổ chức Người tị nạn Quốc tế Washington, D.c.

LỜI TÁC GIẢ

Cuốn sách này khởi nguồn từ rất nhiều bài diễn thuyết của tôi. Là một cựu chiến binh trong Chiến tranh Việt Nam, tôi đã nhận được nhiều lời mời tới nói chuyện về chiến tranh sau khi Mỹ tiến hành cuộc chiến tại Afghanistan và Iraq năm 2007. Khán giả muốn nghe về những tác động của chiến tranh đối với người lính và người lính đã vượt qua những trải nghiệm từ chiến tranh như thế nào. Tôi nhận thấy, cách truyền tải suy nghĩ hiệu quả nhất của mình là kể những câu chuyện có thể minh họa về tác động của chiến tranh đối với những người lính trong trung đội bộ binh của tôi. Mỗi năm tôi trở lại Việt Nam, bắt đầu từ năm 1995, hình ảnh con người và đất nước Việt Nam đã vượt qua những hậu quả của cuộc chiến tranh giành độc lập đầy gian khổ như thế nào đã khiến hiểu biết của tôi về chiến tranh càng trở nên sâu sắc.

Cuốn sách này là cách để tôi gửi lời xin lỗi tới người dân Việt Nam vì những lỗi lầm mà tôi gây ra trong chiến tranh. Như bất kỳ lời xin lỗi nào khác, nó phải đi kèm với những hành động cụ thể nhằm giải quyết hậu quả của cuộc chiến và giúp người Việt có được cuộc sống tốt đẹp hơn.

Trong thời gian tìm hiểu quá trình phát triển của Việt Nam từ sau năm 1989, tôi gặp ông Chuck Searcy, một trong những người sáng lập dự án rà phá bom mìn chưa nổ còn sót lại sau chiến tranh ở tỉnh Quảng Trị. Đó là Dự án RENEW được Quỹ Tưởng niệm Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam tài trợ. Tại Mỹ, Quỹ này đã lập ra danh sách những người Mỹ đã hi sinh trong cuộc chiến tại Việt Nam và khắc lên Bức tường Tưởng niệm. Tôi nhận thấy việc thực hiện Dự án RENEW là một cách hết sức lý tưởng để khắc phục những hậu quả gây ra do bom mìn của Mỹ ném xuống Việt Nam, bởi vì rà phá bom mìn còn sót lại sau chiến tranh sẽ giúp làm sạch đất đai, phục vụ công việc canh tác của người dân. Chuck Searcy cho tôi thấy rằng sử dụng tiền bản quyền thu được từ cuốn sách *Những bài học chiến tranh* để hỗ trợ RENEW sẽ là một việc làm rất hữu ích. Ông Chuck cũng giới thiệu cho tôi một thành viên của Dự án RENEW - anh Trần Gia Quang. Anh ấy là người dịch cuốn sách này ra tiếng Việt.

Tại Hà Nội, tôi đã có buổi giao lưu với Công ty Sách Thái Hà - nơi sẽ tổ chức xuất bản bằng tiếng Việt cuốn sách *Những bài học chiến tranh*. Tôi xin được tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Tú Oanh và chị Phương Thảo của Công ty sách Thái Hà vì đã mang cuốn sách này đến với độc giả Việt Nam.

JOHN MERSON

HỌC CÁCH LÀM NGƯỜI LÍNH

Tháng 4 năm 1966

Sau khi rời thành phố Long Beach, California, tàu của chúng tôi gặp cơn bão mạnh quần đảo suốt ba ngày, nên hầu hết chúng tôi đều bị say sóng. Khi bão tan, không khí trong lành của Thái Bình Dương và hơi muối biển đã giúp chúng tôi khỏe lại. Con tàu đông đúc chở hơn 1.000 người nên tôi cố gắng kiếm một chỗ yên tĩnh để đọc sách và cuối cùng đã tìm được một chỗ kín đáo trên mũi tàu, nơi tôi dành thời gian để đọc cuốn *Coriolanus* của Shakespeare.

Mọi lính thủy đánh bộ trong đội của tôi đều được phân công nhiệm vụ trên tàu. Tôi thuộc đội canh gác. Mỗi sáng chúng tôi gặp nhau và được phân công đứng gác ở các phòng quân nhu và kiểm soát quanh tàu. Một ngày nọ, đội trưởng đội gác tìm tôi để giao một nhiệm vụ đặc biệt nhưng không thấy tôi nên đã báo cáo lên cấp trên là tôi bỏ vị trí gác. Trong lực lượng lính thủy đánh bộ, không có màu xám - chỉ có trắng và đen. Có nghĩa là nếu bạn vắng mặt thì chắc chắn bị phạt, nhưng nếu có mặt mà rời vị trí được giao thì cũng sẽ bị phạt. Lúc họ tìm thấy tôi, họ đưa tôi tới trình diện sĩ quan chỉ huy. Sau một vài câu hỏi ngắn, anh ta phạt tôi ba ngày giam một mình trong khoang giam giữ chỉ có bánh mì và nước uống. Thứ duy nhất tôi có để đọc lúc đó là Kinh Thánh. Tức giận vì bị đối xử không công bằng, tôi quyết tâm không để hình phạt này làm tôi nhụt chí. Thay vào đó, trong ba ngày liền, tôi cố gắng đọc sách và xem như mình đang thực hiện công việc hàng ngày trong quân đội. Hàng ngày tôi cũng dành thời gian rèn luyện thể lực. Một người lính được phân công theo dõi tôi qua ô cửa nhỏ để xem tôi đang làm gì, anh ta bắt đầu e sợ sự tinh táo của tôi. Trái với lệnh được giao, anh ta bắt đầu nói chuyện với tôi và thậm chí còn mời tôi ăn kẹo, mặc dù với hành động này anh ta có thể bị phạt.

Anh ta hỏi tôi: “Này, anh thế nào rồi?”

Tôi trả lời: “Tôi không sao”.

“Đây, cầm lấy cái kẹo này.”

“Tôi thực sự không sao mà.”

“Có gì thì anh cứ nói nhé.”

Sau khi rời phòng giam, tôi cảm thấy tự tin một cách lạ thường bởi tôi có thể chịu đựng những gian khổ đã xảy ra. Nhưng sự tự tin này lại nhuộm màu sợ hãi bởi tôi cũng nhận ra rằng sự đơn độc có thể

dễ dàng hủy hoại tôi. Tôi không thể chiến đấu đơn độc, tôi sẽ phải kết nối với những người khác. Tôi cũng nhận ra rằng khát khao làm điều gì đó theo cách riêng của mình có thể dễ dàng khiến tôi vượt quá giới hạn cho phép của quân đội. Tìm chỗ yên tĩnh để đọc sách chỉ là một nhu cầu cá nhân nhưng trong quân đội, đó có thể là một hành động vi phạm quân lệnh. Để không gặp thêm rắc rối nào nữa, tôi sẽ phải đặt sự tinh táo lên hàng đầu để có thể tìm được sự hài hòa cho thế giới tưởng tượng của tôi và cuộc sống thực tế trong quân ngũ.

Kết thúc cuộc hành trình trên biển kéo dài ba tuần lễ, chúng tôi rời tàu lớn và lên một con tàu đổ bộ nhỏ - loại tàu tôi chỉ mới thấy trong các bộ phim về chiến tranh mà thôi. Sau hơn một tiếng đồng hồ lo lắng khi phải ngồi trên con tàu đó, tôi thấy cửa trước của tàu được thả xuống nước và chúng tôi bắt đầu lội vào bờ biển Chu Lai ở miền Trung Việt Nam, cách phía Nam Đà Nẵng chừng vài cây số. Hình ảnh quân lính đổ bộ lên bờ biển trong các bộ phim chiến tranh ngay lập tức vỡ tan tành khi ở đó tôi chỉ thấy những em nhỏ người Việt đang đi bán dạo những chai Coca-Cola.

Ở Chu Lai, những người huấn luyện cùng nhau được chia thành những nhóm nhỏ và được cử tới các đơn vị khác nhau. Al Brown, Dale Vaughan và tôi thuộc biên chế trung đội Ba, đại đội Kilo, tiểu đoàn Ba, trung đoàn Bảy, sư đoàn Lính thủy đánh bộ số Một. Trung đội này sau đó được phân công canh giữ dải đồi thấp ở vòng phòng ngự bên ngoài của một sân bay. Tôi ở chung công sự với Dale. Nhiệm vụ của chúng tôi là luân phiên tuần tiễu vào ban ngày và phục kích vào ban đêm. Một ngày tuần tiễu điển hình gồm có 30 lính đi từ làng này tới làng khác lùng sục vị trí đóng quân, nguồn cung cấp hậu cần hoặc thông tin của quân địch. Mỗi ngày chúng tôi trực tiếp đi từ làng này qua làng khác, thỉnh thoảng phải băng qua những đồng lúa đầy bùn đất, có lúc thì theo đường mòn đi qua những cánh rừng yên tĩnh. Nông thôn tràn ngập một màu xanh, thậm chí có vẻ còn tươi tốt hơn những cánh đồng mà tôi từng làm việc ở Pennsylvania và Wyoming.

Đối với hai lính thủy đánh bộ mới tới Việt Nam như chúng tôi, quãng thời gian ban đêm thật sự khủng khiếp. Trong những công sự nằm trên đỉnh đồi, bóng tối bao trùm quanh chúng tôi. Chúng tôi hầu như không thấy hay nghe được tiếng người từ công sự bên cạnh. Đêm đầu tiên, cả hai chúng tôi thức trắng và chỉ thì thầm trò chuyện với nhau. Chúng tôi cũng chẳng cần thuốc lá hay cà phê mà vẫn thức được. Hai ngày tiếp theo, chúng tôi mệt mỏi đến mức chỉ mới đi tuần được một đoạn ngắn mà đã gần như kiệt sức. Chúng tôi đã lâm vào tình trạng nào thế này? Có lẽ chúng tôi sẽ không thể sống sót nổi qua 13 tháng trong tình trạng ấy.

Chúng tôi muốn được như lính ngắn hạn - họ đã ở Việt Nam một năm và sắp sửa được trở về nhà. Họ khác chúng tôi. Họ hút thuốc liên tục, ăn ít, chợp mắt nhiều hơn là ngủ, mang súng ống dễ như mang

kẹo, chẳng mấy khi nói chuyện và chờ cho thời gian trôi đi cứ như thể đang thả mình theo một điệu nhảy nhịp nhàng. Họ nhìn tôi như thể họ mới là những người sống sót. Họ là những người lính kì cựu mà tôi đã từng xem trên các bộ phim về chiến tranh. Dường như chẳng có gì có thể khiến họ bận tâm. Họ là những hình mẫu trong mắt tôi lúc đó.

Điểm xuất phát cho các cuộc tuần tiểu ban ngày và phục kích ban đêm là boongke trung tâm của trung đội lính thủy đánh bộ chúng tôi. Cả trung đội có 35 người. Ở đây Dale và tôi tìm thấy một bộ cử tạ chắc là được gửi tới cho các đơn vị bộ binh từ một nhà lập kế hoạch cung ứng hậu cần dở hơi nào đó của Lầu Năm Góc. Đó vừa hay cũng là thứ chúng tôi cần để tự biến thành những người lính kì cựu mà chúng tôi đang cố gắng tranh đua. Vào thời gian rỗi giữa những cuộc tuần tiểu ban ngày và phục kích ban đêm, chúng tôi tập cử tạ. Chúng tôi chỉ luyện tập trong thời gian nghỉ giữa trưa, khi đó nhiệt độ có lúc lên tới hơn 40 độ C. Trong vài ngày đầu, chúng tôi yếu đi thấy rõ. Đến cuối tuần đầu tiên tập luyện, hầu như chúng tôi chỉ có thể đi bộ, không còn đi tuần tra lòng sục được nữa.

Chiến lược tiếp theo của chúng tôi là hoạt động càng ít càng tốt, chỉ làm những gì bắt buộc phải làm mà thôi. Chúng tôi bắt đầu luân phiên thức đêm, tranh thủ ngủ càng nhiều càng tốt trong cái công sự chỉ đủ chỗ cho hai người này. Gần công sự của chúng tôi là một dòng suối mà ngày nào chúng tôi cũng đến tắm rửa và giặt giũ. Sáng nọ, trên đường đi từ đồi xuống suối, chúng tôi đi qua một công sự khác có hai đồng đội đang lau súng. Chúng tôi trò chuyện qua quýt với họ một lát rồi đi xuống đồi. Khi vừa xuống tới dòng suối, chúng tôi nghe tiếng súng nổ, sau đó là tiếng hét: “Y tá, y tá”. Chúng tôi vội vã chạy ngược lên đồi và thấy một đồng đội đang nằm trên mặt đất. Chân anh ta quặt ra sau, đầm đìa máu và bị thương nham nhở. Bạn anh ta bảo rằng anh ta lau súng và để quên một viên đạn trong hộp đạn. Chúng tôi cõng anh ta ra khỏi rừng và tới một đỉnh đồi trống. Ngay sau đó, chúng tôi nghe tiếng trực thăng và anh ta được đưa tới bệnh viện dã chiến, rồi được đưa về nhà. Đây là trường hợp bị thương đầu tiên mà tôi chứng kiến và cũng là bằng chứng về việc chiến tranh là sự thật bởi những người mà tôi biết thực sự đã bị thương.

Thường thì mỗi đêm chúng tôi có một nhóm phục kích khoảng 10 người. Chúng tôi tập trung lúc nhá nhem tối rồi theo đường mòn, đi qua hàng rào thép gai xung quanh từng vị trí mà chúng tôi tuần tra vào ban ngày. Khi đã ra khỏi hàng rào thép gai, chúng tôi bước chầm chậm theo những con đường cây cối rậm rạp hoặc băng qua các ruộng lúa cho đến khi chúng tôi đến vị trí phục kích đã được chuẩn bị trước. Những nơi chúng tôi đã đi suốt cả ngày bây giờ trở nên xa lạ và trông thật kinh khủng. Bóng đêm cũng đồng nghĩa với việc chúng tôi bị hạn chế tầm kiểm soát, vì chúng tôi không thể biết được điều gì đang chờ đợi mình phía trước. Đi theo tín hiệu từ phía người dẫn đầu, chúng tôi bước chầm chậm, dẫm lên những bụi cây dọc đường mòn và chờ đợi bất cứ điều gì mà đêm tối sẽ mang đến.

Yên lặng nằm xuống, chúng tôi thay phiên nhau thức và căng mắt theo dõi con đường mòn để phát hiện bất kỳ cử động nào của vật thể hay bất kỳ sự thay đổi nào từ cảnh vật phía trước. Ai qua đường mòn này cũng đều bị xem là lính tuần tiểu, trinh thám, người đưa thư của kẻ địch, hoặc là một tên lính bắn tỉa đang tiến về phía vị trí trung đội chúng tôi. Chúng tôi cũng biết rằng nhiều khi đó chỉ là một người dân làng trở về nhà sau một ngày buôn bán ở chợ. Đó cũng có thể là một chú bé chăn trâu. Đó cũng có thể là một con trâu hay một động vật nào đó. Và đó cũng có thể là một ảo ảnh do chúng tôi sợ hãi mà tưởng tượng ra. Một đêm phục kích dường như dài vô tận khi chúng tôi vẫn nằm đấy, yên lặng đuổi muỗi và nghe âm thanh của chim chóc, côn trùng.

Vào một trong những đêm đầu tôi tham gia phục kích, trời bắt đầu mưa, ban đầu mưa còn nhỏ nhưng sau đó thì như trút nước. Tôi không thể nghe được tiếng gì nữa ngoài tiếng mưa. Khi mưa, gió lay cành cây, tôi sợ là tôi sẽ không thể phát hiện được những cử động tạo ra âm thanh trên mặt đất. Tôi nghĩ có lẽ ai đó sẽ bước qua được điểm phục kích mà chúng tôi không hề thấy. Nếu thế thì người bước qua điểm phục kích cũng không thấy chúng tôi. Tôi cảm thấy như bị mù, bị điếc, bị ướt, lạnh, sợ hãi và không tài nào chớp mắt được. Một số lính khác trông thấy một cử động phía trước mặt và nổ súng, bắn thẳng vào vị trí phục kích. Ngay lập tức chúng tôi đồng loạt bắn. Một lát sau, trưởng nhóm tuần tiểu hô lớn: “Ngừng bắn!”. Anh ta bật đèn pin và chiếu xung quanh khu vực đó. Chúng tôi tìm dọc đường mòn nhưng không thấy dấu hiệu nào về thương vong của kẻ địch cũng như bất kỳ dấu hiệu nào về việc có người nào đó đã tiến gần tới chúng tôi. Sau khi gọi điện đàm báo cáo cho chỉ huy trung đội, chúng tôi được lệnh quay về. Đêm phục kích đã qua, chúng tôi bước chậm chậm trong im lặng trở về doanh trại trên đỉnh đồi.

Hầu như ai cũng mắc lỗi trong tháng chiến đấu đầu tiên. Thêm vào đó, thực tế là những người vừa đến Việt Nam như chúng tôi lại thường bị cử tới những trung đội đã từng có thương vong. Chính vì thế, những lính mới chưa thể quen ngay với đất nước này, với kẻ địch và thậm chí là với đồng đội của mình. Trong thời gian tôi được huấn luyện, đợt huấn luyện đã bị rút ngắn còn tám tuần và đối với bộ binh thì chỉ còn bốn tuần. Sau khi có thêm hai tuần được huấn luyện chiến đấu, chúng tôi bị điều tới Việt Nam, rồi ngay lập tức chúng tôi phải ra chiến trường và bắt đầu tuần tiểu ngày đêm.

Dale và tôi không hiểu lắm về địa hình nơi chúng tôi đi tuần tiểu; phải mất hàng tuần chúng tôi mới biết được rằng sẽ an toàn hơn nếu không bám lấy đường mòn hoặc là nên đi dưới ruộng lúa thay vì đi trên bờ ruộng. Chúng tôi chẳng biết kẻ thù của mình chiến đấu ra sao, dây bẫy mìn trông như thế nào, hay là làm thế nào để có thể phát hiện một quả đạn pháo chôn dưới đất. Quan trọng hơn, chúng tôi còn không biết nhiều về đồng đội ở những công sự gần với chúng tôi, họ đã đến Việt Nam trước chúng tôi

hàng tháng trời. Sau đó, chúng tôi nhận ra rằng những người có kinh nghiệm không mấy hứng thú chỉ cho chúng tôi điều gì cần làm và điều gì không nên làm. Những người lính sắp hết hạn nghĩa vụ ở Việt Nam không có nhiều thời gian để dạy dỗ người khác, bởi vì những gì họ có thể khuyên chúng tôi toàn là kết quả của những sự kiện mà họ đều muốn quên đi. Chính vì thế, Dale và tôi lại là hiềm họa của chính mình và của những người khác trong trung đội cho đến khi chúng tôi đã có kinh nghiệm tuần tiểu ngày đêm trong nhiều tháng.

Đáng lẽ người ta nên điều nguyên cả một đơn vị tới Việt Nam và cho ở cùng nhau cả năm. Sau khi phải chịu một số thương vong, các đơn vị đó lẽ ra phải được điều về hậu phương để bổ sung lực lượng và huấn luyện lại. Các đội hoạt động hiệu quả nhất mà tôi thấy là những đội đã từng có nhiều tháng chiến đấu cùng nhau. Một số người lại thích được ra mặt trận hơn là chỉ loanh quanh trong căn cứ quân sự ở Mỹ; họ không thích phải điếm danh, phải lau chùi trang bị cả ngày, phải nghiêm nghị chào thượng cấp và suốt ngày chỉ theo một lịch trình nhất định. Với những người này, thời gian ở chiến khu trôi nhanh hơn bình thường. Họ thích vẽ vờ ra các khoản được trả thêm vì họ là những người ngoài mặt trận; họ cũng thích việc ít có cơ hội phải tiêu tiền. Một người lính có thể gửi tiết kiệm tất cả khoản tiền nhận được để có thể sử dụng sau khi trở về. Có lúc đang ở chiến trường nhưng họ lại thấy như đang ở một khu nghỉ dưỡng nào đó bởi vì tất cả chi phí đều được trả, trừ đồ uống và tiền đánh bạc. Và nếu như tất cả tiền đã gửi về nhà rồi thì sẽ dễ dàng tránh được việc tốn tiền vào những trò đen đỏ.

Cứ một vài tuần, trung đội của tôi lại thay đổi vị trí một lần khi có thông tin mới về những động thái của Việt Cộng trong khu vực. Thế nên ngay khi vừa quen được địa hình và làng mạc trong khu vực tuần tiểu, chúng tôi lại bị chuyển tới một khu vực mới. Thực sự thì chúng tôi sẽ hoạt động hiệu quả hơn nhiều nếu có thể chiến đấu cùng nhau trong một trung đội và tại một khu vực nhất định trong suốt thời gian chúng tôi ở Việt Nam.

Phần lớn định hướng của tôi có được từ một người bạn mới: *nổi sợ hãi*. Sợ hãi là bạn của tôi bởi vì nó có thể giúp tôi an toàn; sợ hãi dạy tôi biết phát hiện những quả mìn chôn dưới đất, những hồ chông sắc nhọn được tre cỏ phủ lấp, những vị trí và những góc mà lính bắn tỉa thường chọn, những con rắn độc trông như những cành tre xanh và tiếng rít của viên đạn súng cối đang tới gần. Sau cùng, nếu không thể tự khiến mình mạnh mẽ hơn - nếu cố để mạnh hơn nhưng lại chỉ trở nên yếu hơn - thì sự sống sót lại dựa vào việc làm bạn với nỗi sợ hãi. Sợ hãi là người thầy của tôi. Sợ hãi cũng sẽ giúp tôi kết bạn, vì sợ hãi là điều mà ai cũng có. Thay vì hoạt động một mình, tôi sẽ sử dụng nỗi sợ hãi để giúp tôi gần gũi hơn với những người xung quanh.

Nỗi sợ hãi có trong không khí tôi thở, nước tôi uống và mặt đất tôi ngủ. Nỗi sợ hãi nằm dọc con đường làng, dọc những bờ ruộng khi tôi tìm kiếm những dây bẫy mìn. Nỗi sợ hãi ẩn nấp trong ngôi nhà tre lợp mái tranh mà tôi đi qua. Trong những căn nhà đó, nỗi sợ hãi chui rúc dưới nền nhà đầy bụi bặm, trong những hố tôi om dùng làm hầm tránh bom và những bờ đưng gạo. Dọc đường núi, nỗi sợ hãi co cụm lại dưới những bụi cây, hoặc sẫm soi tôi từ những khe hở của các boongke được xây ăn vào sườn đồi. Nỗi sợ hãi trải khắp địa hình tác chiến như một màn sương mù vậy.

Nỗi sợ hãi cũng theo chúng tôi đến với người Việt ở các huyện vùng sâu, vùng xa nơi chúng tôi tuần tiễu. Chúng tôi mang theo nỗi sợ hãi đến với đất nước họ, giống như những gì mà người Pháp đã làm trước đó. Chúng tôi là những người thừa kế và cũng là những người tạo ra nỗi sợ hãi này. Chúng tôi là thần dân của chế độ mang tên sợ hãi và những cuộc tuần tra thường ngày từ làng này sang làng khác khiến chế độ đó tiếp tục tồn tại. Tuần tra ban đêm càng làm nỗi sợ hãi mỗi lúc một tăng thêm từ lúc chạng vạng đến khi bình minh. Được trang bị đầy đủ vũ khí nhưng tôi cũng sợ hãi chẳng kém gì những người nông dân mà tôi gặp trên đường tuần tra. Những người già có con cái tham gia chiến tranh đều rất sợ hãi. Những người mẹ đang thu hoạch mùa màng cũng sợ hãi.

Chỉ có trẻ con là chưa hiểu được nỗi sợ hãi ấy là gì. Nỗi sợ hãi tóm lấy họ và buộc họ phải chú ý. Lúc nỗi sợ tạm thời qua đi, họ lại chuyển sự chú ý sang những công việc thường ngày như chăn trâu hay bắt cá.

Thật thú vị khi làm bạn với nỗi sợ hãi; đó là người bạn luôn đồng hành với tôi. Bởi vì tôi phải cảm thấy nó trước khi tôi gặp nó, nỗi sợ hãi khiến tôi thêm mềm yếu và dễ bị tác động. Nỗi sợ hãi dẫn tới việc nhiều thành viên trong trung đội của tôi luôn khoe khoang về việc họ đã trải qua một thời kì gian khổ như thế nào, như thể là những khó khăn đó cũng là cách để vượt qua nỗi sợ hãi đang bao trùm khắp nơi. Câu trả lời của tôi vẫn luôn luôn như thế: “Tôi không cứng rắn, nhưng tôi có thể chịu đựng được.”

Sau khi từ cuộc chiến trở về, tôi vẫn thấy sợ. Nỗi sợ hãi đã ngấm vào tôi, mặc dù hiếm khi có một lý do nào đấy khiến tôi phải sợ. Tôi cho rằng thực tế này đã góp phần tác động tới cảm nhận của tôi về đời sống bên ngoài khiến tôi bối rối khi cảm xúc của mình không thể hòa hợp được với thế giới xung quanh. Qua nhiều năm, cảm giác sợ hãi này dần giảm đi, chỉ còn một vài điều - chẳng hạn tôi thường có xu hướng nhảy dựng lên nếu có tiếng ồn lớn, tôi không muốn nghe tiếng pháo hoa và rất thích đi bộ trong rừng. Tôi bị cuốn hút vào việc đi bộ như một cách hồi tưởng lại những trải nghiệm của người lính bộ binh với mong muốn thay đổi nó thành cái gì đó tươi sáng hơn, thoải mái hơn. Đi bộ trong rừng khơi dậy ký ức của những cuộc tuần tra đầy nguy hiểm. Đầu tiên tôi thấy mình như một tên lính bắn tỉa

núp trên cây, rồi nằm phục kích sau những bụi cây rậm rạp và dây bầy mìn thì giăng ngang con đường mòn. Những cảnh tượng này cứ trở đi trở lại, có khi pha trộn với vẻ đẹp thiên nhiên của núi rừng. Tôi nhớ một lần tuần tiễu kéo dài hai tuần trong vùng núi miền Trung Việt Nam. Phía tây Đà Nẵng. Chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình tại một thung lũng với những tán lá dày đến nỗi người dẫn đầu phải lấy dao rựa chặt cây mở đường cho chúng tôi, trong khi người đi ngay phía sau phải vác súng hộ cho anh ta. Ngày đầu tiên, chúng tôi trèo núi từ sáng cho đến tối. Càng lên cao không khí càng lạnh, cây cối cũng cao hơn và cây bụi thưa thớt hơn. Ngày thứ hai, chúng tôi gặp một đội lính thủy đánh bộ trình sát khu vực này. Trong thời gian nghỉ ngơi, tôi trò chuyện với một người trong số họ về những gì mà anh ta đã thấy. Anh ta đã sang Việt Nam được gần một năm, nhưng anh ta tỏ ra rất thân thiện và cởi mở, không giống như những lính ngắn hạn ở trung đội tôi. Anh ta làm tôi nhớ đến một bạn học khá nổi tiếng, quan hệ khá rộng rãi còn học phổ thông, nhưng chúng tôi không biết tên nhau. Lúc chúng tôi tiếp tục trèo núi thì được anh ta dẫn đường. Một lúc sau có tiếng súng bắn tia vang lên và anh ta trúng đạn. Anh ta ngã xuống đường mòn, viên đạn xuyên qua cuống họng. Y tá ngay lập tức cấp cứu cho anh ta nhưng người lính này đã không qua khỏi.

Sau nhiều năm, khi hồi tưởng lại những ký ức về lần hành quân đường núi ấy, tôi bắt đầu cố gắng sắp xếp lại những trải nghiệm về chiến tranh để chúng giống như một cuộc đi bộ. Điều đó chẳng khác nào tôi đã lược bỏ đi sự ác liệt và tàn phá của chiến tranh và chỉ giữ lại cái nền cuộc sống của một người lính bộ binh - đi qua những vùng quê xanh tươi, mang trên vai ba lô có vài bộ quần áo và lương thực đủ cho vài ngày. Leo núi trở thành cách ưa thích để tôi có thể thưởng thức thế giới bên ngoài. Cùng với gia đình và bạn bè, tôi đã leo núi ở nhiều nơi, chẳng hạn như Berkshires, Massachusetts và những ngọn núi trắng xóa của vùng New Hampshire, quanh những hồ nước ở Maine, những ngọn núi San Gabriel của California, đỉnh Kilimanjaro, trên những hòn đảo Galapagos và ở miền Bắc Việt Nam và Lào.

CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ

Biện minh cho cuộc chiến

Trung sĩ trung đội tôi yêu cầu có người tình nguyện đi theo bảo vệ trình sát người Việt trong vài ngày. Tôi thấy nhiệm vụ này là cơ hội tốt để gặp người bản xứ nên đã xung phong. Trình sát này là một thanh niên tầm tuổi tôi. Huy là sinh viên trường Đại học Sài Gòn đang nghỉ hè. Anh ta cao ráo, mảnh khảnh, nhiệt tình và thành thạo tiếng Anh. Chúng tôi trò chuyện về trường học, các khóa học, gia đình và bạn bè. Tôi tò mò về cuộc sống của anh ở Sài Gòn và ở trường đại học. Tôi biết một phụ nữ người Mỹ đã từng dạy tiếng Anh tại Đại học Sài Gòn trước đó ba năm. Tôi hỏi xem anh ta có biết cô ấy không? Anh ta không quen nhưng đã nghe nói về cô ấy. Sau đó, tôi hỏi anh ta suy nghĩ thế nào về cuộc chiến tranh này. Nó có phải là cuộc nội chiến không? Hay là miền Bắc xâm lược miền Nam?

Theo anh ta, miền Nam Việt Nam có một chính quyền quân sự do Mỹ lập nên sau khi CIA sắp đặt vụ chính biến lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm. Các nhà lãnh đạo miền Nam phải theo lệnh Mỹ nếu họ muốn tiếp tục nhận được viện trợ quân sự và kinh tế từ Mỹ. Như Huy nhìn nhận về tình hình, chính quyền miền Nam Việt Nam không nhận được sự ủng hộ của nhân dân. Anh ta hết sức khâm phục những nhà sư đã tự thiêu để phản đối sự đàn áp của chính phủ.

Huy hỏi tôi nghĩ thế nào. Ở trường đại học, bạn bè tôi và tôi đã tranh luận không ngừng về cuộc chiến này. Đó là cuộc chiến diễn ra trong thế hệ chúng tôi; nó đang làm lệch hướng phong trào dân quyền non trẻ; nó đang trở thành ưu tiên hàng đầu của chính phủ chúng tôi. Tôi bị thuyết phục rằng đó là một cuộc nội chiến giữa hai phe phái chính trị ở Việt Nam. Mỗi phe đều đang tìm kiếm sự hỗ trợ từ đồng minh nước ngoài khi xung đột nổ ra. Mỹ e sợ Việt Nam thống nhất dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản - những người đã chiến thắng Pháp trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Khi nêu ra thuyết Domino, Tổng thống Mỹ Johnson cảnh báo rằng một Việt Nam cộng sản có thể dẫn tới một Đông Nam Á cộng sản. Kể từ cuối những năm 1940, các cuộc tranh luận về chính sách đối ngoại giữa Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa diễn ra nảy lửa xung quanh câu hỏi liệu ai là người chịu trách nhiệm về việc để mất Trung Quốc vào tay Cộng sản.

Tôi không nghĩ là Mỹ có quyền can thiệp.

“Vậy tại sao anh lại ở đây?” Huy hỏi tôi.

Tôi trả lời rằng bố tôi từng tham gia chiến tranh vào thời ông ấy. Tôi muốn trở thành một người đàn

ông thực thụ và tôi tin rằng chiến đấu là con đường để trở thành người đàn ông thực thụ. Tôi biện luận rằng có lẽ sự can thiệp của Mỹ sẽ giúp kết thúc cuộc chiến giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, và đưa tới một giải pháp có lợi cho hai bên. Và quan trọng hơn cả là tôi trở thành một người lính vì tôi muốn là anh hùng.

Tôi càng cố gắng giải thích lý do tôi tham gia chiến tranh thì tôi lại càng có thêm nhiều câu hỏi về chính những lý do đó. Tôi băn khoăn tại sao tôi phải làm việc vất vả chỉ để trở thành một người lính. Huy không chỉ trích lý do vì sao tôi có mặt ở đây, nhưng anh ta tò mò và có lẽ là hoài nghi. Nếu anh ta ở vị trí tôi, liệu anh ta sẽ làm gì? Huy là một sinh viên ở Sài Gòn và anh ta quyết định ở lại trường học tập. Nếu anh ta đã quyết định sẽ không chiến đấu cho chính quyền miền Nam, thế tại sao tôi lại đang ủng hộ chính quyền này? Tôi bắt đầu thấy tôi không thể phân biệt rõ được khao khát về chủ nghĩa anh hùng với sự nghiệp mà tôi đang chiến đấu vì nó. Nếu ai hỏi tôi về việc tại sao tôi đang là một người lính ở chiến trường Việt Nam, liệu tôi vẫn có thể trả lời đó là vì tôi muốn trở thành anh hùng hay không?

Tôi đã luôn luôn đồng nhất chủ nghĩa anh hùng với cuộc sống của một người lính. Tôi được cậu tôi đặt tên cho. Cậu tôi đã tham gia Lực lượng Không quân Hoàng gia Canada trước khi Mỹ kết thúc Thế chiến II. Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện phi công, đơn vị của cậu lên tàu tới nước Anh. Trên đường qua Đại Tây Dương, tàu của cậu bị trúng ngư lôi và cả đơn vị đều mất tích. Thi thể của cậu chưa tìm thấy. Bà và mẹ tôi thường nói về cậu tôi, về những điều khiến ông ấy trở nên cao cả. Nhưng tình thương và sự khâm phục dành cho cậu tôi lại không xuất phát từ việc ông đã tình nguyện nhập ngũ vào thời chiến. Tôi có thể nói là bà tôi và mẹ tôi yêu thương cậu vì sự dũng cảm của ông, vì sự thân mật, hấp dẫn, vì tình yêu cuộc sống và sự say mê đối với thể thao, niềm vui và bè bạn của ông. Tôi thích nghe họ kể về chuyện xảy ra trong kỳ nghỉ của cậu ở Tây Ban Nha. Cậu tôi trèo lên nóc ô tô - lúc đó chiếc xe đang bị mắc kẹt giữa một cuộc biểu tình chính trị - và cùng kêu gào lên án Franco là tên độc tài xấu xa. Quá sợ hãi, bà tôi tìm cách ngăn cậu tôi lại, nhưng ông vẫn tiếp tục biểu tình. Những câu chuyện về cậu tôi đã cho tôi một cách nhìn khác về chủ nghĩa anh hùng - đó chính là người dám lên tiếng chống lại sự bạo ngược. Nhưng khi nói về cậu tôi, mẹ tôi chưa bao giờ tự hào về việc cậu tôi cảm sung.

Bên cạnh đó, bố tôi là phó tư lệnh căn cứ hải quân Guadalcanal ở quần đảo Solomon trong suốt Thế chiến II. Ông cũng từng là sĩ quan chỉ huy hỏa lực trên tàu khu trục hộ tống *Helena*. Tàu này bị trúng thủy lôi và chìm ngay sau khi ông rời nó để nhận vị trí ở Guadalcanal. Bố tôi tốt nghiệp Học viện Hải quân Mỹ năm 1928, cùng năm đó Hiệp ước Washington đặt chiến tranh ra ngoài vòng pháp luật. Ông cảm thấy sự nghiệp mà ông lựa chọn đã trở nên lỗi thời. Hai năm sau, trong suốt thời kỳ

Khủng hoảng kinh tế^[3], ông từ chức ở lực lượng hải quân và dự thi vào Trường Luật Harvard, từ bỏ cuộc sống ổn định của một sĩ quan. Mười năm sau đó, lúc người Mỹ thiệt hại nặng nề trong trận Trân Châu Cảng^[4], ông trở về từ Brazil, nơi ông mở một đơn vị xuất khẩu cho ngành thép Mỹ, và lại tham gia lực lượng hải quân.

Trong thời gian ở Guadalcanal, bố tôi bị sốt rét và phải điều trị ở bệnh viện hải quân trong suốt một năm cuối chiến tranh. Bố tôi là người anh hùng đầu tiên của tôi và chiến tranh là tâm điểm của hình ảnh về ông trong tôi. Tôi thấy ở bố tôi một người nóng tính, thường nổi nóng với mẹ, anh chị và tôi. Lúc tôi từ Việt Nam trở về và nhận thấy rằng tôi cũng thường nổi nóng như thế, tôi băn khoăn liệu có phải sự giận dữ của bố tôi chính là kết quả của những năm tháng chiến tranh hay không. Trong khi bố tôi hướng sự giận dữ của mình vào các thành viên trong gia đình, tôi lại trút giận lên những đồ vật nhỏ nhoi như điện thoại và đồng hồ. Và tôi lo lắng rằng tôi cũng sẽ trở thành một người nóng giận và có phản hung bạo như bố tôi vậy.

Tôi không chắc chắn có phải chính chiến tranh đã làm bố tôi biến thành người như thế hay không; tôi nghĩ là ông bị cuốn vào chiến tranh bởi cùng một động lực mà ông đã cố gắng hướng vào cuộc sống xã hội của mình. Chiến tranh kết thúc, ông tình nguyện làm việc cho một tổ chức cải cách nhà tù và sau đó làm việc cho uỷ ban Hoover trong chương trình Tái cơ cấu Chính phủ. Cũng vì thế, ông được bổ nhiệm giữ một vị trí cao cấp tại Cục Thông tin Hoa Kỳ (USIA) dưới thời Tổng thống Eisenhower. Sau khi bắt đầu công việc không lâu, Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy liên lạc với ông và cho rằng có người thân cộng sản đang làm việc trong Cục Thông tin Hoa Kỳ. Bố tôi tìm kiếm sự giúp đỡ từ Nhà Trắng nhằm bảo vệ Cục của mình, nhưng sau đó ông nhận ra rằng Eisenhower và Nixon không muốn mạo hiểm chỉ trích McCarthy, vì ông ta cũng là thành viên Đảng Cộng hòa. Bố tôi đã phải đấu tranh để tháo ngòi cho vụ việc này bằng cách không từ chối hợp tác với Thượng nghị sĩ McCarthy nhưng cũng chẳng thực sự tham gia vào. Rút cuộc, ông từ chối sa thải người bị kết tội thân cộng sản trong Cục của ông. Trong suốt thời gian bị Thượng nghị sĩ McCarthy chỉ trích, bố tôi đã dành hàng giờ đồng hồ để đàm phán với Roy Cohn về việc Cục của ông cần phải làm gì để chứng minh nhiệt huyết chống cộng của mình. Bố tôi cực kỳ thất vọng là Cục của ông không làm được gì nhiều so với sứ mệnh mà nó theo đuổi trong suốt thời kỳ này. Gần hai năm sau khi đến Washington, ông từ chức và trở lại làm việc trong ngành luật.

Sau đó, bố tôi đã ghi lại những kinh nghiệm của mình với “chủ nghĩa McCarthy”^[5] trong cuốn *The Private Diary of a Public Servant* (Nhật ký của một công chức), được xuất bản năm 1956. Sau khi không làm việc cho chính phủ nữa, ông hoạt động trong ngành luật, làm công tác vận động tài trợ cho một trường đại học, dạy tại trường Luật Duke và trường Đại học Bắc Carolina tại Chapel Hill, đảm

nhận các vụ việc về quyền dân sự và đạt được bằng tiến sĩ về khoa học chính trị ở tuổi 70. Bố tôi đã đứng vững khi theo đuổi sự nghiệp dù phải đối mặt với sự phản đối mạnh mẽ. Mỗi sứ mệnh đều giúp ông vượt qua được những xung đột đó. Thế chiến II không phải là cuộc chiến đầu tiên, cũng chẳng phải cuộc chiến cuối cùng của ông, nhưng sự mô tả về chiến tranh của ông làm tôi thấy dường như đó là lúc ông hạnh phúc với tất cả bản năng của mình được hoạt động một cách hạnh phúc nhất và lúc đó - tất cả khát khao chiến đấu trong ông đều hướng tới một kẻ thù xa xăm nào đấy.

Trong khi bố tôi làm tôi sợ thì mẹ tôi, Palmyre - lại là người yêu thương tôi như một đứa trẻ. Bà dành nhiều thời gian cho tôi, chăm sóc tôi và chấp nhận mọi cá tính của tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy phải tự chứng minh mình với mẹ tôi. Cũng giống như mẹ tôi, chị gái tôi - Victoria - luôn chăm sóc tôi, dạy tôi học tiếng Anh khi gia đình tôi trở về từ Brazil và tặng tôi những món quà sinh nhật đẹp nhất. Cả mẹ và chị tôi đều rất thích ngựa nên họ đã dạy tôi chăm sóc ngựa và cách cưỡi ngựa. Bị cận thị và thể chất yếu nhưng tôi rất may mắn khi có hai người phụ nữ cực kỳ tốt bụng luôn tạo cơ hội cho tôi khám phá những gì tôi thích. Mẹ tôi mất khi tôi 13 tuổi và chính vì vậy càng khiến tôi cần bố hơn. Việc tôi quyết định trở thành một người lính phần lớn xuất phát từ việc tôi muốn tự chứng tỏ lòng kính trọng của tôi với bố. Và cũng chính lúc đó, những kinh nghiệm từ những ngày tháng trong chiến tranh lại làm tôi băn khoăn về sự nghiệp mà tôi theo đuổi. Năm 1966, trong bức thư gửi từ Việt Nam cho anh trai, tôi cố gắng đưa ra những lý do căn bản vì sao tôi tham gia vào cuộc chiến:

Chiến dịch Dồn dân Lập ấp (Operation County Fair) thể hiện nỗ lực của lực lượng miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ nhằm biến kế hoạch chính trị để bình định và kiểm soát lãnh thổ thành một chiến lược quân sự tất thắng. Vấn đề ở chỗ cần phải làm thế nào để phá hàng loạt những chân rết mà Việt Cộng đã xây dựng được. Được hỗ trợ nhờ sự thâm nhập của Bắc Việt xuống dưới vĩ tuyến 17, các đơn vị quân nổi dậy đã chiếm được nhiều vùng ở miền Nam cả về quân sự và chính trị, điều này là những khó khăn rất lớn đối với bất kỳ nỗ lực nào sử dụng các biện pháp quân sự thông thường để tiêu diệt chúng. Trong chiến tranh du kích, các nỗ lực chống du kích phụ thuộc vào mức độ có thể giành được lòng trung thành và hỗ trợ tích cực từ phía người dân, đặc biệt là đối với những người sống ở các vùng sâu vùng xa, những làng xóm nhỏ và những nhóm cư dân rải rác mà chính quyền chưa hề biết đến. Làn sóng chống lại chính quyền trung ương ngày càng mạnh mẽ và đông đảo hơn.

Trong bức thư này, tôi cố gắng liên hệ những trải nghiệm hàng ngày trong chiến tranh với những kiến thức về khoa học chính trị để tìm ra lý do căn bản về những việc mà một người lính như tôi đang làm. Chắc chúng phải có gì đó gắn kết với nhau.

Cuộc hành quân này đồng nghĩa với việc phải bắt đầu từ phía Nam sông Trà Bôn tiến vào vùng Việt Cộng đang kiểm soát, nhằm thuyết phục người dân địa phương về sức mạnh và quyết tâm của lực lượng Đồng minh, đồng thời tăng cường sự tin tưởng trong dân chúng về ý chí và khả năng của chính quyền trung ương có thể bảo vệ họ khỏi các cuộc tấn công của Việt Cộng, từ đó có thể kêu gọi họ đóng góp sức người và lương thực. Chúng tôi điều ba đại đội bao vây một ngôi làng, mỗi đại đội kèm theo các thông dịch viên của quân đội miền Nam Việt Nam đi theo (“thông dịch” là lối nói uyển ngữ để chỉ những người thẩm vấn rất hung bạo). Sau đó, máy bay thám sát tầm thấp mang loa phát thanh thông báo rằng ngôi làng đã bị bao vây và tất cả dân làng phải ngay lập tức chuyển đến một khu nhà đã được xây ở phía Bắc làng. Thông báo này cũng tuyên bố rằng tất cả các ngôi nhà trong làng sẽ bị lục soát và nếu nhà nào bị phát hiện cất giấu lúa gạo (cho Việt Cộng dùng) sẽ bị trừng phạt. Sau khi người dân đã chuyển ra khỏi làng đến khu nhà phía Bắc, máy bay phản lực sà xuống và oanh tạc bằng súng 20 li, bắt đầu từ phía Nam ngôi làng. Cuộc không kích sẽ chuyển dần về phía Bắc, dội xuống các ruộng lúa và những khu đồi nằm rải rác, nơi có những tán lá mang vẻ yên bình cho các túp lều, ngôi nhà tranh và ngôi đền đá dưới ánh nắng chói chang của vùng khí hậu cận xích đạo. Vào lúc chiếc máy bay thám sát nhỏ với những đường bay xoắn ốc mang khối âm thanh đều đều của nó ra khỏi bầu trời xanh mờ của tháng 5, giờ đây bầu trời lại bị cắt xẻ bởi những chiến đấu cơ đang gầm rú lao xuống thể hiện sức mạnh của chúng với những con mồi và bởi tiếng của động cơ khi chúng lượn lên để duy trì độ cao an toàn.

Trong những thời điểm như thế, những người lính cảm thấy như đang được xem một bộ phim với một màn hình khổng lồ: ngôi yên lặng dưới mặt đất và chờ máy bay tuần tiễu. Và rồi máy bay phản lực xuất hiện kèm theo tiếng đạn pháo. Rất lạ là chúng tôi lại thấy bình thường khi buộc toàn bộ một ngôi làng phải rời nhà cửa và đồng ruộng của mình. Nếu có ai đó đề nghị điều này đối với thị trấn nơi tôi từng sống, tôi sẽ nghĩ chuyện đó thật lố bịch. Đây là một ví dụ điển hình về cách nghĩ “tàn phá làng mạc để cứu lấy nó” á. Chúng tôi đang biến vùng nông thôn thành các khu vực quân sự.

Khi chiếc máy bay thám sát lượn lên không trung lần cuối và biến mất về phía Đông giữa một đoàn phi cơ hộ tống, chúng tôi bắt đầu càn quét ngôi làng. Suốt cả buổi chiều, chúng tôi đi từng nhà, lục soát khắp nơi để tìm hầm trú ẩn, hầm chứa lương thực và chuồng nuôi gia súc. Cuối ngày, trung đội chúng tôi cuối cùng cũng được nghỉ ngơi thoải mái tại một chiếc sân nhỏ. Giữa sân là một cái giếng cũ thành xây bằng đá nằm dưới bóng im lìm của bụi chuối. Những thông dịch viên của quân đội miền Nam Việt Nam tiếp tục lục soát khắp nơi để tìm các vật dụng cá nhân có giá trị. Ở giữa sân, bên cạnh giếng nước là một cây chuối mảnh dẻ đứng chơ vơ, tách biệt với những cây chuối khác bởi vạt nắng chiều muộn; các tàu lá của nó bị lính thủy đánh bộ vặt trụi để tìm quả. Từ mép sân vọng lại âm thanh của những người thông dịch đang lục soát một ngôi nhà. Họ bắt được

một cậu bé trạc 7 hoặc 8 tuổi gì đó. Chúng tôi nghe thấy tiếng cậu bé khóc khi họ đá và đánh cậu để tìm bằng được chỗ gia đình cậu chứa thóc gạo. Cuối cùng, họ phát hiện được nơi chứa gạo. Cậu bé được thả và chạy ngang qua sân để về với gia đình cậu trong khu tập trung. Khi cậu bé mới chạy đến giữa sân, một người lính một tay cầm dao rựa chặt đứt lìa thân cây chuối đứng trợ trợ đó, rồi đứng lặng đi vì một thoáng bối rối sau hành động phá phách của mình, tay còn lại vẫn giữ cho thân cây chuối đứng thẳng. Thấy cậu bé chạy qua sân, người lính ra lệnh cho cậu bé đứng cạnh cây chuối. Bỏ con dao xuống, anh ta cầm bàn tay nhỏ bé của cậu bé và đặt nó đỡ lấy thân cây chuối đang run rẩy. Sau đó anh ta bỏ đi, để cậu bé và cây chuối đứng cùng nhau như một biểu tượng của một ngày tàn phá. Và cậu bé, không hiểu người lính đó muốn mình làm gì, rút tay lại, bước giật lùi tránh xa cây chuối và thấy nó đổ gục ngay cạnh mình. Cậu bé quay ngoắt rồi bắt đầu chạy về phía khu tập trung. Vừa chạy cậu ta vừa ngoái đầu nhìn cây chuối đổ, sự bối rối hiện lên trong mắt cậu bé và nước mắt đã dần khô trên má cậu.

(Bức thư gửi James Merson, ngày 19 tháng 6 năm 1966)

Tôi đã cố gắng viết một câu chuyện về những việc xảy ra trong ngày hôm đó, dùng hình ảnh cậu bé và cây chuối để dựng lên sự xung đột cố hữu giữa mục đích của chúng tôi và những hậu quả thực sự. Bên cạnh đó, chúng tôi đang triển khai cuộc hành quân nhằm tiêu diệt nguồn tiếp tế cho Việt Cộng ở ngôi làng nhỏ này. Cùng lúc đó, chính hành động của chúng tôi và những người thông dịch của lực lượng miền Nam Việt Nam đã phá hỏng ý nghĩa của những mục đích mà chúng tôi đang cố gắng hoàn thành.

Ngay sau cuộc hành quân, tôi được chọn đi học tiếng Việt để làm phiên dịch cho đơn vị. Tại thời điểm đó, chẳng có người nào nói được tiếng Việt ở trung đội, đại đội và thậm chí là tiểu đoàn chúng tôi. Điều đó có nghĩa là hàng ngày chúng tôi tuần tiểu qua các ngôi làng hàng chục lần mà không thể tiếp xúc, trò chuyện được với bất kỳ người dân nào sống ở đó. Là người nói được tiếng Pháp, tôi luôn được phân công thăm vấn dân làng về những động thái của địch và trang bị mà địch mang theo. Những cuộc thăm vấn đó nhiều lúc rất buồn cười. Hầu hết người Pháp đã rời khỏi Việt Nam từ năm 1954 và nhiều người Việt nói tiếng Pháp đã di cư sang Pháp, cũng như sau này nhiều người Việt nói tiếng Anh đã sang Mỹ. Tới năm 1966, vẫn có một số người biết tiếng Pháp sống ở những làng mạc miền Trung Việt Nam - nơi chúng tôi thường đi tuần tiểu. Những dân làng biết chút ít tiếng Pháp hầu hết là người già và thường chỉ ở nhà.

Bởi tiếng Pháp là ngôn ngữ của chế độ thực dân cũ nên việc chúng tôi sử dụng tiếng Pháp cũng bị hiểu như những lời lẽ hàm chứa dụng ý thực dân. Vấn đề càng tồi tệ hơn khi những từ tiếng Pháp tôi

dùng lại là những từ ngữ có từ thời Racine, Moliere và Stendhal.^[6] Đó không phải là thứ tiếng Pháp để có thể thăm vấn người ta về súng cối 60 li, súng AK-47, những trung đoàn và quân thám báo, cũng không phải là những từ thông dụng để nói về gieo mạ, những cơn mưa gió mùa và những phiên chợ. Nếu muốn giao tiếp và xây dựng quan hệ ở đây thì chỉ nên dùng tiếng Việt mà thôi. Nhưng tôi cũng đã cố gắng sử dụng vốn tiếng Pháp của mình một cách tốt nhất có thể. Ngồi trò chuyện với người làng cũng là cách nghỉ ngơi trong những lần tuần tra buồn tẻ. Tôi có thể hỏi về gia đình, công việc, thời tiết, mùa màng, thậm chí cả giá gà nữa. Hồi nhỏ từng nuôi gà nên tôi có thể trò chuyện cặn kẽ với dân làng về việc chăn nuôi. Có lẽ tôi đã xây dựng được mối quan hệ nào đó, thậm chí tôi còn nghĩ là không đến nỗi phải có chiến tranh. Tôi cố gắng giải thích cho họ những quy định trong chiến tranh như lệnh giới nghiêm, việc bắn pháo vào ban đêm và những khu vực tự do bắn phá. Có thể tôi chưa làm được gì để phục vụ cho những nỗ lực của chúng tôi trong cuộc chiến này, nhưng tôi cảm thấy những người dân làng tỏ ra cảm kích trước sự thân thiện và ý tốt của tôi. Tuy nhiên, rõ ràng là sự hiện diện của chúng tôi dù tốt đẹp đến mấy cũng chỉ được xem là sự xâm lược, còn nếu không sẽ bị coi là sự tàn phá. Khi tiến vào các làng mạc của người Việt, chúng tôi thường phá hủy các thúng đựng gạo và chuồng nuôi gia súc, gia cầm trong khi lục soát để tìm nơi cất giấu vũ khí. Một làng bị nghi che giấu lính Việt Cộng thường bị đốt trụi để dân làng sẽ chẳng còn gì khi họ quay lại. Nếu dân làng đó không phải là người che giấu Việt Cộng trước khi chúng tôi tới thì tôi chắc chắn họ sẽ làm vậy sau khi chúng tôi đi khỏi. Hầu hết người Mỹ đều nghĩ rằng ngôi nhà là tòa lâu đài của gia đình mình. Nếu nhà của chúng ta bị những người lính ngoại quốc xâm nhập và lục soát, chắc chắn hầu hết chúng ta sẽ tham gia vào bất cứ hoạt động phản kháng nào có thể. Vậy tại sao người Việt Nam lại không thể đáp trả theo cách tương tự?

Vài tuần sau khi tôi được chọn đi học tiếng Việt, kế hoạch này bị hủy.

“Này Merson”, trung úy Vickery gọi tôi, “tôi có tin không hay cho cậu đây. Tôi biết cậu rất hứng thú với việc học tiếng Việt, nhưng tôi không thể để cậu đi được.”

“Tại sao lại không, thưa trung úy?”, tôi hỏi. “Tôi nghĩ tất cả đã đâu vào đấy rồi cơ mà?”

“Quá nhiều thương vong,” trung úy giải thích. “Họ (cấp chỉ huy) sẽ không để chúng ta cử bất kỳ ai đi bất cứ đâu. Chúng ta đã mất 30% sinh lực của trung đội rồi.”

Đáng lẽ tất cả chúng tôi đã có thể học tiếng Việt nếu chúng tôi sống tại một trong những ngôi làng này. Đáng lẽ chúng tôi đã có cơ hội học tiếng Việt từ những trẻ em chăn trâu cả ngày trên đồng. Nhưng mọi thứ lại không như mong muốn, chúng tôi chưa bao giờ có cơ hội. Tại sao lại cử những người lính tới một đất nước mà không dạy cho họ ngôn ngữ của nước đó? Liệu việc nói được tiếng bản xứ có giá

trị hơn so với việc có thêm một chiếc xe tăng, máy bay hay một khẩu pháo không? Mọi chuyện có thể đã khác nếu chúng tôi có những người thành thạo tiếng Việt trong quân đội. Không nói được tiếng địa phương là hạn chế đầu tiên; kế đó là khả năng hiểu biết về nền văn hóa này. Tại sao gia đình này lại chuyển từ miền Bắc vào miền Nam vào năm 1954? Tại sao người thanh niên đó lại tham gia lực lượng Việt Cộng chứ không gia nhập quân đội miền Nam Việt Nam? Tại sao vị trưởng thôn này sẵn lòng chia sẻ thông tin trong khi trưởng thôn kia lại không?

Một người lính không thể sử dụng ngôn ngữ địa phương chẳng khác nào đang tự chĩa súng vào mình - điều này còn nguy hiểm hơn cả kẻ địch của mình. Không có lý do gì có thể biện minh cho việc cử những người lính tới một đất nước mà họ không hiểu ngôn ngữ của nước đó. Việc không thể nói được ngôn ngữ của những người chúng tôi sẽ bảo vệ khiến những người dân làng ấy trở nên ít nhân tính hơn trong con mắt của nhiều người trong số lính tráng chúng tôi. Nếu chúng tôi có thể nói được tiếng của họ, tôi không nghĩ mà lính Mỹ sẽ đàn áp dân làng nhiều như chúng tôi đã làm chúng tôi đã xem họ như những con người bình thường. Đồng thời, tôi tin rằng rất nhiều cuộc đàn áp xuất phát từ thực tế là chúng tôi, đã được trao quyền sinh quyền sát mạng sống của những người dân làng. Chính cái quyền này đã làm hỏng mọi bản năng mà đáng lẽ phải khiến chúng tôi đối xử với dân làng như những người láng giềng hoặc như những người có cuộc sống mà chúng tôi đang cố gắng cải thiện.

Bởi vậy, dễ dẫn đến những cách đối xử tàn bạo. Chúng tôi bắt giữ dân làng chỉ vì họ đến tuổi đi lính, những người trên 14 tuổi hoặc dưới 60 tuổi. (Khả năng đoán tuổi người Việt Nam của chúng tôi cực kỳ hạn chế và rất thiếu chính xác.) Lúc chúng tôi đưa tù nhân về sở chỉ huy để thẩm vấn, một vài lính trong trung đội chúng tôi còn nhân cơ hội không có ai kiểm soát để đánh đập họ miễn sao không để lại vết thương quá lộ liễu. Có lúc chúng tôi còn cố tình để tù nhân bỏ trốn để có thể bắn họ. Một hình thức đàn áp khác là gọi người đang làm việc trên đồng ruộng. Nếu họ bỏ chạy thì sẽ bị bắn. Nhờ quan sát những người lính dày dạn hơn, tôi biết là có thể tránh được một số hình thức đàn áp bằng việc nói “Không.” Ai cũng biết các hành động trên là sai trái, nhưng chỉ có vài người lính phản ứng không thôi thì không thể ngăn chặn được tình trạng này.

Có lẽ chính bạo lực trong chiến tranh đã dần dần khiến người lính mất đi nhân tính. Có lẽ đó còn là sự kết hợp của nỗi sợ hãi và thiếu thốn đã khiến những người lính làm hại những người không có vũ khí. Tôi tin rằng sự tàn bạo của lính Mỹ ở Mỹ Lai, Việt Nam và ở Abu Ghraib, Iraq có nguyên do từ thực tế là những người lính là nạn nhân của bạo lực và chúng cho rằng mình đang lấy bạo lực để chống lại bạo lực. Chúng tôi xem những nạn nhân mình là nguồn cơn của nỗi sợ hãi và những gì mà chúng tôi phải chịu đựng. Đây cũng có thể là lý do giải thích vì sao những người lính giết hại cả trẻ em và những người lớn không có khả năng tự vệ. Những người có nhà cửa và làng mạc bị chúng tôi phá hủy đều

nằm trong diện nghi ngờ tiếp tay cho kẻ thù và chúng tôi nổi điên lên vì khả năng này. Dù vậy, chúng tôi biết rằng giả sử chính chúng tôi là những người sinh sống ở những ngôi làng đó, chúng tôi cũng sẽ chiến đấu chống lại những kẻ xâm lược.

Tôi biết có một số người lính đã từ chối cho phép người khác ngược đãi tù binh và dân thường. Một số người kiểm soát được mình và không phạm phải những tội ác tàn bạo. Trong bất kỳ đơn vị nào, cần phải có ai đó nói: “Không, chúng tôi sẽ không làm điều đó.” Khi một tội ác xảy ra, những người lính sợ bị ảnh hưởng đến sự nghiệp - hoặc sự an toàn - của họ và thậm chí thường bao che cho cả điều mà họ phản đối. Dù nguyên nhân của tội ác chiến tranh là gì, chúng ta cũng cần phải nhận thấy rằng nó dễ xảy ra như thế nào nếu chúng ta không tìm cách ngăn chặn nó. Giá trị của việc biết ngôn ngữ địa phương ở chỗ người lính chắc chắn sẽ nhìn nhận người dân như những người láng giềng chứ không phải kẻ thù.

Những lính Mỹ từng được phỏng vấn về quá trình phục vụ tại Iraq thường nói rằng hiếm có ai trong đơn vị của họ có thể nói được tiếng Ả Rập, hoặc hầu như không có nỗ lực nào giúp người lính có thể học được hơn một vài cụm từ đơn giản. Có vẻ như quân đội của chúng ta đã không học được những bài học quan trọng từ những trải nghiệm ở chiến trường Việt Nam. Nhiều nhà phân tích quân sự viết về chiến tranh Việt Nam đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phải giành bằng được sự ủng hộ của dân chúng trong những cuộc chiến trong tương lai nếu chúng ta không thể phân biệt được những kẻ thù với dân thường.

Khi một người lính bộ binh chứng kiến xung đột vũ trang đang diễn ra ở Iraq, Afghanistan, Sudan, Sri Lanka và Israel, anh ta sẽ thấy được những cơ hội đã bị bỏ lỡ về nỗ lực gìn giữ hòa bình. Tôi tin rằng nước Mỹ sẽ ngày càng tăng số quân lính không phải để chiến đấu mà là để tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc. Hiện nay, lực lượng này lấy quân từ quân đội chính quy của các nước thành viên. Mặc dù hiện tại Hoa Kỳ không tham gia trực tiếp vào sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc nhưng một vài nước đã chuyển hẳn từ hình thức chiến đấu sang các hoạt động gìn giữ hòa bình. Sau thời kỳ tham chiến ở Việt Nam, New Zealand bắt đầu tập trung vào việc gìn giữ hòa bình. Cùng với việc được đào tạo về ngôn ngữ, những người lính được giao nhiệm vụ gìn giữ hòa bình có thể hoạt động hiệu quả hơn. Việc thiếu các kỹ năng về ngôn ngữ trong lực lượng gìn giữ hòa bình ở Bosnia đã hạn chế khả năng của họ trong việc thu thập và báo cáo những tội ác của người Serbia đối với dân thường Bosnia. Hơn nữa, những người lính đã được đào tạo ngoại ngữ sẽ có thêm một kỹ năng có thể sử dụng được trong cuộc sống sau khi xuất ngũ. Cũng như việc các trường phổ thông hoặc đại học có trách nhiệm đảm bảo rằng những người tốt nghiệp đã được chuẩn bị đầy đủ hành trang cho bước tiếp theo của cuộc đời, quân đội cũng nên có trách nhiệm nhìn nhận rằng những người lính phục

viên cũng được chuẩn bị - cả về vật chất và tinh thần để có thể trở về với cuộc sống của một người bình thường như bao người dân khác.

BIỆN MINH CHO NGƯỜI LÍNH

Tại sao người lính ra chiến trường và họ mong muốn điều gì ở hậu phương

Mùa hè năm 1966, trung đội của chúng tôi di chuyển sâu tới vùng rừng rậm ở phía Tây Chu Lai. Tôi được giao nhiệm vụ ở một chốt báo động gồm có bốn người, ở phía trước phòng tuyến khoảng 50 thước. Khi Việt Cộng đột kích các vị trí của trung đội, họ sẽ vấp phải chúng tôi đầu tiên. Nếu bị quân địch tràn qua thì ít ra chúng tôi có thể gây ra tiếng động đủ lớn để đánh động cho những người còn lại.

Đồng đội của tôi tại chốt báo động là Clayton Durant Turner, Billy Treasvant và William Matthew Bethea. Clayton và Billy đến từ Detroit; William từ Philadelphia. Cả ba đều là người da đen; tôi bắt đầu thực sự cảm thấy mình là người da trắng. Tôi từng chứng kiến những cuộc xung đột sắc tộc xảy ra thường xuyên trong suốt năm nhập ngũ đầu tiên; hầu hết lính thủy đánh bộ là người da đen ở thành thị và những người da trắng ở miền Nam. Những vụ đánh lộn giữa người da đen và người da trắng là chuyện thường nhật ở doanh trại và trên tàu chiến, nhưng điều này rất hiếm khi xảy ra với những người trong cùng một đội. Trong các nhóm nhỏ, mọi người phải giúp đỡ nhau và mất rất nhiều thời gian mới có thể quen biết và hiểu nhau. Sự sống sót của tôi dựa vào mối quan hệ với ba đồng đội này.

Clayton - cao ráo, điển trai, thông minh và rất dễ nóng giận - cho rằng mình xứng đáng có được vị trí cao hơn so với vị trí tại chốt báo động của một trung đội bộ binh tại Việt Nam. Anh ta đứng; tôi có thể hình dung ra cảnh Clayton làm việc trong văn phòng tiểu đoàn, lái máy bay trực thăng hoặc huấn luyện tân binh.

Còn Billy đã có sẵn kế hoạch; anh ta sẽ trở thành đầu bếp tại sở chỉ huy. Billy chỉ phải giữ liên lạc thông suốt, báo cáo với các cấp trên và chấp nối tất cả những đầu mối mà anh ta biết. Rất tự nhiên, Billy kết bạn với bất kỳ người nào anh ta gặp. Anh ta thể hiện lòng nhiệt thành và luôn quyết tâm thể hiện mình ở bất kỳ nơi nào.

William là một đội trưởng ít nói, điềm đạm và rất tự tin. Trong bốn chúng tôi, William là người tôi tin tưởng nhất. Anh ta rất vui vì có được một công việc tại thời điểm nhiều người bạn của anh ta trở về nhà mà không có việc làm và anh ta quyết tâm phải giữ được công việc này cho đến khi có thể tìm được một công việc tốt hơn. Anh ta có phẩm chất của một người biết tập trung để có thể tiến bộ trong cuộc sống.

Tính thực tế chính là nguyên nhân khiến những đồng đội của tôi đến đây. “Mẹ tôi có bị dở hơi đâu

mà tự nhiên bảo tôi đến đây” là câu nói họ thường dùng. Nhưng tôi không thể giải thích được vì sao tôi lại đến Việt Nam. Tham gia lực lượng lính thủy đánh bộ và tình nguyện đến Việt Nam là hai điều ít thực tế nhất tôi từng làm. Tôi xấu hổ khi so sánh những lý do của tôi với những người khác.

Clayton, Billy và William có lý do để đến Việt Nam, đó là họ chẳng phải làm gì ở đất nước này, trong khi ở quê nhà họ phải làm rất nhiều việc. Mỗi người đều quyết định phải rời khỏi nhà và đi tìm việc làm. Điều này chỉ xảy ra khi vào năm đó, tại thành phố của họ, văn phòng tuyển quân cũng là nơi có thể tìm việc làm. Với người da trắng ở miền Nam nước Mỹ, rất nhiều người có nguồn gốc là nông dân. Chính vì thế, Việt Nam là một cách giúp họ dứt khỏi ruộng đồng để đi làm và được trả tiền. Những người da đen ở thành thị và những người da trắng ở nông thôn có nhiều điểm chung và thường thì như vậy đã là đủ. Khi được hỏi tại sao đất nước họ lại dính líu đến Việt Nam, họ trả lời không giống nhau bởi mỗi người đều có lý do riêng giải thích cho việc vì sao họ lại đến đây. Công việc là công việc và một công việc trong quân đội đồng nghĩa với việc phải đến Việt Nam. Trong những lần chúng tôi tranh luận về gia đình, bạn bè, công việc và cuộc sống sau khi rời Việt Nam, chúng tôi chưa hề nói một lần nào về việc tại sao nước Mỹ lại tham chiến tại Việt Nam.

Liệu khi đó chúng ta có quan tâm tới việc sinh viên biểu tình phản đối chiến tranh hay không? Chúng tôi ganh tị với họ vì họ có cơ hội đi học, nhưng vấn đề là ở chỗ họ có đủ thông minh, giàu có hoặc may mắn để có thể “trượt qua” chiến tranh. Từ “trượt qua” là một động từ rất phổ biến, nó gợi sự mềm mại và êm ái. Con của các đại biểu quốc hội đang trượt qua cuộc chiến. Các cô cậu sinh viên ở trường đại học đang trượt qua cuộc chiến. Clayton, Billy và William là những người không có được cơ hội như các sinh viên đại học đó. Nếu Clayton, Billy và William trở về nhà, họ cũng sẽ chẳng có cơ hội đi học đại học. Có lẽ mỗi người trong số họ sẽ có hai hoặc ba công việc bán thời gian nào đó, lập gia đình và làm việc để trả tiền mua xe.

Tôi cảm thấy may mắn vì được làm bạn với ba người có khả năng và nghị lực như vậy. Cách chúng tôi làm bạn với nhau dường như tuân theo một quy tắc bất thành văn nhưng rất rõ ràng. Quy tắc đó là bất kể điều gì anh nói về cuộc đời mình trước khi tới Việt Nam là sự thật hoặc cùng lắm cũng chỉ hơi đáng ngờ. Clayton và Billy đều khẳng định đã gặp các thành viên của nhóm nhạc nổi tiếng Supremes. Điều này được chấp nhận là đúng nghĩa là nếu anh tin câu chuyện về cuộc đời tôi thì tôi cũng tin câu chuyện về cuộc đời anh.

Những cuộc trò chuyện của chúng tôi chủ yếu là để giết thời gian, tự mình thư giãn và để hiểu nhau hơn. Chúng tôi cố gắng nói về người khác mà tránh dùng những từ có thể gây nên căng thẳng về sắc tộc. Các từ *Negro*, *Black* và *African*.

Có thể nói, tin tức bịa đặt còn hơn là không có tin tức gì. Mỗi người chúng tôi đều nghe được chuyện đó loanh quanh đơn vị. Chúng tôi mang tất cả những điều nghe được về chốt và trộn chúng lại với nhau để xem liệu chúng tôi có thể vẽ nên một bức tranh về những gì đang diễn ra trong cái thế giới nhỏ bé của chúng tôi hay không.

“Nghe bảo chúng ta sẽ có cuộc hành quân lớn trong ba ngày tới.”

“Thế à? Lớn cỡ nào?”

“Ba đại đội - India Lima và chúng ta.”

“Không thể nào. Anh nghe chuyện này ở đâu?”

“Brown nghe qua một gã ở trung đội Hai vừa từ Chu Lai về. Anh ta cũng có ghé qua tiểu đoàn. Còn nghe được khối chuyện khác nữa.”

“Thế à, chuyện gì vậy?”

Đêm đầu tiên của chúng tôi tại chốt báo động dường như dài vô tận. Tất cả bốn chúng tôi thức suốt cả đêm, mọi thứ đều an toàn, luôn đặt trong tình trạng sẵn sàng báo động. Là đội trưởng, William phân công mỗi người canh gác hai giờ, nhưng chẳng có ai ngủ cả, không thể nhìn thấy gì vì trời tối đen như mực và vị trí của chúng tôi lại nằm bên dưới phòng tuyến của trung đội. Chúng tôi lo sẽ bị bắn từ phía sau bởi ai đó trong trung đội vì quá căng thẳng nên thả bắn lầm hơn là bị Việt Cộng tấn công trước.

Có âm thanh nào đó nhẹ như tiếng chân bước khỏi thuyền. Anh ta sẽ nghe thấy tiếng ai đó trong bọn ta ho và lập tức sẽ vùng dậy. “Uh, sau khi bắn hết đạn thì anh ta mới hỏi: “Ai đây?””

Mấy đêm sau đó, chúng tôi bắt đầu thay nhau thức. Nhờ thế, tình hình có khá hơn. Clayton và Billy biết tất cả các bài hát của ban nhạc Supremes. William có giọng hát hay. Bốn chúng tôi đồng ca nghe cũng hay. Đêm này qua đêm khác, chúng tôi xem báo chí, hát hò, hút thuốc, kể chuyện và cuối cùng là đi ngủ khi trời bắt đầu hửng sáng.

“Charlie có phải điên đâu. Anh ta trở lại ngay lập tức.”

Tôi đã so sánh đội này với các bạn cùng phòng hồi đại học. Mỗi chúng tôi đều có mục tiêu đang dần định hình: Gordy Jones muốn trở thành nhà sử học, Jay Atlas muốn trở thành nhà vật lý, Elliott Isenberg là chính trị gia, Robert Ullian là nhà thơ, Kirk Mellor là nhà kinh tế học, còn tôi lại muốn trở

thành một nông dân hoặc chủ trại chăn nuôi gia súc. Chúng tôi phải vật lộn với sự bấp bênh trong việc đạt được những mục tiêu của mình. Chúng tôi thúc đẩy nhau cùng làm việc hết sức và cố gắng chấp nhận thất bại một cách vui vẻ. Và chúng tôi nói chuyện đến khuya để cố gắng ghép từng mảnh lại thành một bức tranh hoàn chỉnh về thế giới của chúng tôi. Tôi cảm thấy thật may mắn khi có những người bạn như thế.

Các đồng đội của tôi biết là tôi từng học đại học nên gán cho tôi biệt hiệu “Giáo sư.” Cái biệt hiệu ấy có ý nghĩa riêng của nó, ám chỉ cả những kiến thức học tập có được và việc thiếu những kinh nghiệm đời thường. Một đội trưởng đọc thư của bạn gái và nhờ tôi giúp anh ta trả lời. Anh ta cho rằng những bức thư như vậy phải có trình độ đại học mới viết được. Suy nghĩ của tôi về việc làm thế nào để có thể viết một bức thư lãng mạn rất đơn giản: không làm điều gì gây tổn hại và trả lời ngay trong thư kế tiếp gửi đi. Trường hợp tệ nhất là gửi thư đi mà không có hồi âm hoặc là hồi âm rất muộn, cả hai tình huống này đều được khuyên là nên từ bỏ hy vọng nhận được thư.

Những nhiệm vụ mạo hiểm nhất của “Giáo sư” liên quan đến địa chính trị. Đại đội trưởng mới của chúng tôi - Dorman “Trợ tế”, tập hợp toàn bộ đơn vị trên đỉnh đồi vào ngày trước khi diễn ra cuộc hành quân lớn.

“Các anh em,” anh ta bắt đầu diễn thuyết và chỉ tay về phía thung lũng, “chúng ta sẽ tiến vào những ngọn núi này và chúng ta sẽ vượt, vượt và vượt thêm nhiều đồi núi nữa. Nhiều người trong số các anh cho đến giờ vẫn đang đặt câu hỏi là cuộc chiến này vì cái gì.”

Trên thực tế, chẳng có ai hỏi cả, bởi chẳng có ai quan tâm.

“Ồ, tôi sẽ nói cho các anh biết cuộc chiến này là vì cái gì. Chúng ta đang chiến đấu với chúng [*chủ nghĩa cộng sản -ND*] ở đây để chúng ta không phải chiến đấu với chúng quê nhà khi trở về.”

Đây là một đoạn phát biểu vụng về trong bài diễn thuyết của Tổng thống Lyndon Johnson ở Trường Đại học Johns Hopkins vào năm 1965. Một năm sau, chúng tôi nghe lại bài diễn thuyết này trên đài phát thanh.

Sau khi được động viên như vậy, một số công sự hỏi xem tôi nghĩ thế nào. Họ hỏi về lý do quá đơn giản mà viên đại úy nêu ra về cuộc chiến. Tôi nhận thấy mình chẳng khác nào đang ở giữa bãi mìn. Nếu ăn nói không cẩn thận thì kết cục bạn sẽ phải vào nhà giam. Đừng nói hết và bạn sẽ không còn là Giáo sư nữa. Vì vậy, tôi chọn phương pháp của Socrate^[7], hay còn gọi là phương pháp truy vấn biện chứng.

“Chiến đấu với chúng ở đây hay chiến đấu với chúng ở kia thì tốt hơn?”, tôi hỏi. “Anh có biết nếu chiến đấu ở đây sẽ thế nào không; đó là điều ngày nào chúng ta cũng phải làm. Nhưng giả sử chúng ta chiến đấu với chúng ở quê nhà. Một ngày điển hình của chúng ta sẽ thế nào? Chúng ta có thể tuần tra cả ngày và sau đó dành ít thời gian đi quanh hàng xóm và gặp bạn gái. Vậy anh thích chiến đấu ở đâu hơn?”

Tôi tin là hầu hết binh lính đều sẽ chiến đấu hiệu quả hơn nếu họ ở quê nhà, trên mảnh đất họ thân thuộc, ở đó có những người hiểu và ủng hộ mục đích mà những người lính đang chiến đấu. Ở Mỹ, điều này thậm chí còn có thể chia đất nước thành nhiều phần nhỏ hơn nhưng sẽ cố kết hơn.

Nếu chúng ta thực sự sợ một quyền lực nào đó, có thể sẽ tốt hơn nếu chúng ta lùi về quê nhà khi chúng xâm lược chúng ta. Những người lính chiến đấu ở quê nhà không băn khoăn về việc họ sẽ phải chờ đợi bao lâu cho đến khi họ được về nhà hoặc liệu họ sẽ lại phải tham chiến hay không. Họ biết họ sẽ chỉ phải chiến đấu trong một khoảng thời gian nhất định đấy thôi. Hoặc họ sẽ chỉ rời vùng chiến sự khi họ bắt đầu có được những kiến thức và kỹ năng để có thể tồn tại. Quân du kích không bao giờ chỉ chiến đấu một năm một lần rồi lại trở về nhà nghỉ ngơi và tiếp tục được huấn luyện.

Lúc tôi cùng các đồng đội cố gắng tưởng tượng cuộc sống của chúng tôi sẽ như thế nào sau khi chiến tranh kết thúc, tôi đoán là nhiều người trong số chúng tôi sẽ trở lại Việt Nam vào các kỳ nghỉ. Tôi nghĩ có thể là 5 năm, hoặc cũng có thể 10 năm nữa, chúng tôi sẽ quay lại. Nhưng chắc chắn chúng tôi sẽ quay lại bởi chúng tôi biết đất nước này thật sự tươi đẹp và chúng tôi muốn tận hưởng vẻ đẹp đó.

“Anh bị điên à?” bạn tôi nói, “Nếu chúng ta sống sót để thoát khỏi đây, chúng ta sẽ không bao giờ quay trở lại.”

Nhưng tất cả chúng tôi đều đã làm. Tôi trở lại Việt Nam lần đầu tiên sau 28 năm. Ngành du lịch Việt Nam ước tính trong tổng số khách du lịch từ Pháp, Mỹ, Úc, New Zealand và Hàn Quốc thì gần một nửa là các cựu chiến binh đã từng tham chiến tại Việt Nam.

Vì việc hỗ trợ cho những người lính thường được sử dụng như một lý do để tiếp tục hoặc kéo dài chiến tranh, chúng ta cũng cần phải hỏi rằng những người lính muốn được hỗ trợ cái gì?

Clayton, Billy và William muốn gì từ những người thân ở nhà? Đầu tiên, họ muốn nhận được thư - những gói hàng có tạp chí, băng cát-sét và sô cô la. Thứ hai, họ muốn những lời hứa phải được thực

hiện: được về nhà khi gia đình có chuyện khẩn cấp, khoản trợ cấp cho gia đình phải đến đúng thời hạn, được chăm sóc y tế nếu bị thương, hết nhiệm vụ sau 13 tháng và có những quyền lợi về giáo dục và nhà ở theo đạo luật GI[8]. Nếu được như vậy, bạn sẽ không đủ khả năng quan tâm liệu những người thân ở nhà tán thành hay không tán thành những lý do của cuộc chiến. Sau cùng, nếu Quốc hội vẫn bỏ phiếu tiếp tục chi tiền cho chiến tranh thì chỉ những người có quan điểm như thế mới thực sự hăng hái ủng hộ.

Chúng tôi biết một điều: Những gì Tổng thống Lyndon Johnson, Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara và Tướng William Westmoreland[9] đang làm đều có thể dẫn chúng tôi đến chỗ chết. Họ muốn chúng tôi đi tuần tiểu nhiều hơn, phục kích ban đêm nhiều hơn, giáp mặt Việt Cộng và các đơn vị của quân đội Bắc Việt nhiều hơn. Họ bảo chúng tôi phải giữ liên lạc và chiến đấu với kẻ thù. Họ muốn có thêm những trận đánh lớn kèm theo nhiều thương vong cho cả hai bên. Chiến lược của Mỹ - một cuộc chiến làm tiêu hao sinh lực địch - phụ thuộc vào việc lấy thân thể của chúng tôi để làm suy yếu lực lượng địch. Đó là cách một cuộc chiến làm tiêu hao sinh lực địch được triển khai. Nhưng nếu những người biểu tình chống chiến tranh sớm thực hiện các phong trào phản chiến thì có lẽ chúng tôi sẽ về nhà sớm hơn. Vậy ai là người thực sự trợ giúp những người lính?

Các Thượng nghị sĩ Ernest Gruening và Wayne Morse đã trợ giúp những người lính khi họ bỏ phiếu chống Nghị quyết về vịnh Bắc Bộ mà Tổng thống Johnson dùng làm lý do để leo thang chiến tranh[10].

Những người dân luôn bàn luận về cuộc chiến ở nhà mình cũng như ở nhà thờ chính là đang trợ giúp những người lính. Bởi một số người chuyển từ thắc mắc sang nghi ngờ, rồi tham gia các cuộc tuần hành biểu tình nhằm kêu gọi kết thúc chiến tranh.

Sinh viên cũng chính là lực lượng hỗ trợ những người lính. Một số bạn học của tôi phản đối chiến tranh bằng việc không tham dự lễ kỷ niệm ngày tốt nghiệp khi trường đại học của tôi trao bằng danh dự cho McNamara. Một trong những bạn cùng phòng với tôi - Elliott Isenberg - thậm chí còn từ chối nhận bằng đại học. Một người bạn khác, Marshall Bloom viết bài xã luận trên tờ báo của sinh viên chỉ trích nhà trường vì đã trao bằng danh dự cho McNamara. Marshall cũng là người thường xuyên viết thư từ khích lệ tôi trong suốt thời gian tôi tham chiến. Trong những người bạn tốt nhất của tôi có nhiều người muốn thúc đẩy hòa bình như thế.

Tôi biết các cuộc chiến tranh nổ ra không phải với những ý tưởng mà với những khẩu hiệu ngắn ngủi đến nỗi chỉ viết vừa trên một mẩu giấy nhỏ, chẳng hạn như: xuất phát, đi cùng với sự nghiệp, chiến tranh chống khủng bố, mở rộng tự do, khiến thế giới an toàn để đảm bảo dân chủ, chuyển hướng,

tiến triển, ánh sáng cuối đường hầm, đếm số thương vong, đếm số người tử trận, hòa bình và vinh dự, hãy cho hòa bình một cơ hội, hãy rút quân về nước và hỗ trợ những người lính. Thậm chí, những người lính cần những khẩu hiệu ngắn hơn bởi những biểu ngữ này cần đủ ngắn để viết vừa trên mũ của họ. Ở Việt Nam, khẩu hiệu gắn trên mũ lính Mỹ phổ biến nhất là biểu tượng hòa bình hình mũi tên. Biểu tượng này thể hiện được những gì người lính muốn nói về chiến tranh. Thậm chí trông nó còn giống một loại vũ khí - một ngọn giáo hay một quả tên lửa. Biểu tượng này dường như muốn nói rằng: “Tôi sẽ mang hòa bình tới dù bạn có muốn hay không và nền hòa bình này sẽ giết chết bạn.”

Những người lính muốn công dân của đất nước họ nhận thấy rằng lúc đất nước có chiến tranh, người ta bị giết hoặc bị thương bởi chính phủ bỏ phiếu cử họ đến những nơi nguy hiểm. Nếu một người lính cho rằng quyết định tuyên bố chiến tranh là quyết định tai hại nhất mà chính phủ chúng ta có thể làm thì theo đó, anh ta cũng sẽ thấy khó chịu khi người dân không nhận thức được những hậu quả kinh khủng của nó. Có lẽ khi tuyên bố chiến tranh, chính phủ cần phải tính đến cả ngân sách dành cho thương vong: Chúng ta bỏ phiếu để dự trù chi phí và hậu quả của cuộc chiến, chẳng hạn 4.500 lính tử trận; khi số thương vong đạt đến con số đó, chúng ta sẽ quyết định tiếp.

Tinh thần của người lính sẽ được nâng cao nếu ai đó nói rằng: “Cảm ơn anh, tôi biết đó là công việc nguy hiểm.” Công dân có thể đồng ý hoặc không đồng ý việc chính phủ tham gia chiến tranh; một số người phản đối tất cả các cuộc chiến tranh hoặc phản đối việc dùng vũ lực như một biện pháp giải quyết xung đột quốc tế. Nhưng mọi công dân đều thừa nhận một thực tế là chính phủ của họ đang đặt cuộc sống con người vào tình trạng nguy hiểm. Những người lính chỉ có thể biết rằng nếu người dân chấp nhận với việc chiến tranh xảy ra, điều đó có nghĩa là sẽ có nhiều thương vong và nhiều điều tồi tệ khác.

Những người lính có thể là những người tình nguyện, hoặc là lính quân dịch hay những người tình nguyện tham gia quân đội trong thời bình và sau đó được gọi trở lại thực hiện nhiệm vụ trong thời chiến. Tôi chưa bao giờ phân biệt được những người tình nguyện và lính quân dịch trong trung đội tôi: người đều có nhiệm vụ riêng, đều phàn nàn và đều để ý đến người khác. Nếu ai đó nói cho tôi biết anh ta là lính quân dịch, tôi cũng sẽ chẳng nhớ được. Bị đi lính quân dịch có lẽ là cách những người lính dễ dàng giải thích với nhau hơn. Sau cùng, chúng tôi thường nghĩ, có điên mới tình nguyện nhập ngũ. Lính quân dịch cũng nhận được chế độ và được đào tạo như lính tình nguyện, họ hành xử cũng chẳng khác gì khi tới Việt Nam. Vì thế, căn nguyên của xung đột không phải là sự phân biệt giữa lính quân dịch và lính tình nguyện mà do sự khác biệt sắc tộc.

Những gì lính tình nguyện mong muốn từ việc họ tòng quân không khác với những mong muốn của

lính quân dịch. Cả hai đều muốn được đối xử như nhau khi họ trở về nhà.

Có một số việc đơn giản mà các công dân có thể làm trong thời kỳ chiến tranh. Dành một vài phút trong những dịp vui như sinh nhật, lễ kỷ niệm, đám cưới và các bữa tiệc trong kỳ nghỉ để nhớ tới những gia đình và bạn bè sinh sống ở nơi đang diễn ra chiến sự bởi tính mạng của họ đang gặp nguy hiểm. Trong các buổi lễ tôn giáo, những dịp hội họp ở trường học và đoàn tụ gia đình, hãy đọc to danh sách tên tuổi của những người bị thương và thiệt mạng hàng ngày in trên báo địa phương. Hãy yêu cầu báo địa phương in danh sách thương vong ở ngay trang bìa thay vì chỉ in ở những trang phía trong. Chúng ta cần phải luôn nhớ rằng chiến tranh đang xảy ra. Hãy nói “Xin chào người lính” hoặc “Xin chào thủy thủ” với những người đang tham gia quân đội chúng ta gặp ở sân bay, ga tàu hay bến xe buýt. Có thể họ đang trên đường ra mặt trận hoặc vừa trở về từ chiến trận ở nước ngoài. Nếu bạn ngồi gần một người lính, hãy dành vài phút hỏi thăm anh ta đang chiến đấu ở đâu, nhiệm vụ của anh ta là gì và tình hình chiến sự như thế nào. Nếu những người lính biết người dân nước họ luôn quan tâm tới những gì đang xảy ra ngoài mặt trận, họ sẽ luôn vững tin cầm chắc tay súng. Nếu những người lính có thể tránh được những sự kiện như vụ Mỹ Lai thì sẽ tốt hơn rất nhiều cho chúng ta.

“HÃY ÔM TÔI TRONG VÒNG TAY, HÃY CỨU LẤY TÔI”

Tại sao những người lính trở nên điên dại?

Tháng 7 năm 1966 là một tháng may mắn. Billy rời chiến trường và làm việc ở bộ phận hậu cần đúng như anh ta dự định. Trung đội tôi có trung đội trưởng mới, một trung úy trẻ vừa kết thúc khóa huấn luyện. Anh ta chọn tôi là người điều khiển điện đàm và điều này đồng nghĩa với việc tôi rời khỏi chốt báo động.

Lúc Trung úy Wylie Mosey Vickery rời quê nhà để đến Việt Nam, anh ta đã không ngừng hát một trong những bài hay nhất của Fontella Bass^[11] trên sóng radiô với tựa đề “Rescue me” (Hãy cứu lấy tôi). Mặc dù giọng Vick hơi ồ ồ nhưng có cái gì đó trong giọng hát của anh ta làm mọi người cảm động: “Hãy ôm tôi trong vòng tay, bởi tôi cô đơn và tôi rất buồn, hãy cứu lấy tôi.” Điều này khiến anh ta trông có vẻ nhân văn hơn và làm anh ta bớt giống với cái đáng sợ của anh lính đi dấn áp phích về việc tuyển quân. Vick trưởng thành ở Florida Panhandle - anh ta là một anh chàng nông thôn đích thực. Vick đối xử hòa mục với tất cả những ai chiến đấu sát cánh với anh ta và cũng bỏ qua những người cố tình thờ ơ với nhiệm vụ. Anh ta tốt nghiệp Trường Đại học Austin Peay theo một suất học bổng về bóng đá. Lúc tới Việt Nam, anh ta hạ quyết tâm phải giành chiến thắng trong cuộc chiến này.

Nhiệm vụ đầu tiên của Vick trên cương vị trung đội trưởng diễn ra không mấy thuận lợi. Đó là một đêm tuần tiểu bắt đầu từ lúc nhá nhem tối và theo kế hoạch thì khoảng nửa đêm sẽ trở về. Tôi cùng những người còn lại trong trung đội chờ ở trên đồi. Đã đến nửa đêm nhưng anh ta vẫn bị lạc đường trong vô vọng; chúng tôi phải bắn pháo sáng dẫn đường cho anh ta trở về phòng tuyến. Quá xấu hổ vì điều đó, anh ta hạ quyết tâm sẽ trở thành người đọc bản đồ giỏi nhất của tiểu đoàn.

Kể từ đó, đi đâu anh ta cũng dùng bản đồ và la bàn để vẽ đường đi, tìm vị trí của chúng tôi và xem xét những con đường bao quanh đồi. Dù chúng tôi đang ở trên xe tải hộ tống hay ngồi trên máy bay lên thẳng, Vick cũng nghiên cứu bản đồ và chỉ đạo. Chỉ trong vòng một tháng, anh ta đã là người đọc bản đồ giỏi nhất của tiểu đoàn. Và anh ta vẫn hát: “Hãy cứu lấy tôi.”

Chiến dịch tiếp theo của chúng tôi là tiến hành tuần tiểu dọc vùng đệm giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Một trong những quy tắc quan trọng đó là không được phép bước qua vùng đệm ấy và tiến vào khu vực của miền Bắc. Tôi bước bên cạnh viên trung úy với bộ điện đàm trên vai. Trung đội

chúng tôi là đơn vị cuối cùng vượt qua một con suối nhỏ. Viên trung úy nghiên cứu bản đồ và những mốc giới dễ nhận thấy nhất xung quanh chúng tôi. Cầm điện đàm, anh ta gọi cho đại đội trưởng.

“Thưa sếp, sếp có biết là sếp đang ở đâu không?” Vick gào lên.

Viên đại đội trưởng làm bầm một cách khó hiểu phía đầu dây bên kia.

“Ồ, tôi biết chứ,” Vick tiếp tục nói. “Sếp đang ở đất của Bắc Việt đấy, sếp nên quay trở lại đi.”

Khi Vick đã trở thành một trung đội trưởng dày dạn kinh nghiệm, anh ta cũng thay đổi cách suy nghĩ về thành công. Anh ta không còn nói đến việc phải chiến thắng trong cuộc chiến này nữa, thay vào đó, anh ta chỉ tập trung vào việc làm thế nào để bảo vệ mọi người trong trung đội. Ưu tiên của anh ta bây giờ là số lượng thương vong vì vấp phải mìn ít hơn, ít người bị bắn tía hơn hoặc những trường hợp bị cụt tay què chân ít hơn.

Và sau đó là chuyện khẩu súng của anh ta. Khi đi cùng chúng tôi, thỉnh thoảng anh ta mang theo một khẩu súng săn hai nòng có bóng súng bằng gỗ rất đẹp. Các trung đội trưởng thường chỉ mang theo một khẩu súng ngắn. Nhưng súng ngắn là vũ khí quá nhỏ cho một người mạnh mẽ như Vick. Anh ta cần cái gì đó to lớn và chắc chắn hơn. Nó là sự tự hào và niềm vui của anh ta. Khẩu súng săn đó sẽ bảo vệ anh ta. Nếu chúng tôi tràn lên, anh ta sẽ không dùng súng ngắn mà sẽ rải đạn vào khu vực đó bằng đạn chì. Có lẽ anh ta cũng tưởng tượng ra cảnh sẽ tự mình mang về nhà một con hươu hay một con thỏ cho bữa tối. Lúc chúng tôi nghỉ giải lao, anh ta luôn lau chùi khẩu súng yêu quý của mình. Anh ta lau dầu cho bóng súng bằng gỗ. Tất cả những đặc tính của một chàng trai nông thôn trong anh ta có vẻ như đã được thỏa mãn. Vick giống như là nhân vật Linus trong câu chuyện *Peanuts*^[12] (Những hạt lạc) và khẩu súng hai nòng đó là cái chần của anh ta. Một ngày nọ, anh ta tựa khẩu súng cẩn thận vào một chiếc xe tăng đi tuần tiểu cùng chúng tôi. Khi anh ta mới quay đi, chiếc xe tăng tiến về phía trước và nghiền nát khẩu súng yêu quý của anh ta thành từng mảnh vụn.

Vick trải qua đủ trạng thái của sự đau khổ: hoài nghi, tức giận và cuối cùng là chấp nhận trong buồn bã. Khẩu súng là tình yêu thời chiến tranh của anh ta. Anh ta không bao giờ thay khẩu súng khác. Và anh ta vẫn cứ hát: “Tôi cô đơn và tôi rất buồn. Hãy cứu lấy tôi.”

Sở chỉ huy của trung đội tôi chỉ có ba người: Vick, tôi và một y tá quân y. Michael Patrick Tobin có chuyên môn giỏi, đã lập gia đình, rất yêu vợ và là người dễ gần nhất trong trung đội tôi. Có lẽ bản tính trầm trầm của anh ta xuất phát từ việc anh ta là con út trong một gia đình có đến 9 người con.

Với Mike, cuộc đời không bao giờ là một trò chơi “được ăn cả, ngã về không”. Anh ta không cần phải chứng tỏ mình cứng rắn như thế nào. Với hầu hết mọi người trong trung đội, thuyết phục mọi người rằng mình cứng rắn như thế nào là vấn đề mang tính sống còn. Rốt cuộc, nếu mọi người nghĩ bạn là người mạnh mẽ thì bạn sẽ tin mình là người như thế. Và nếu bạn tin là mình mạnh mẽ thì bạn cũng có thể tin rằng bạn có thể tồn tại. Đối với Mike, việc thể hiện mình là người mạnh mẽ là một việc làm không cần thiết.

Trong một chiến dịch bắt đầu vào mùa mưa, chúng tôi phải đi cả ngày trong cơn mưa tầm tã. Cả ngày chúng tôi bị ướt; cả đêm chúng tôi bị lạnh cóng, quần áo thì chẳng lúc nào khô. Tôi bỏ tất ra và không mặc quần áo lót nữa. Càng ít lớp vải ướt trên mình, tôi càng cảm thấy đỡ bị lạnh và ướt hơn. Cuối cùng mặt trời cũng ló ra vài giờ, nhờ thế quần áo của tôi mau khô hơn.

Mỗi ngày chúng tôi lại mất vài đồng đội vì bị bắn tã, vấp mìn hoặc dẫm phải bẫy. Để chống chọi với cơn ác mộng này, viên trung úy, Mike và tôi cột những chiếc áo choàng lại với nhau để tạo thành một cái lều.

Chúng tôi cởi quần áo và bò vào trong lều, nằm ngủ sát nhau để giữ thân nhiệt, cởi áo ra để ngủ nhưng vẫn mang giày.

Vào một đêm, súng cối bắt đầu nã vào khu vực xung quanh chúng tôi. Chúng tôi ra khỏi lều và bò về phía công sự giờ đây đã ngập đầy nước. Mike và tôi đội mũ vào; nhưng Vick không tìm được mũ của anh ta.

“Merson,” anh ta gào lên, “mũ của tôi đâu rồi?”

Tôi chẳng có cách nào để ra khỏi công sự cả bởi đạn súng cối đang nổ xung quanh chúng tôi. Tôi nhìn quanh hố công sự, tìm xem có cái mũ nào khác không. Ngay phía rìa hố có chiếc hộp bánh bằng nhôm sáng bóng. Tôi đưa cho Vick cái hộp bánh; chẳng cần nghĩ ngợi, anh ta đội nó lên đầu. Chúng tôi trông giống như ba đứa trẻ nằm trong một cái bồn tắm, đang chờ mẹ tới để lau khô người.

Sau đó vài phút, một quả đạn cối nổ gần chỗ chúng tôi, rơi đúng vào công sự bên cạnh. Sau tiếng nổ là sự yên lặng đáng sợ. Thậm chí chẳng có tiếng kêu cứu “Y tá, y tá!” nào cả. Cả hai người trong công sự đó chết ngay tức thì. Công sự của họ hứng trọn vụ nổ, nhờ vậy giúp chúng tôi không bị thương vì những mảnh đạn văng ra. Vài phút sau, các đơn vị súng cối của chúng tôi bắt đầu nhắm và bắn vào khu vực vừa bắn những quả đạn cối vừa rồi. Chúng tôi nằm chờ cho đêm qua đi.

Sáng hôm sau, trời trong và đầy nắng. Trong thời gian nghỉ ngơi vào mùa mưa, chúng tôi gọi một chiếc máy bay lên thẳng tới để mang đi những người chết và những người bị thương ở chân quá nặng không thể đi được. Mọi người đều đã kiệt sức.

Mỗi người lính phải mang theo từ 2 cho đến 5kg chất nổ C-4. Trong cơn mưa giông, chúng tôi phải mất rất lâu để hơi nóng nổi và chậm chạp nấu ăn bằng chất nổ C-4. Một điều thuận lợi là khi đốt chất này, ngọn lửa màu xanh và hầu như không thể thấy được nếu lấy mũ che lại. Một khối C-4 được gắn kíp nổ có thể làm nổ tung boongke hoặc thùng chứa gạo. Một nhúm C-4 đốt lên thì vô hại và có thể đun sôi nước trong vòng 3 giây. Tuy nhiên, nó lại phát ra ánh sáng trắng có thể thấy được từ cách đó vài dặm. Lính tráng chúng tôi cũng chẳng mất nhiều thời gian để biết cách sử dụng chất nổ C-4 như một thứ lò vi sóng dành cho người cắm trại để có thể nhanh chóng chuẩn bị bữa ăn.

Vào đêm hôm sau khi bị nã súng cối, một trong những đội trưởng của chúng tôi yêu cầu mọi thành viên trong đội mang cho anh ta tất cả chất nổ C-4 còn sót lại. Anh ta cho tất cả vào một quả bóng lớn rồi đốt. Các vị trí của trung đội sáng quắc như quảng trường Thời Đại ở thành phố New York trong đêm giao thừa. Tôi có thể thấy được các hồ công sự cách đó 50 thước và những người khác cũng thế. Chúng tôi phân công người canh chừng viên đội trưởng đó cho đến khi chúng tôi có thể đưa anh ta lên chuyến máy bay tới.

Tại sao những người trên chiến trường lại trở nên điên dại như vậy? Tại sao họ lại mất kiểm soát bản thân? Tình trạng sẽ ra sao khi ai đó kiệt sức? Đó có thể là việc đốt một đồng chất nổ C-4 như người đội trưởng đó, hoặc bắn người vô tội, đốt nhà cửa, đánh đập tù binh. Mất kiểm soát là điều kinh khủng trong cuộc đời: nó sẽ đưa chúng ta tới một trạng thái có thể làm những điều mà chúng ta biết là sai trái.

Tôi không thể đoán được sắp tới ai sẽ bị rơi vào tình trạng đó. Một đội trưởng giỏi đã ở đây hơn 6 tháng rồi mà vẫn bị mất kiểm soát như thế. Cách mà chúng tôi nói về anh ta có thể cung cấp một số nguyên nhân về việc này: chúng tôi xem anh ta là người luôn sắp xếp công việc một cách ổn thỏa và anh ta là người rất cứng rắn. Nhưng tất cả những điều này còn thể hiện anh ta giống như chất nổ C-4 bị đè nén trong cái hộp nhỏ rồi phát nổ. Và chỉ cần gặp chuyện gì đó có tính kích thích là sẽ bị nổ tung lên: đó có thể là một ngày mưa giông hay một đêm bị tấn công bằng súng cối như vừa qua. Tôi nghĩ còn có một câu hỏi khó trả lời hơn nữa đó là tại sao người ta không rơi vào tình trạng đó sớm hơn? Tại sao chưa có thêm người bị mất kiểm soát? Tại sao tôi vẫn chưa bị nổ tung lên?

Tôi đã có một bước ngoặt khi đang trên đường tới thành phố Quảng Ngãi vào tháng 1 năm 1967, tám tháng kể từ khi tôi tới Việt Nam. Chúng tôi dừng một ngày ở gần ngôi làng nhỏ trong khi chẳng biết

gi về khu vực này. Tôi và một đồng đội được phân công lên phía trước quả đồi một trăm thước để lập chốt quan sát ngay trên con đường dẫn vào làng. Đó là một vị trí trống trải không hề có bất kì rào chắn thiên nhiên nào. Suốt đêm, một con chó trong làng đánh hơi thấy chúng tôi và bắt đầu sủa. Mặc dù tôi biết con chó đó chỉ làm công việc muôn thuở của nó mà thôi nhưng chúng tôi lo sợ và không thể di chuyển. Chúng tôi thức suốt đêm vì sợ lính bắn tỉa hoặc một đội súng cối của địch có thể phát hiện ra chúng tôi. Khi trời vừa hửng sáng, tôi trườn ra đường và bắn chết con chó.

Ngay khi làm việc đó xong, tôi biết mình đã sai. Bắn chết một con chó có nghĩa là tôi đã mất kiểm soát bản thân; điều đó cũng có nghĩa những gì tôi làm sắp tới có thể còn thậm tệ hơn. Và lần sắp tới đó cũng có thể là bất cứ lúc nào. Tôi có thể thấy chuyện đó sắp xảy ra nhưng tôi không thể dừng lại được. “Hãy ôm lấy tôi trong vòng tay. Hãy cứu tôi.” Tôi biết là chúng tôi sẽ lần lượt phát hiện. Vấn đề không phải là chuyện đó có xảy ra hay không, vấn đề là nó sẽ xảy ra lúc nào? Không phải xảy ra bao nhiêu lần mà là bao lâu? Không phải vì sao nó xảy ra mà kết quả của nó sẽ thế nào? Ai là người có thể chịu đựng được sự bùng nổ sau khi bị đè nén ấy? Lúc người đội trưởng dùng thuốc nổ C-4 để đốt sáng cả một khu vực quanh trung đội, không ai bị thương vì chuyện này. Nhưng lúc tôi bị mất kiểm soát, tôi có cảm giác sợ hãi trong lòng và nó cứ dày vò tôi. Và tôi đã bắn chết con chó.

Một số chúng tôi bị điên dại ngay trong suy nghĩ; một số người khác lại biểu hiện ra ngoài. Tôi cho rằng một thành viên của trung đội tôi đã bị điên ngay trong ngày anh ta tới Việt Nam; đối với tôi, đầu óc anh ta chưa bao giờ bình thường cả. Sẽ rất nguy hiểm nếu để anh ta một mình ở gần một nông dân hoặc một tù nhân. Chúng tôi biết được điều đó khi thấy anh ta tra tấn một thanh niên bị chúng tôi bắt giữ bằng cách dùng lưỡi lê cứa vào người đó. Một người khác đã phải tìm cách ngăn anh ta lại trước khi tù nhân kia bị thương nặng, nhưng sự thực là tù nhân đó đã bị thương rất nặng rồi. Điều tương tự xảy ra lúc chỉ có anh ta với dân làng; ý nghĩ về việc anh ta cần phải làm bị thương ai đó khiến anh ta trở nên nguy hiểm. Đội trưởng của anh ta nói với tôi rằng trên đường tuần tiễu, anh ta đã bắn chết một nông dân khi người này cố gắng chạy trốn anh ta. Những câu chuyện mà tôi nghe được về người lính này khiến tôi e sợ anh ta; tôi sợ những gì anh ta sẽ làm đối với người khác và tôi sợ những gì anh ta có thể làm với tôi nếu tôi cố ngăn cản sự điên cuồng của anh ta.

Trong một lần tuần tiễu gần sông Trà Bồn, tôi chứng kiến một người lính trong trung đội đánh một ông già lúc chúng tôi đi qua một ngôi làng. Lúc đó, chúng tôi đang đi dọc một con đê ngăn giữa hai cánh đồng. Người lính đó đã ở Việt Nam nhiều tháng, thậm chí còn nhiều hơn tôi. Anh ta chặn một người đang đứng dưới ruộng lúa và hét vào mặt người đó. Nhỏ nhắn, lom khom và gầy gò, người đàn ông đó ngược nhìn người lính mà không biểu hiện thái độ gì. Chúng tôi cũng chẳng biết anh ta giận dữ hay bối rối nữa. Đối với người lính đó, việc không phản ứng cũng bị xem như là kháng cự. Gã lính trẻ

quay báng súng của khẩu M-14 to nặng và đánh vào vai người đàn ông, làm ông ta ngã ra đất. Không thèm liếc trở lại xem nạn nhân của mình thế nào, gã lính bỏ đi.

Lúc mới đến đất nước này, tôi bị sốc và sợ hãi chẳng nói nên lời. Tôi nghĩ có lẽ đây là một phản ứng bình thường, ai cũng hiểu được điều đó. Tôi sợ phải nói, sợ cho sự an toàn của tôi và sợ bị tẩy chay. Nhưng tôi biết đó là sai lầm và tôi nhận ra điều này rất nguy hiểm bởi vì nó khiến chúng tôi ngược đãi những người mà chúng tôi muốn bảo vệ. Cứ thử hình dung nếu như một đội lính Việt Nam có vũ trang hạng nặng tràn qua ngôi làng mà tôi sống thì tôi biết mình sẽ tức giận như thế nào.

Lần kế tiếp thấy cảnh tượng ngược đãi, tôi lên tiếng ngay: “Này, hãy để anh ta yên.” Mặc dù, tôi chỉ là tân binh quen, nhưng dẫu sao tôi cũng là người điều hành điện đàm cho trung úy. Từ đó, việc ngược đãi chấm dứt - ít ra là những lúc tôi có mặt. Cũng có một số người khác trong trung đội của tôi hành động giống như tôi, cũng ngăn cản việc ngược đãi tù nhân và người làng. Tôi tin vào họ để có thể lên tiếng, bởi vì theo bản năng họ biết rằng làm một người lính không có nghĩa là phải “thoát ly” khỏi cuộc đời; họ sẽ phải sống với những gì mà họ hành động với tư cách là những người lính.

Bạn tôi và tôi chưa bao giờ nhận được sự định hướng nào liên quan tới Hiệp định Geneve^[13] và những nghĩa vụ mà các hiệp định này quy định đối với chúng tôi. Tôi tin rằng quân đội Mỹ ngày nay đã có những khóa đào tạo cho quân nhân về chủ đề này. Điều đó ngày càng được coi trọng hơn có lẽ một phần cũng vì dư luận rất quan tâm tới vụ thảm sát ở làng Mỹ Lai của lính Mỹ đối với người dân Việt Nam. Nhưng những khóa đào tạo kiểu này cũng chẳng có giá trị gì nếu tướng lĩnh trên chiến trường không tích cực chỉ cho binh lính thấy sự nguy hiểm của việc giải quyết áp lực của chiến tranh bằng việc làm hại những người dân vô tội mà đáng lẽ họ phải bảo vệ. Có lẽ những áp lực này lại càng trầm trọng thêm khi các cuộc xung đột vũ trang bị xem là vô ích – như chiến tranh ở Việt Nam chẳng hạn.

CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Khi ít trở thành nhiều

Tháng 11 năm 1966, trung đội chúng tôi được điều động tới phía bắc Đông Hà, gần giới tuyến tạm thời giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Chúng tôi đóng quân ở một cứ điểm của người Pháp xây bằng đá trên bờ biển. Một lần nữa, cũng giống như người Pháp, chúng tôi không khiến cho Việt Cộng phải ngạc nhiên. Cứ điểm nằm ở phía cuối một bán đảo nhỏ nhìn ra cửa sông, khiến chúng tôi lọt vào tầm ngắm của hỏa lực từ cả ba phía. Trời lạnh và ẩm ướt, công sự nằm ở giữa sông và biển nên nó luôn ẩm thấp.

Đó là nơi lý tưởng cho việc truyền nhiễm bệnh sốt rét. Vài tuần sau đó, tôi lên cơn sốt. Các y tá quân y đã tặng tôi món quà tuyệt vời nhất trong thời gian tôi tham chiến ở Việt Nam: khởi đầu bằng việc lên trực thăng để ra tàu quân y *Hope* đã được thanh toán mọi phí tổn. Tôi rời cứ điểm trong cơn mưa bão, gió to quạt mạnh vào máy bay trực thăng.

Trong lúc hôn mê, cảm giác của tôi về chuyến bay ra biển Đông giống như cảm giác đang được thoát khỏi cuộc chiến tranh và đi tới một nơi hòa bình, yên ả. Thậm chí sau khi dường như đã đặt chân dễ dàng lên boong tàu *Hope*, tôi vẫn cảm thấy không thể tin vào điều đó. Đáp xuống nơi đỗ trực thăng trên tàu trong cơn bão đòi hỏi phi công phải cực kỳ giỏi. Theo kinh nghiệm của tôi, những phi công lái máy bay quân y là những người dũng cảm nhất trong những người lái máy bay lên thẳng. Ngược lại, những phi công lái những chuyến bay có nhiệm vụ cung cấp, tiếp tế hậu cần lại có cách riêng của họ. Thay vì hạ xuống thấp có thể bị bắn tỉa hoặc bị tên lửa tấn công, những phi công chở hàng tiếp tế sẽ thả hàng khỏi khoang từ độ cao 150m, sau đó bay đi luôn. Chắc họ nghĩ tại sao mình phải liều mạng vì những hộp giấm bông và hoa quả đó? Kết quả là những hộp đồ ăn đóng hộp và những thùng đạn bị méo mó và rất khó mở, nhiều khi không thể mở được để sử dụng.

Khi các hộ lý trực ca đẩy tôi vào phòng khám trên tàu *Hope*, tôi cảm thấy như mình đã đến cổng thiên đường. Mọi thứ đều màu trắng và sạch sẽ. Mọi người rất thân thiện và tận tình. Họ cởi quần áo ướt và ủng của tôi ra rồi khám cho tôi. Họ chuẩn đoán rất nhanh là tôi đang bị sốt cao. Tôi nghe họ trao đổi về các biện pháp điều trị, ngay sau đó, tôi được đưa tới một chỗ khác - ngoài boong tàu. Tôi đã để lại phía sau những ngày mưa bão ở Đông Hà và đến đây. Một y tá đã buộc tôi vào chiếc ghế dài và nói rằng cô ấy sẽ kiểm tra lại cho tôi trong vài tiếng nữa. Tôi có thể vào trong khi tôi đã hạ sốt. Điều này đã tạo ra một cảm giác thật ngớ ngẩn: Người tôi rất nóng trong khi bên ngoài này rất lạnh. Trong trạng thái sốt, bất cứ thứ gì cũng trở nên rất đơn giản. Tôi thư giãn và ngủ suốt đêm trong mưa

bảo.

Sáng hôm sau, tôi đã hạ sốt, được đưa vào trong và nằm trên một chiếc giường có ga trải - đây là chiếc giường đầu tiên tôi được nằm kể từ khi rời California cách đây 8 tháng. Tôi thấy không quen và có cảm giác là lạ. Những giường phía bên kia là những người lính công binh bị thương nặng đến nỗi không thể nói được. Tôi cũng chẳng thể trò chuyện được với ai; tôi cảm thấy vui vui khi nằm và quan sát những hoạt động hối hả của phòng điều trị. Bác sĩ, y tá và các hộ lý trực ca, thuốc men, các bữa ăn, lau dọn vệ sinh, tất cả đều màu trắng, nhìn rất tiện nghi. Tôi nghĩ, sau khi trở về nhà, tôi sẽ đi chơi một chuyến trên biển.

Nhiều ngày qua đi, tôi dần phục hồi sức khỏe. Trước tiên tôi bắt đầu ăn được, sau đó có thể ngồi dậy, di chuyển quanh phòng bệnh bằng xe đẩy. Một tuần sau, tôi đã có thể đứng lên được và đi loanh quanh con tàu khổng lồ này. Khi tới vịnh Subic ở Philippines, tôi được thông báo là có thể lên bờ và tôi lập tức đi ngay. Trong hai ngày đó, tôi được thưởng thức những món ăn ngon, được nhảy với những cô gái xinh đẹp ở quán bar và bước đi mà không sợ sệt gì. Thế là quá đủ để tôi có thể quên đi chiến tranh. Đó là những ngày tôi không còn cảm giác khẩn cấp, không còn áp lực phải làm bất cứ chuyện gì trừ việc hưởng thụ cuộc sống.

Khá luyến tiếc nhưng chúng tôi phải quay lại biển Đông. Trong vòng vài ngày sau đó, tôi trở về trung đội của mình ở gần Đông Hà. Tôi như bị đột ngột tỉnh dậy sau một giấc mơ: từ giường rơi xuống đất, từ phòng ăn tự phục vụ trên tàu trở về với đồ ăn đóng hộp, từ một con tàu lớn, sạch sẽ và an toàn trở về với những cuộc tuần tra ban ngày và phục kích ban đêm. Vick đã có người điều khiển điện đàm mới, chính vì thế tôi quay lại với đội súng trường. Bây giờ, tôi phải làm việc để bù lại cho khoảng thời gian tuyệt vời đã qua.

Sự chăm sóc y tế mà tôi đã nhận được với tư cách một người lính quả là tuyệt vời. Từ những y tá quân y trong bệnh viện của trung đội, từ những phi công lái máy bay quân y và từ những người làm việc trên tàu *Hope*, tất cả đều tuyệt vời. Các đồng đội của tôi cũng nhận được sự chăm sóc y tế rất tốt. Trong khi trung đội tôi đang canh giữ một đỉnh đồi gần Chu Lai, đội trưởng đội súng máy vô tình ngồi phải một con rắn lục. Sẽ không có vấn đề gì xảy ra khi ngồi lên một con rắn độc - nhưng sai lầm là khi đứng dậy. Lúc đó là nửa đêm và viên đội trưởng đang canh gác. Anh ấy xoay người để ngồi cho thoải mái hơn và vô tình đã hướng về phía đầu con rắn. Khi anh ta đứng dậy, con rắn đã cắn anh ta. Viên đội trưởng đã nhanh trí bắt lấy con rắn. Một tiếng sau, trực thăng quân y đến và đưa anh ấy đi. Một tiếng tiếp theo, anh ấy và con rắn đã ở bệnh viện để chữa trị. Vài ngày sau, Cox trở về trung đội và con rắn cắn anh ấy được đưa tới phòng thí nghiệm.

Từ những điều tôi biết được về Việt Cộng và Quân đội miền Bắc Việt Nam, những binh lính bị thương của họ cũng nhận được sự chăm sóc y tế rất tốt. Họ thậm chí còn có nhiều người bị thương hơn chúng tôi và hầu hết những bệnh viện của họ ở miền Nam Việt Nam đều nằm dưới lòng đất để tránh máy bay ném bom B-52 của Mỹ. Năm 1996, tôi đi thăm một bệnh viện của Việt Cộng dưới lòng đất tại địa đạo Củ Chi gần Sài Gòn. Tôi đã rất ấn tượng về việc Việt Cộng đã trang bị rất tốt để chăm sóc cho quân nhân của họ. Tác động của chế độ chăm sóc sức khỏe tốt đối với tinh thần của các binh lính quả là kỳ diệu. Khi chứng kiến những người khác được chữa trị tốt, đến lượt mình được chữa trị, tôi cũng tin tưởng hơn nhiều vào công việc mà tôi đang làm và bớt lo lắng về những điều có thể xảy ra với tôi. Tôi vẫn sợ, nhưng tôi đã cư xử bớt sợ hãi hơn.

Có lẽ, mặt tích cực nhất của chế độ chăm sóc y tế mà chúng tôi nhận được đó là chúng tôi có thể coi đó như một chế độ đương nhiên. Đây là một điều xa xỉ mà hầu hết mọi người đều không có được trong chiến tranh hoặc ở bất kỳ thời điểm nào. Chỉ khi bạn là người phi thực tế, bạn mới nghĩ rằng điều đương nhiên này là một điều xấu.

Một bài học khác mà tôi đã học được trên tàu *Hope* là việc chăm sóc y tế tốt nhất thường không được nhìn nhận đúng như vậy. Lần đầu khi Mike nói với tôi là tôi đã bị sốt rét, đầu tôi toàn nghĩ tới những viên thuốc, những ống truyền nước, dung dịch và rất nhiều người cúi xuống phía tôi trong chiếc áo blouse trắng. Thế nhưng, vào đó, tôi đã có một chiếc ghế ở trên boong tàu - trong một trận bão. Mọi thứ trở nên tốt hơn, tôi đã phục hồi và trở lại trung đội. Tôi rút ra kết luận là, trong việc chăm sóc sức khỏe, thường thì ít lại trở thành nhiều. Đây không phải là một kết luận dễ chấp nhận. Tôi đã uống thuốc trị sốt rét đầy đủ trong suốt thời gian ở Việt Nam. Tôi luôn thả iốt vào nước uống lấy từ giếng và suối. Khi tôi đòi khẩu phần đồ hộp của mình để lấy cơm và rau, tôi phải chắc chắn rằng những đồ ăn này đã được nấu chín. Tôi thường hái chuối rừng, bưởi và dừa bất cứ lúc nào có cơ hội, vì vậy tôi ăn nhiều đồ ăn tươi hơn hầu hết những người bạn khác. Và kết quả là tôi rất ít khi bị ốm. Ngược lại, nhiều bạn của tôi đã ném những viên thuốc và thuốc nước chống sốt rét đi, họ lập luận rằng những căn bệnh lạ có thể là cách để họ có thể được trở về nhà. Không cho iốt vào nước càng làm cho nước của họ có vị ngon hơn.

Kinh nghiệm thực tế của tôi không có gì đảm bảo là mình sẽ có được một sức khỏe tốt. Tôi không chỉ mắc bệnh sốt rét (hoặc một bệnh giống như thế) mà còn cả bệnh viêm màng não. Khi bị viêm màng não, tôi đã phải nằm một tuần rong rã tại một bệnh viện dã chiến gần Đà Nẵng. Phương pháp chữa trị bệnh này là tác động vào cột sống và dùng nhiều thuốc. Tôi thoát khỏi chiến trường và các trận đánh trong hai tuần. Bài học tôi rút ra được từ những sự cố bất ngờ đó là hãy thử sử dụng dịch vụ y tế công cộng. Y tế công cộng đòi hỏi phải có ý kiến phê duyệt và nhiều quy tắc, nhưng thường thì tôi vẫn có

thể kiểm soát được. Chăm sóc y tế đòi hỏi có nhiều người và trang thiết bị mà không phải lúc nào tôi cũng có. Một điều rất buồn cười đó là, tôi đã nhận được sự chăm sóc y tế tốt nhất khi tôi là một người lính nhưng tôi đã mất cả phần đời còn lại để tránh phải dựa vào nó. Nhiều lúc tôi thà bị bệnh rồi chết đi chứ không dùng nhiều thuốc đến vậy. Khi tôi bị thương ở đầu gối khiến tôi không thể chạy, thay vì phải phẫu thuật, tôi đã tập đạp xe và đi bộ. Hai hoạt động này đã trở thành các môn thể thao yêu thích của tôi và đã đưa tôi đi khắp thế giới, lên những ngọn núi cao, đến với nhiều cảnh đẹp và những nguồn cảm hứng khác nhau.

Tôi còn học được một bài học khác về chăm sóc sức khỏe từ việc chứng kiến việc bố tôi đấu tranh với chính phủ để đòi trợ cấp thương tật. Khi làm chỉ huy phó căn cứ hải quân tại Guadacanal trong Thế chiến II, bố tôi bị sốt rét và vì thế, bị tổn thương não. Sau thời gian dài dưỡng bệnh, ông đã quay lại làm với nghề luật sư và một quân nhân dự bị trong lực lượng hải quân, ở đây ông đã hỗ trợ cho việc đàm phán ký kết hợp đồng về tàu ngầm hạt nhân đầu tiên. Vài năm sau, ông bắt đầu bị run ở đầu và tay. Mặc dù bệnh này dường như không ảnh hưởng tới thần kinh của ông nhưng nó lại khiến ông luôn lo lắng và mệt mỏi. Ông cũng lo sợ nó sẽ phát triển thành bệnh gì đó nặng hơn. Ông tìm đến một chuyên gia tư vấn sức khỏe trong lực lượng Hải quân và Hội Cựu chiến binh và cuối cùng họ kết luận là bệnh sốt rét trong thời gian tham gia chiến tranh chính là nguyên nhân gây tổn thương hệ thần kinh trung ương của ông. Biết mình bị bệnh là do thời gian phục vụ trong quân đội, ông đã nộp đơn đòi bồi thường nhưng người ta đã bác đơn của ông.

Là người tốt nghiệp Trường Annapolis và Trường Luật Harvard, đồng thời là một công chức lâu năm, bố tôi biết rằng cơ hội thành công đối với những yêu cầu của mình là rất nhỏ. Tuy nhiên, tin tưởng vào tính hợp lý và đúng đắn của những đòi hỏi của mình, ông xác định phải sử dụng mọi nguồn lực có được để ủng hộ cho vụ kiện này. Với sự giúp đỡ của các bác sĩ và luật sư giỏi nhất bố tôi có thể tìm được, ông đã gửi đơn kháng nghị tất cả những quyết định đã đưa ra chống lại ông. Phải mất hơn 10 năm, ông mới nhận được một khoản thanh toán tiền trợ cấp thương tật khá lớn từ lực lượng hải quân. Hầu hết các cựu chiến binh đều không bao giờ có thể tự mình đấu tranh để có thể thắng được một vụ kiện như thế. Có thể là do họ thiếu kiến thức về pháp luật, thiếu kinh nghiệm để đối phó với tệ quan liêu và thiếu lòng kiên trì. Bố tôi đã thắng kiện nhờ quyết tâm cao độ, cũng giống như việc ông có thể phục hồi lại sức khỏe sau khi bị sốt rét, như việc ông đã đối phó được đối với những cáo buộc của Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy đối với Cục thông tin của mình và cũng như việc ông được nhận bằng tiến sĩ ở tuổi 70.

Hơn 30 năm qua, tuy việc chăm sóc sức khỏe trong những cuộc chiến tranh đã được cải thiện nhiều nhưng những người lính còn sống sót cần được chăm sóc sức khỏe dài hạn. Hiện nay, mỗi quan tâm

chính của những cựu chiến binh bị thương là sự khó khăn trong việc được điều trị tại những bệnh viện dành cho cựu chiến binh. Người lính trước kia chết do những vết thương thì nay họ vẫn có thể sống sót. Mục tiêu chính của họ là phải có được một cuộc sống có chất lượng chứ không chỉ là sống sót. Điều tôi học được từ kinh nghiệm của bố tôi là chính phủ Mỹ thường không chấp nhận những yêu cầu của nhiều cựu chiến binh Mỹ. Cách chính phủ chúng ta dùng để giải quyết những yêu cầu của các cựu chiến binh bao gồm việc buộc những người lính cần phải chứng minh được là họ có quyền được nhận trợ cấp là do thời gian họ từng chiến đấu. Họ được xem xét kỹ cho đến khi được xác nhận đúng là họ đang bị bệnh. Sau khi được xác nhận là đang bị bệnh, họ lại phải chứng minh rằng bệnh đó có nguyên nhân từ việc họ từng phục vụ trong quân đội chứ không phải là do chính họ gây nên. Rất ít cựu chiến binh có thể thành công trong việc kiện chính phủ của mình và hầu hết thậm chí không buồn thử. Khi báo chí đưa tin về những cựu chiến binh bị thương đang đấu tranh để có được sự chăm sóc cần thiết, thậm chí là ở bệnh viện quân y Walter Reed, chúng tôi nhận ra rằng trước khi cuộc chiến tranh này kết thúc, một cuộc chiến khác lại bắt đầu - cuộc chiến của những người lính yêu cầu được chăm sóc sức khỏe để có thể hàn gắn những vết thương của họ.

Một điều cũng quan trọng không kém đó là những vết thương mà người lính phải chịu đựng có thể phải cần đến liệu pháp tâm lý.

Những người lính thường rất khó khăn trong việc chứng minh rằng những tổn thương tâm lý của họ là hậu quả của thời gian họ phục vụ trong quân đội. Quân đội cần phải làm tốt hơn trong việc phỏng vấn và kiểm tra các binh lính trở về từ chiến trường. Mục tiêu của những đợt kiểm tra này là để tìm ra những người cần phải điều trị - trước khi những hậu quả về tổn thương tâm lý của họ khiến họ trở thành mối nguy hiểm cho chính họ và những người khác.

Một điều trở trêu đó là những người lính chính là trở ngại lớn nhất của họ trong việc giành lấy sự chăm sóc sức khỏe họ cần. Do muốn thể hiện nỗ lực của chính mình và muốn thể hiện rằng mình có thể chịu đựng được sự ám ảnh của chiến tranh nên chính điều này sẽ có xu hướng cản trở chúng tôi trong việc phải nhận biết lúc nào thì chúng tôi cần trợ giúp y tế và cần loại hình trợ giúp nào. Điều này đặc biệt đúng trong việc điều trị rối loạn tâm lý sau chấn thương. Sự tổn thương về tinh thần của người lính là việc dễ nhận thấy sau mỗi cuộc chiến tranh, dù những từ ngữ được dùng để miêu tả nó thì có khi lại khác nhau, chẳng hạn: Nỗi nhớ nhà, trái tim người lính, cú sốc về tinh thần, sự mệt mỏi từ mặt trận, sự rối loạn do sợ hãi. Một người lính không muốn thú nhận rằng anh ta cần sự giúp đỡ và anh sẽ phải trải qua một thời gian khó khăn mới quyết định yêu cầu việc đó. Đối xử với các cựu chiến binh như những người anh hùng là một trong những trở ngại lớn nhất trong việc có thể đảm bảo rằng họ sẽ nhận được sự giúp đỡ mà họ cần. Rút cuộc, những người anh hùng lại không cần giúp đỡ. Những

người anh hùng có thể tự chăm sóc bản thân. Có lẽ câu trả lời đơn giản là, “Không có anh hùng nữa”.

Khoảng hơn 8 năm sau khi trở về từ Việt Nam, tôi luôn phản bác lại ý kiến cho rằng tôi cần những hỗ trợ về tâm lý. Tôi nghĩ rằng nếu tôi có thể sống sót trong một năm ở Việt Nam, tôi chắc chắn có thể kiểm soát được sự giận dữ và chán nản của mình. Bác sĩ chuyên khoa của tôi đã miêu tả sự chán nản như là những sự tức giận đã chuyển hóa vào trong. Hậu quả của nó là tôi bị suy nhược, từ đó tôi thường cảm thấy buồn đời cả người ra. Càng cảm thấy đời người ra thì tôi lại càng cảm thấy khó để tôi tìm kiếm sự giúp đỡ. Khi vợ tôi yêu cầu li dị, tôi đã tới gặp một chuyên gia tư vấn về hôn nhân. Sau một thời gian chữa trị với bác sĩ tâm lý trị liệu, tôi biết rằng tôi đã tìm được ai đó để chia sẻ. Sự khủng hoảng về thất bại trong cuộc hôn nhân đầu tiên đã khiến tôi quyết định tìm đến sự giúp đỡ. Tôi tiếp tục gặp vị bác sĩ tâm lý trị liệu này trong gần bảy năm trời, cho đến khi cảm giác tức giận và chán nản của tôi bắt đầu bớt đi.

CÁI CHẾT VÀ SỰ TƯỞNG NHỚ

Vĩnh biệt L.B.

Tháng 1 năm 1967, chúng tôi di chuyển đến Quảng Ngãi. Xe chở chúng tôi đi qua thành phố Quảng Ngãi tiến vào căn cứ nằm trên một con đồi dốc gần ngôi làng nằm cạnh biển ở Đức Phổ. Các vị trí đóng quân của chúng tôi nằm trên một đỉnh đồi rộng và phẳng, có thể nhìn ra mọi hướng. Phía đông là biển Đông, phía tây là rừng núi cây cối rậm rạp, phía bắc và phía nam là những ruộng lúa xanh tươi được phân chia bởi những hàng cây và làng mạc nằm rải rác. Với địa hình này chúng tôi có thể kiểm soát các vùng xung quanh. Chúng tôi chuyển đồ đạc và súng đạn xuống dưới boongke đã được đào sâu vào trong đồi, đó là những vị trí vững vàng nhất mà chúng tôi từng chiếm được. Chúng tôi băn khoăn tại sao những boongke sâu như thế này lại cần thiết: chúng tôi đã có súng cối và pháo trên đỉnh đồi; phía ngoài biển là tàu chiến với hỏa lực mạnh mà chúng tôi có thể yêu cầu hỗ trợ; sân bay ở phía bắc có nghĩa là trực thăng và máy bay phản lực chỉ cách đó có vài phút bay. Đối phương không có được những vũ khí tối tân như thế này - chúng tôi thua làm sao được?

Higgason và tôi cùng chung một boongke. Anh ta đến từ Mississippi và cũng là người mang trong mình một mớ mâu thuẫn. Higgason là người nói nhanh nhất mà tôi từng biết; tôi phải yêu cầu anh ta nhắc lại hầu hết những gì mà anh ta nói với tôi. Như thể là anh ta phải luôn tăng tốc độ khi kể chuyện để còn đủ thời gian cho những gì mà anh ta muốn nói. Anh ta là người bé nhất trong trung đội, nhưng sự thân thiện, quyết tâm và tính tình đặc biệt làm cho anh ta có vẻ lớn hơn nhiều. Dường như lực lượng lính thủy đánh bộ có khả năng lôi cuốn những người mong muốn làm được điều gì đó lớn lao cho cuộc sống của mình, như thể là cuộc sống bình thường của họ là chưa đủ. Higgason là một con người luôn có kế hoạch, là người duy nhất trong trung đội chúng tôi có thể tìm cách tham dự đêm diễn của diễn viên Ann Margret ở Đà Nẵng. Anh ta trở về sau đêm diễn với dáng vẻ hết sức phấn khích và khoe rằng cô đã nháy mắt với anh ta.

Những lời anh ta nói làm tôi chợt nhớ rằng tôi cũng cần phải làm được cái gì đó lớn lao hơn cho cuộc đời mình. Tôi tới Việt Nam vì muốn trở thành một anh hùng, và tôi luôn tin rằng phẩm chất của một người anh hùng trong chiến tranh sẽ tăng cường khả năng để tôi sống vững vàng trong suốt quãng đời còn lại. Về điểm này, ý tưởng của tôi về chủ nghĩa anh hùng có thể sẽ phải đối mặt với những nguy hiểm ngoài mặt trận, bởi tôi cần phải thể hiện được sự dũng cảm của mình trước bão đạn mưa bom. Điều này cũng tương đương với việc phải ký một hiệp ước với quỷ thần, bởi vì trở thành anh hùng cũng đồng nghĩa với việc mạo hiểm cuộc đời mình.

Chuyến tuần tiễu đầu tiên đã cho chúng tôi hiểu thêm về mọi thứ mà chúng tôi đang chiến đấu để chống lại. Hai đội chúng tôi khởi hành lúc sáng sớm với tổng số 20 lính. Chúng tôi đi theo con đường mòn, nhỏ hẹp dẫn xuống đồi và đi sâu vào trong thung lũng. Lúc tôi vừa tiến vào chỗ ngoặt xuống dốc thì lính bắn tỉa từ phía dưới chúng tôi bắt đầu khai hỏa. Con đường mòn bên sườn đồi quá trống trải nên rất dễ bị bắn tỉa; chỉ có đường địa đạo dưới đất mới có thể giúp chúng tôi rời khỏi ngọn đồi và quay về an toàn. Chắc là Việt Cộng đã từng xây những địa đạo như thế này, trong khi phương pháp của người Mỹ là dùng lực lượng mạnh - phải tuần tiễu ngay cả khi đang ở trong tầm ngắm của lính bắn tỉa. Vài phút sau cả Ballew và Brown trúng đạn; Ballew bị thương nặng. Thật tệ vì chúng tôi không có cách nào đưa họ ra khỏi sườn đồi để đi chữa trị vết thương. Chúng tôi phải khiêng họ lên một cú điểm nằm trên đỉnh đồi nơi máy bay có thể hạ cánh.

Và điều đó lặp lại trong vài tuần kế tiếp. Chúng tôi lại bị tổn thất khi cố gắng tiến xuống đồi, sau đó lại phải rút lên phía đỉnh đồi để có thể cứu những người bị thương. Trước khi chúng tôi bị tổn thất khi tiến xuống đồi thì chúng tôi thường gọi điện đàm yêu cầu không quân hoặc pháo binh hỗ trợ bắn vào những vị trí của lính bắn tỉa bên phía địch nhằm bảo vệ những máy bay quân y tới đưa người bị thương đi. Tôi nghĩ những lính bắn tỉa đó rất dũng cảm bởi họ bất chấp sự tấn công của máy bay và pháo hạng nặng. Những lính bắn tỉa đó chính là những David đang chống lại chúng tôi, những Goliath[14] được trang bị đầy đủ. Lính bắn tỉa ngừng bắn trong giây lát khi phản lực gầm rú trên bầu trời, ném bom và các hộp na-pan xuống; khi máy bay phản lực quay đi, lính bắn tỉa lại tiếp tục khai hỏa. Tiếng pháo nổ ầm ầm cũng làm cho lính bắn tỉa phải ngừng bắn một lúc. Nhưng cứ theo sau mỗi tiếng nổ lớn thì lính quân bắn tỉa lại tiếp tục bắn. Tôi không đủ dũng cảm để đối mặt với máy bay phản lực như những lính bắn tỉa này. Ý tưởng về chủ nghĩa anh hùng trở nên lớn hơn khi tôi nghĩ về việc làm thế nào mà ai đó có thể dũng cảm chiến đấu bảo vệ làng mạc của mình chống lại được hỏa lực mạnh như thế.

Sau đó nhiều ngày, một đại đội khác trong tiểu đoàn chúng tôi tiến được vào thung lũng trước khi các đơn vị của Việt Cộng kịp nổ súng. Họ đánh điện đàm yêu cầu không kích những vị trí mà lính bắn tỉa nhắm vào. Máy bay phản lực tới quá nhanh trong khi đồng đội chúng tôi vẫn còn quá gần mục tiêu không kích. Chính vì thế, súng 20 li của máy bay phản lực bắt đầu oanh tạc nhằm vào đồng đội chúng tôi. Ngay lập tức đồng đội của chúng tôi gọi điện đàm yêu cầu ngừng không kích, nhưng khi đó hàng loạt người đã bị chết và nhiều người khác bị thương rất nặng.

Trực điện đàm trong suốt cuộc tấn công này tôi nhận ra rằng sự hỗ trợ của không kích nhiều khi cũng rất nguy hiểm. Với tốc độ bay của phản lực, không phải lúc nào phi công cũng có thể thấy rõ vị trí mà họ ném bom, mặc dầu chúng tôi đã sử dụng đạn khói màu để đánh dấu vị trí của chúng tôi. Những thương vong kiểu thế này làm tôi cảm thấy hết sức kinh khủng, bởi lúc đó chúng tôi cũng dễ bị

tấn công chẳng khác gì kẻ thù của mình.

Ngày tiếp theo, chúng tôi lại một lần nữa phải đóng chốt trên phần đồi phía chúng tôi vì một tay súng bắn tỉa. Từ vị trí cao, chúng tôi tương đối an toàn, tuy nhiên lại không thể di chuyển được. Chúng tôi không thể tiếp tục tiến xuống đồi và cũng không thể quay trở lên boongke được. Tôi cảm thấy như đang chứng kiến một trò chơi chiến tranh, ngồi trên khán đài của sân vận động, phía dưới sân bạo lực vẫn đang diễn ra nhưng chẳng ai bị thiệt hại gì. Thêm một lần nữa, chúng tôi phải yêu cầu không quân hỗ trợ. Lần này chỉ có một máy bay phản lực tới: nó sà thấp xuống thung lũng, ném một vài quả bom, rồi sau đó ném bom hàng loạt và oanh tạc các ngã đường. Mỗi lần máy bay phản lực lượn trở lên, tay súng bắn tỉa ấy lại tiếp tục bắn bằng súng cacbin. Cảnh tượng này trông giống như một bài hát đối đáp; máy bay phản lực gầm rú và tay bắn tỉa đáp lại bằng tiếng súng mặc dù âm thanh tiếng súng nhỏ hơn so với tiếng gầm của máy bay. Tôi và đồng đội bắt đầu cổ vũ cho tay bắn tỉa đó “Tiếp tục đi nào, tiếp tục đi!”

Tán dương tay bắn tỉa cũng chính là công nhận sự dũng cảm của anh ta; đó cũng là cách thể hiện sự sợ hãi của chúng tôi và sự căm ghét đối với máy bay phản lực. Chúng tôi không còn nghĩ những chiếc máy bay đó thuộc về phía chúng tôi nữa, chúng chỉ là chúng mà thôi.

Đội súng máy của chúng tôi có thể còn hơn cả những hình ảnh trong phim Hollywood; có nhiều ý kiến trái ngược trong trung đội chúng tôi về nhóm này. Cox, đội trưởng, là một người da trắng, là một “công tử bột” đến từ Indianapolis. Đối với Cox, cuộc đời bắt đầu và kết thúc cùng với những đường đua “500” (đua ô tô) ở Indianapolis. Tất cả những câu chuyện của anh ta đều bắt đầu với những từ “một năm của đường đua 500.” Các thành viên còn lại của đội súng máy đều là người da đen: người thành phố có, người nông thôn có, người trong đội hợp xưởng cũng có, thậm chí còn có những người nghiện ma túy. Vì nhiều thành viên trong đội súng máy đến từ các thành phố lớn cho nên những người sử dụng ma túy nhiều nhất trong trung đội chúng tôi chính là đội súng máy. Các loại ma túy cũng được phân định bởi nguồn gốc của chúng tôi. Những người từ thành phố lớn thì quen với heroin và á phiện. Khi họ nhận ra rằng á phiện ở Việt Nam cũng có chất lượng tốt, rẻ và nhiều thì họ biết cần phải làm thế nào. Những người từ nông thôn - da trắng cũng như da màu - đều không biết nó là cái gì và cũng chưa bao giờ thử, thì chỉ thích uống bia, thậm chí là với những lon bia được trực thăng ném xuống.

Lắng nghe các thành viên trong đội súng máy nói chuyện, tôi thấy rất ngạc nhiên là tại sao họ có thể giữ quan hệ với nhau tốt như thế. Công việc của đội súng máy yêu cầu một tinh thần làm việc nhóm cao độ, chẳng hạn: vác tất cả đạn sử dụng cho loại súng này, lau chùi và sửa chữa súng, nạp đạn cho súng, giữ mát cho các thùng đạn khi bắn, và cuối cùng lại phải tiếp tục lau chùi. Các tay bắn súng máy

hầu như đều được huấn luyện nhiều hơn phần còn lại chúng tôi. Chính vì thế, họ làm việc cùng nhau lâu hơn những đội khác. Chỉ có trường hợp bị chết, bị thương hoặc được trở về nhà thì mới có thể khiến nhóm này giải tán. Chúng tôi luôn có ý thức bảo vệ đội súng máy bởi vì họ đóng góp một phần hỏa lực rất lớn bảo vệ chúng tôi trong các trận đánh. Khi một người lính da đen ở một trung đội khác nói xấu Cox, ngay lập tức tôi phản bác. Ngay sau đó hai chúng tôi lao vào đánh nhau. Chúng tôi đánh nhau như điên dại nhưng không làm ai bị thương. Những người khác vội tách chúng tôi ra, và chúng tôi xin lỗi nhau vì đã mất bình tĩnh. Sau đó tôi nhận ra mình điên như thế nào; tôi - một người da trắng, đánh nhau với một người da đen vì nói xấu một đội trưởng da trắng trong khi các thành viên trong đội đó đều là người da đen. Điều đó chẳng khác gì ném một quả lựu đạn vào trong đồng thuốc nổ. Đầu óc tôi biết điều đó nhưng hành động của tôi thì cứ theo phản xạ tự nhiên.

Một vài ngày sau chúng tôi xuống được đồi và hành quân vào những vùng lân cận làng Đức Phổ. Nhìn lại tất cả những thương vong mà chúng tôi gây ra ở quanh Đức Phổ, chúng tôi nhận ra rằng mình rất dễ trở thành tội phạm chiến tranh. Một vài lần khi chúng tôi tiến vào làng thì sự giận dữ của chúng tôi đối với Việt Cộng lại trút lên đầu những người dân làng. Trong khu vực Việt Cộng kiểm soát, hầu hết dân làng đều từ chối nói chuyện với chúng tôi hoặc thậm chí còn chẳng để mắt tới chúng tôi. May mà trong trung đội có nhiều người tìm cách ngăn cản những người muốn giết những người dân vô tội này.

Tôi thấy hình như sự thúc đẩy dẫn đến việc giết những người vô tội hoặc tra tấn tù nhân đều có nguồn gốc từ việc quá sợ hãi. Người lính biến sự sợ hãi của mình thành bạo lực như cách anh ta đâm vào cái nhọt trên da anh ta. Nỗi sợ hãi cũng thường tăng lên nhanh chóng khi chúng tôi chứng kiến những đồng đội của mình bị chết. Nỗi sợ hãi cũng là kết quả của một thực tế là chúng tôi phải chờ đợi một cách bị động và không biết lúc nào mình sẽ bị bắn. Bạo lực luôn sẵn sàng xảy ra với chúng tôi; chúng tôi không thể quyết định được thời gian và địa điểm những lần đương đầu với địch.

Bao quanh Đức Phổ là hệ thống chiến hào do Việt Cộng xây từ trước đó. Một vài đoạn chiến hào đã được đào từ cách đó nhiều năm, có thể là từ chiến tranh chống thực dân Pháp. Trở lại Việt Nam sau đó nhiều năm, tôi đã hiểu là những nước đã từng xâm lược Việt Nam chưa bao giờ giành được quyền kiểm soát vùng Quảng Ngãi này - Pháp không và Mỹ cũng không. Những người ngoại quốc tới rồi đi: họ có thể đến với một lực lượng rất mạnh nhưng không bao giờ ở lại. Cái giá để ở lại đơn giản là quá cao. Những đường chiến hào giúp Việt Cộng có thể đi từ làng này sang làng khác mà không bị phát hiện. Lúc chúng tôi phát hiện ra hệ thống chiến hào, chúng tôi cũng bắt đầu sử dụng hệ thống này với mục đích tương tự.

Một buổi sáng, khi chúng tôi đi tuần gần Đức Phổ, tôi bước phía sau Cox và L.B. Wynne, tay súng chính trong đội súng máy. Anh ta vác theo một khẩu súng rất lớn. Kích cỡ của khẩu súng khiến anh ta trở thành một mục tiêu dễ bị phát hiện nhưng chúng tôi cảm thấy an toàn vì chúng tôi đi dưới đường hào nên các tay bắn tỉa không thể phát hiện ra. Đột nhiên, một tiếng nổ như sấm vang lên hất chúng tôi ngã xuống. Nhìn lên, tôi thấy bụi và khói bay mù mịt. Tôi bàng hoàng và nghe thấy tiếng Cox đang gào lên. Tôi cảm thấy như đang ở dưới nước, đang bơi qua đường hào về phía Cox và L.B. Tôi thấy Cox nằm khóc dưới rãnh chiến hào. Nằm trước anh ta là L.B., L.B. đã chết. Anh ta bị chết ngay tức thì vì đâm phải mìn. Ai đó đã kiên nhẫn chờ, chờ cho đến khi một tay súng máy hoặc một người điều hành điện đàm như chúng tôi đi qua chỗ gài mìn. Quả mìn phát nổ ngay ở đoạn hào đó, giết chết L.B. nhưng chúng tôi thì lại không sao. Chúng tôi gói xác L.B. vào trong một chiếc áo ponso và mang anh ta trở lên đồi.

Trong một tháng chúng tôi ở gần Đức Phổ, gần một nửa lính trong tiểu đoàn chúng tôi bị chết hoặc bị thương. Cuối cùng chúng tôi được một đơn vị không quân giải cứu bằng màn trình diễn về công tác hậu cần ấn tượng nhất mà tôi từng chứng kiến. Vào ngày họ tới, họ xây một bãi đáp cho máy bay trực thăng làm bằng những miếng thép ghép với nhau. Ngày tiếp theo họ xây một bệnh viện dã chiến. Ngày thứ ba họ xây một khu vực ăn uống, thậm chí còn có cả kem. Chúng tôi cảm thấy mình có thể nhìn thấy được tương lai của chiến tranh nhưng lại không phải là một phần của tương lai đó. Thay vào đó, chúng tôi đưa tất cả đồ đạc lên xe và được hộ tống về phía bắc Đại Lộc.

Suy tính về cái chết cũng là một phần cuộc sống của người lính chúng tôi. Hàng ngày, chúng tôi đều phải đối mặt với cái chết: chúng tôi thấy người đã chết và chúng tôi thấy những người sẽ chết - đó là bạn bè tôi, kẻ thù của tôi và cả dân làng nữa. Khi chúng tôi đã ổn định hơn từ cú sốc về cái chết, chúng tôi lại nói về nó. Chúng tôi nói về những cách chết, những cách chết tồi tệ nhất và thậm chí là những cách chết ưa thích nhất. Chúng tôi cố gắng tỏ ra là mình tin vào định mệnh. Chúng tôi nhắc đi nhắc lại một cách vô nghĩa câu nói của những người lính khác, chẳng hạn “Anh sẽ không bao giờ nghe được tiếng viên đạn bắn trúng anh” hay “Lúc thời gian của anh đã hết thì nó sẽ đến.” Chúng tôi nói những điều chẳng có ý nghĩa gì và cố gắng định nghĩa những thứ mà chúng tôi nói với nhau. Chúng tôi hầu như không thể tự mình hình dung được cái chết của mình. Tuy nhiên, với cái chết luôn vây quanh, làm sao chúng tôi có thể tránh việc suy nghĩ về nó được?

Là một người lính, tôi mong muốn gì từ cái chết? Những gì tôi mong muốn từ cái chết cũng chính là những gì tôi mong muốn từ cuộc sống: luôn được nhớ đến. Nhìn vào cái chết, tôi tin tất cả chúng tôi đều muốn rằng những người thân tôi sẽ luôn nghĩ về chúng tôi, nói về chúng tôi, nhớ lại những điều bình thường và đáng nhớ mà chúng tôi đã làm và lưu giữ những kỷ niệm đó. Khi chúng tôi nói về L.B.,

chúng tôi hiểu rằng chúng tôi đang làm những gì mà anh ta muốn chúng tôi làm, và chúng tôi đang thực hiện mong ước mà anh ta - và chúng tôi - đã có, và làm cho mong ước của anh ta thành hiện thực cũng có nghĩa là làm cho mong ước của chúng tôi thành hiện thực. Chúng tôi nói về việc anh ta hát hay thế nào, về việc anh ta bắn giỏi thế nào, anh ta bình tĩnh thế nào khi đối mặt với nguy hiểm, bởi việc mang một khẩu súng máy vừa to vừa dễ bị phát hiện sẽ dễ trở thành mục tiêu bị tấn công nhất trong trung đội.

Tôi tin rằng mong ước được nhớ đến là lý do tại sao nhiều cựu chiến binh cảm thấy rất cảm kích với những nỗ lực nhằm tưởng nhớ những đồng đội đã ngã xuống.

Tưởng nhớ là tất cả những gì được mong chờ từ cái chết.

Trong thời gian tôi chiến đấu, tôi chẳng có cách nào để biết được những gì sẽ xảy ra từ cái chết của L.B., liệu cái chết của anh ta có cải thiện được cuộc sống của những người mà anh ta chiến đấu để bảo vệ không, có thể đưa đến một sự an toàn hơn cho những người ở quê nhà không, hay có thể hoàn thành được một mục đích thật sự xứng đáng hay không. Tôi tin rằng đây là lý do vì sao nhiều người lính suy nghĩ về mục tiêu của chiến tranh ngay cả khi họ vẫn đang chiến đấu. Hầu hết chúng tôi nhận ra rằng những mục tiêu chiến tranh đã được tuyên bố thường khác xa so với những mục tiêu thực sự của các nhà hoạch định chính sách khi họ cố gắng thuyết phục người dân ủng hộ chiến tranh. Thay vì nhắc đến tất cả những câu hỏi có thể khiến chúng tôi tự nghi ngờ về bản thân mình, chúng tôi lại tập trung vào việc liệu chúng tôi có giúp đỡ được mình và gia đình cái gì không, nếu như nhìn một cách thực tế hơn.

Đối với người lính, đài tưởng niệm cũng là một điều khó xử bởi đài tưởng niệm thể hiện những sai lầm đau thương. Ý tưởng về đài tưởng niệm là tạo nên một nơi để tưởng nhớ đối với những người lính đã ngã xuống trong chiến tranh. Trên thực tế, một đài tưởng niệm thực sự chính là kết quả của sự thôi thúc mà chúng ta muốn xây nên nó, khát vọng của chúng ta nhằm tưởng nhớ và thể hiện sự tôn kính đối với những người đã ngã xuống trong chiến tranh. Đó là giá trị tưởng nhớ được bao hàm trong đài tưởng niệm chứ không phải chỉ những khối đá vô tri vô giác. Nếu chúng ta chấp nhận một nơi ít tính hữu hình hơn để khắc ghi đóng góp của những người đã ngã xuống thì chúng ta có thể làm một cái gì đó tương tự như tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình dưới sự chỉ đạo của Liên hợp quốc nhằm mục đích ngăn chiến tranh xảy ra. Nếu chúng ta có thể ngăn chặn chiến tranh nổ ra ngay từ khi nó mới bắt đầu, hoặc tìm cách khiến cho chiến tranh nhanh kết thúc, thì chúng ta có thể cứu được cuộc đời của người lính cũng như của dân thường, hoặc có thể làm giảm được số người tị nạn, và cũng có thể giúp có thêm mùa màng nhằm nuôi sống những con người sống trong các làng mạc. Những thành quả rõ ràng như thế có thể xem như một đài tưởng niệm có ý nghĩa đúng với tinh thần của L.B. Wynne.

THẨM SÁT Ở ĐẠI LỘC

Tính đến tháng 4 năm 1967, tôi đã chiến đấu trong trung đội bộ binh tại Việt Nam tròn một năm. Suốt ngày, chúng tôi tuần tiễu các vùng xung quanh Đại Lộc, một làng nhỏ nằm ở phía tây Đà Nẵng. Ở Đại Lộc, chúng tôi tập trung ở một vị trí và biết khá rõ về làng mạc, địa hình đường sá trong làng. Chúng tôi lục soát tất cả các nhà để tìm vũ khí, thuốc nổ và nguồn cung cấp của quân địch. Thường thì chúng tôi đốt hết nhà cửa và giết hết súc vật trong quá trình lục soát các làng mạc. Chúng tôi cho phá tung những ngôi nhà mái lá và cho nổ hết các thùng chứa gạo để tìm bằng chứng về việc chủ nhà có thể đang giúp đỡ lính du kích của Việt Cộng. Buổi đêm, chúng tôi lập các điểm phục kích trên đường mòn dẫn vào Đại Lộc và dọc con sông chảy qua khu vực công sự boongke của chúng tôi phía trên đồi. Vài tuần một lần trực thăng đưa chúng tôi đi càn và triển khai các chiến dịch quy mô lớn ở phía tây và phía bắc.

Trong những chiến dịch lớn này, chúng tôi phải đi nhiều ngày qua những khu rừng núi giá lạnh và tối tăm hoặc phải vượt qua những cánh đồng lúa rộng mênh mông. Ở khu vực không quen thuộc lắm, chúng tôi thường bị phục kích. Khi chúng tôi vừa ngồi xuống để đổ nước ra khỏi giày và kéo đĩa ra khỏi chân thì bị lính bắn tỉa của Việt Cộng hay các nhóm du kích tấn công. Nhiều đồng đội của chúng tôi bị giết hoặc bị thương vì dẫm phải mìn chôn dưới đất, những quả mìn này thậm chí được làm từ đạn pháo chưa nổ của Mỹ nối với dây kích nổ. Chúng tôi bị sốc bởi những kiểu thương vong như thế và điều này làm chúng tôi cảm thấy mệt mỏi mất phương hướng. Quan sát những người lính có kinh nghiệm hơn xử lý công việc của họ, dần dần chúng tôi biết được là không nên nhìn vào cảnh tượng khủng khiếp của những người bị chết hoặc bị thương mà nên cố gắng nhìn về phía chân trời, về phía con sông, cây cối, và những đường hào để cố tìm ra dấu hiệu về những nguy hiểm đang rình rập mình.

Khi đã có thể kìm nén được cảm xúc của mình, chúng tôi thấy có vẻ dễ thở hơn. Ngày nào máy bay lên thẳng cũng hạ cánh để cung cấp lương thực và đạn dược cho chúng tôi. Những đôi giày mục nát do hàng tuần bị dẫm trong nước sẽ được sửa lại trong vòng một hoặc hai tuần. Chúng tôi cũng nhận được thư nhà vài hôm một lần. Thỉnh thoảng chúng tôi còn nhận được vài thùng bánh quy. Nhưng món quà làm chúng tôi cảm động nhất là những băng cát-xét từ gia đình chúng tôi ghi âm tiếng nói các thành viên trong gia đình khi họ tập trung trước máy ghi âm và nói cùng một lúc. Khi nghe những băng cát-xét này, rất khó để nhận ra ai đang nói và đang nói về cái gì, tuy nhiên chính điều này lại tạo cho chúng tôi một cảm giác như mình đang ở nhà.

Hàng ngày, máy bay lên thẳng hạ cánh để đón những người bị chết, bị thương và thậm chí cả những người bị điên nữa. Những người bị thương thường sống sót và quay trở lại với trung đội. Những người

bị điên - vì lý do này hay lý do khác trở nên mất trí - thường sẽ được về nhà bởi vì không ai có thể xác định được là vết thương của họ nghiêm trọng đến đâu. Mặc dù được trang bị đầy đủ nhưng có lúc chúng tôi cảm thấy điều này cũng vô ích.

Trong suốt một tuần lễ mùa mưa, chúng tôi phải trèo lên những ngọn núi phía bắc Đại Lộ. Càng lên cao thì sương mù càng dày. Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi thiết lập các vị trí phòng thủ trên những con dốc, đó là một vòng hồ công sự không sâu lắm, chạy hướng lên phía trên, phía dưới và bao quanh sườn núi. Hai hoặc ba người một hố, chúng tôi thay nhau căng mắt nhìn ra bóng đêm để tìm kiếm những dấu hiệu của vật thể chuyển động. Sau hai ngày đêm đi trong mưa và sương mù, chúng tôi phải đến nơi tiếp cận nguồn lương thực và thuốc men cho những người bị thương, hầu hết trong số họ bị đau chân đến nỗi không thể đi được. Khi chúng tôi xuống núi, ánh mặt trời làm tan màn sương để lộ ruộng lúa rộng lớn. Mang súng cao qua đầu, chúng tôi lội qua một ruộng lúa cao khoảng nửa mét. Khi đã qua được bên kia đồng lúa, chúng tôi tới được một ngôi làng nhỏ nằm trên một vùng đất sét khô vững chắc, đây là vùng đất khô ráo đầu tiên chúng tôi gặp được trong vòng hai ngày qua. Ngôi làng không một bóng người; chúng tôi thả vũ khí và đồ đạc xuống đất, cởi giày bị ướt, rồi chờ máy bay tới tiếp tế lương thực và thuốc men.

Bất chợt một tiếng nổ lớn vang lên kéo theo loạt đạn súng trường và súng máy tấn công chúng tôi từ hai hướng. Hai đồng đội của chúng tôi đã bị bắt phía ngoài khu đồng trống; họ đứng chờ ở đó để chỉ hướng cho trực thăng tới tiếp tế. Phần còn lại chúng tôi cố bò tới chỗ đựng vũ khí và bắn trả. Cox có một khẩu súng máy nhưng lại không có đồng đội nào gần đó để giúp anh bắn. Tôi và anh ta đặt súng ở rìa làng và bắn đủ mạnh để bảo vệ đồng đội ở những khu vực trống trải. Chúng tôi trông thấy kẻ địch đang tiến tới từ một chiến hào ngay phía ngoài làng. Trong năm phút, chúng tôi đã bắn trả để đẩy lùi cuộc tấn công và giúp những đồng đội ở vùng đồng ruộng trống trải có thể lùi vào trong làng. Không lâu sau đó, tiếng đạn tấn công từ phía địch phải ngừng lại.

Cho đến lúc trời tối, chúng tôi đã sơ tán được những người bị thương và đã nhận được súng đạn lương thực tiếp tế. Cuộc sống trở lại bình thường. Một ngày như thế này có thể xem là sự tóm tắt cả một năm của tôi trên chiến trường: đó là trải qua nhiều ngày đi đến vùng đất lạ, bị ngạc nhiên, bị tấn công khi không phòng bị, được cứu bởi hỏa lực mạnh và trực thăng và lại tiếp tục chiến đấu. Chúng tôi có lợi thế về sức mạnh quân sự nhưng đôi lúc tôi cảm thấy điều này cũng không giúp được nhiều.

Sau đó nhiều ngày, trở lại trên đồi Đại Lộ, chúng tôi nhận được mật cáo là Việt Cộng đang di chuyển dọc theo con sông về hướng chúng tôi. Khi lục soát dọc bờ sông, tôi tìm kiếm lối mòn dưới mặt nước. Vừa bơi vừa phải mang một khẩu súng trên tay, tôi dẫm vào một cái hố nằm dưới bờ sông,

ở ngay dưới mặt nước, dẫn tới một khoảng trống dưới mặt đất. Khi bóng tối đổ xuống, chúng tôi quyết định lập một điểm phục kích ngay trên bờ sông và chờ lính của địch vượt sông vào ban đêm. Một nửa trung đội chúng tôi trở lại đỉnh đồi, và khoảng 15 người ở lại để canh chừng lối vào của một cái động đá nằm cạnh con sông.

Ngay sau nửa đêm, đồng đội của chúng tôi trên bờ sông phát hiện thấy có thuyền đang đi về phía lối vào động đá. Chờ những con thuyền này đến gần, họ đồng loạt tấn công bằng súng trường tự động, súng máy và lựu đạn. Từ khu đồi hướng ra điểm phục kích, chúng tôi cũng hỗ trợ tấn công bằng pháo, đạn lửa và bộc phá. Sau khi ngừng bắn, các đội trưởng ra lệnh bắn pháo sáng và lục soát dọc con sông. Khu vực dưới bờ sông bây giờ trở thành là một không gian chết chóc, không có người nào trên thuyền còn sống sót.

Những người mà chúng tôi đã bắn chết đều là những phụ nữ, trẻ em và người già không hề có vũ khí, có lẽ khoảng 20 người. Khi đồng đội của chúng tôi trở về khu đồi đóng quân, sự đau đớn và buồn rầu hiện rõ trên khuôn mặt họ. Những đôi mắt vô hồn thờ thẩn, cố gắng hiểu xem chuyện gì đã xảy ra. Chẳng ai muốn nói gì về những gì đã xảy ra. Mọi người đều rất buồn vì những người trên thuyền đều là những người hoàn toàn không có vũ khí. Một số còn cảm thấy tội lỗi và hầu hết chúng tôi đều nhận thấy như vậy. Những lời ăn năn của họ có vẻ không liên hệ gì với nhiệm vụ mà chúng tôi được giao. Như thể chúng tôi không có quyền suy nghĩ về những nạn nhân của mình. Bàn luận về những cảm giác này là đi ngược lại với những gì chúng tôi đang tiến hành: không suy nghĩ gì cả, hãy cứ làm. Khi tôi nhìn những khuôn mặt với đôi mắt sâu hoắm của họ, tôi cố gắng không suy nghĩ tới bất cứ thứ gì.

Buổi sáng sau vụ thảm sát, chúng tôi được biết là trưởng làng đã tổ chức một cuộc biểu tình phản đối các chỉ huy quân đội Mỹ và yêu cầu binh lính của chúng tôi phải bị trừng phạt vì tội ác đó. Tuy nhiên, chẳng có gì xảy ra sau đó cả. Đối với quân đội, những việc như thế này chỉ đơn thuần là sự thiệt hại đương nhiên. Nhưng đối với tôi, đó là tất cả những trải nghiệm về chiến tranh. Tôi thấy may mắn vì bạn bè tôi không ai bị chết; nhưng cảm thấy thật khổ sở khi họ hết sức đau khổ về tội ác mà chúng tôi đã gây nên. Tôi cố suy luận rằng tôi chẳng liên quan tới cuộc thảm sát đó vì tôi chỉ nhìn từ phía trên đồi xuống, và có thể như vậy là không có tội. Tuy nhiên, tôi nhận thấy tôi cũng có trách nhiệm đối với tội ác đó, tôi cũng có trách nhiệm như những người đã trực tiếp bắn và ném lựu đạn. Tôi cũng có tội như những người khác, và tôi sẽ phải sống với lỗi lầm trong suốt quãng đời còn lại cho đến khi tôi có thể nhận thức một cách đầy đủ về nỗi đau mà tôi cảm thấy lúc đó.

Vụ thảm sát ở Đại Lộc là hậu quả của việc chỉ biết làm theo mệnh lệnh. Đó là một chuyện có thể đoán trước. Quy tắc chiến đấu của chúng tôi yêu cầu chúng tôi bắn bất cứ ai ra khỏi nhà vào ban đêm.

Trên đường mòn, trên đường lớn, trên ruộng lúa, hay đơn giản chỉ là đi từ nhà này sang nhà khác trong làng - bất cứ ai ra khỏi nhà vào ban đêm đều bị xem là quân địch. Thế mới biết mạng sống của các nạn nhân bị xem nhẹ như thế nào? Bị xem nhẹ đến nỗi không cần phải điều tra xem thế nào. Nếu mạng sống của họ bị xem nhẹ như thế thì tôi có mặt trên mảnh đất này để làm gì? Nếu những mạng sống này không có ý nghĩa gì cả thì tôi đóng vai trò gì ở đây? Làm sao tôi hiểu được điều này? Mỗi ngày tuần tiễu và mỗi đêm phục kích trong những năm qua là từng bước nhỏ trên con đường tắt yếu dẫn tới cuộc thảm sát này. Những hình ảnh về người bị thương, bị chết và các thân người chết nằm chất đồng lên nhau đã vò nát suy nghĩ chúng tôi. Việc đốt nhà, đốt thùng chứa gạo và làng mạc đã dần dần đốt cháy suy nghĩ của chúng tôi về những người mà chúng tôi cần bảo vệ. Liệu tôi có thể làm gì để đền bù cho cuộc thảm sát này?

Nhằm tìm kiếm sự tha thứ, tôi quyết định sẽ cố gắng không tham gia vào việc giết người này thêm một lần nào nữa. Tôi bắt đầu thực hiện chương trình gìn giữ hòa bình của riêng tôi. Mỗi ngày tôi cùng một đội bốn người tình nguyện đi tuần tiễu về y tế. Chúng tôi đưa y tá của trung đội tới một ngôi làng gần đó để chữa bệnh cho người làng, phân phát thuốc men và thức ăn mà chúng tôi có thêm. Mỗi lần đi chúng tôi đều xin phép trưởng làng được quay về ngay trong đêm. Khi chúng tôi nhận được chỉ thị phải thiết lập một điểm phục kích ban đêm, tôi sẽ đưa đội của tôi trú luôn tại những ngôi nhà trong làng. Không ai trong đội chúng tôi nói với người khác về những gì chúng tôi đang làm. Theo như tôi biết, những gì chúng tôi làm là những việc hoàn toàn bí mật. Tôi đã trải qua những tháng ngày còn lại trong chiến tranh bằng cách như thế. Một tháng sau đó, tôi lên máy bay trở về nhà. Nhưng sự kinh hoàng về cuộc thảm sát vẫn còn ám ảnh trong tôi. Tại sao tôi lại ở đó? Những gì đã dẫn tôi đến một kết cục như thế? Tất cả những gì tôi muốn chỉ là để trở thành một người anh hùng.

Ở trường đại học, chúng tôi bàn luận về chiến tranh bằng những thuật ngữ về khoa học chính trị hơn là dùng những thuật ngữ về con người. Chúng tôi bàn khoăn một việc là những chính sách được rút ra như thế nào. Những tiền lệ lịch sử của nó là gì? Chúng tôi đã học được giá trị của việc sử dụng tài liệu gốc như thư, nhật ký và những bài báo, trước đó chúng tôi hiếm khi suy nghĩ về những phân thuộc về con người của chiến tranh, bởi đó chỉ là phạm vi của thơ ca mà thôi. Tổng thống Kennedy đến thăm trường chúng tôi trong dịp khánh thành Thư viện Robert Frost chỉ một tháng trước khi ông bị ám sát. Chủ đề trong bài phát biểu của ông là mối quan hệ giữa thơ ca và quyền lực, vai trò của nghệ sĩ trong kiểm chế thực hiện quyền lực. Tuy nhiên, ông lại quá nhấn mạnh vào nghĩa vụ của những người có điều kiện học hành và phải trả lại bằng hình thức thực hiện các nghĩa vụ cho xã hội. Những ngôn từ trong bài Diễn văn Khánh thành của ông vẫn còn văng vẳng đâu đó trong tôi:

“Ngọn đuốc đã được trao cho một thế hệ mới, thấp lùn bởi chiến tranh...”

“Chúng ta sẽ trả bất cứ giá nào, chống lại bất cứ kẻ thù nào ... để bảo vệ sự tồn tại và thắng lợi của tự do.”

“Sự thành công hay thất bại cuối cùng của sự nghiệp này nằm trong các bạn chứ không phải tôi.”

“Tiếng kèn lại vang lên kết nối chúng ta lại với nhau... một lời kêu gọi nhằm giải quyết một gánh nặng quốc gia.”

“Đừng hỏi tổ quốc sẽ làm gì cho ta. Hãy hỏi rằng ta có thể làm gì cho tổ quốc.”

(Nguồn: Kênh truyền hình NBC, 21/1/1961)

Nghe những từ ngữ này ở tuổi 16, tôi vừa sợ lại vừa hứng khởi. Tôi biết rằng rồi sẽ đến lúc tôi phải đứng dậy và nhận nhiệm vụ trở thành một người lính. Sự nhân mạnh của Tổng thống Kennedy về nghĩa vụ và kỳ vọng càng củng cố những giá trị mà tôi đã lĩnh hội được từ lâu.

Trước khi Tổng thống Kennedy đọc bài Diễn văn Khánh thành, Robert Frost cũng đọc một bài thơ do ông viết riêng cho sự kiện này. Gần như đã bị mù, sức khỏe rất giảm sút, Robert không thể tham dự buổi lễ khánh thành, nên ông đã đọc bài thơ theo trí nhớ của mình, bài thơ mang tên *Món quà thắng thắn* (The Gift Outright). Dưới đây là những câu mà tôi thích:

Những gì mà ta kìm nén đều làm chúng ta yếu đi

Cho đến khi chúng ta nhận ra rằng đó chính là mình

Ta đang từ chối mảnh đất sống của chúng ta,

Và ngay lập tức nhận thấy sự cứu rỗi đối với kẻ đầu hàng.

Như là chúng ta thắng thắn với chính mình

(Việc cho đi là những thành công của chiến tranh)

(Nguồn: Thơ Robert Frost, Edward Connery Latham. Holt, Rinehart và Winston hiệu đính, 1969)

Trong khi lời thơ của Frost cộng hưởng với chủ đề bài phát biểu của Kennedy về chiến tranh và

chiến đấu, họ cũng nói thêm về những ý tưởng, sự yếu hèn, sự lùi bước, và sự đầu hàng. Đó là ý tưởng về điểm yếu của con người, thậm chí là điểm yếu với một người đang chiến đấu cho tổ quốc mình. Lời của Frost nói về tình yêu tổ quốc có thể giải thích vì sao người ta lại có thể tham gia chiến đấu vì đất nước, còn Kennedy lại chỉ tập trung nói về việc thực hiện nghĩa vụ.

Trong suốt năm sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát, Ngoại trưởng Dean Acheson cũng tới thăm trường chúng tôi. Trong các cuộc họp ở trường tôi, Acheson đưa ra những lý lẽ về việc sử dụng chiến tranh nóng có kiểm soát để thực hiện những mục tiêu của Chiến tranh Lạnh. Lời của ông làm cho chiến tranh trở thành một nơi thể hiện ý tưởng khá hữu hình về việc tranh giành quyền bá chủ, mỗi ý tưởng đều nhằm bộc lộ điểm yếu trong một khái niệm với sự logic của một tư tưởng khác.

Theo sau cuộc thăm sát ở Đại Lộc, chiến tranh không còn là một chuỗi ý tưởng nữa mà trở thành một thân ma trôi trên sông, thành lớp da chết bị bong tróc trong giày của tôi, của những người bạn đã chết, hay là cái chết đang hàng ngày rình rập chúng tôi. Làm thế nào tôi có thể hiểu được những ngôn từ ngợi ca chiến tranh và ý tưởng về những cái chết như thế này?

Cuộc thăm sát ở Đại Lộc đã dạy cho tôi biết một điều là tôi cần phải dựa vào suy nghĩ của chính mình về đúng sai chứ không nên chỉ dựa vào suy nghĩ của chính quyền của một đất nước, của một đơn vị, hoặc thậm chí là của tổng thống. Ở Đại Lộc tôi thấy rằng theo tiếng gọi của tổ quốc nhiều khi cũng có thể dẫn tôi tới việc gây ra những tội ác kinh khủng mà tôi không bao giờ dám làm. Việc đi tìm những phẩm chất anh hùng đã trở thành một vũ khí có khả năng phá hủy mọi thứ mà nó tượng trưng. Tôi trở nên nghi ngờ những tuyên bố đầy ý tưởng, đối với tội ác mà tôi có thể phạm phải. Tôi nghĩ thậm chí sẽ rõ ràng hơn nếu nói rằng chúng tôi sẵn sàng phá hủy những ngôi làng này, giết những người dân vô tội này, ngăn chặn việc thu hoạch mùa màng này, tất cả chỉ để chúng tôi đạt được những mục tiêu về quân sự. Điều này sẽ bóp chặt ảo ảnh về những gì mà tôi đang làm. Ở Đại Lộc, tôi đã hiểu được chiến tranh là như thế nào.

Tôi cũng học được cách nghi ngờ những cụm từ được đưa ra nhằm che đậy bản chất của tội ác. Cụm từ “thiệt hại tất yếu” chỉ là một trong những cách nói như vậy. Nếu như việc này xảy ra ở quê tôi hay là quê bạn thì chắc chắn nó đã bị xem là một vụ tàn sát những người vô tội. Nhưng khi nó xảy ra ở một làng quê Việt Nam thì người ta lại gọi đó là những “thiệt hại tất yếu”. Việc sử dụng cụm từ này sẽ giúp giảm thiểu được sự kinh khủng của nó, đó là việc gán cho nó một cái tên với những từ ngữ hết sức bình thường, như một việc xảy ra thường nhật. Cái chắn bùn trước xe của bạn bị hỏng do một tác động nhỏ, và điều này không quan trọng lắm đối với việc bạn lái xe. Những từ ngữ như thế này đã làm hạn chế một cách rõ ràng nghĩa thực của sự việc.

Chúng tôi cũng dùng một số cụm từ tương tự. Chẳng hạn cụm từ “Những viên đạn thân thiện” ám chỉ đạn bắn từ súng trường và súng máy, từ pháo, súng cối, hoặc đạn bắn từ máy bay, bom na pan, hoặc các loại bom từ chính lực lượng của chúng tôi nhắm vào chúng tôi. Chúng cũng nguy hiểm chẳng khác gì đạn bắn từ kẻ địch - thậm chí còn nguy hiểm hơn bởi vì nó được bắn với số lượng lớn và sức công phá mạnh. Bị chết do đồng đội bắn nhầm còn kinh khủng hơn là việc bị đối phương giết chết bởi vì những điều đó có thể tránh được. Nhưng đáng tiếc là nó vẫn thường xảy ra.

Tôi tình cờ có liên quan tới một lần tấn công nhằm giữa hai đại đội lính thủy đánh bộ từ phía hai bên bờ sông hẹp; cả hai đơn vị đều không biết đơn vị kia đang tiến quân trong khu vực đó, vì con sông là ranh giới giữa hai khu vực tuần tiễu. Một đơn vị khai hỏa khi thấy quân phía bên kia có động và bên kia cũng bắn trả. Ngay sau đó tất cả quân lính hai bên đều đồng loạt khai hỏa, họ cho rằng họ đã bắt được một đơn vị chủ lực của quân địch ngay ban ngày. Chỉ đến khi cả hai cùng gọi pháo binh hỗ trợ thì mới phát hiện ra là bị nhầm. Các chỉ huy rất xấu hổ vì cả hai cùng bị nhầm lẫn và cả hai bên đều có người bị thương.

Chúng tôi dùng cách nói “H và tôi đều bắn” để chỉ sự quấy rầy vào ban đêm mà đạn pháo phá đường giao thông do các đơn vị của chúng tôi bắn vào các vùng nông thôn bao quanh khu đồi hoặc các vị trí khác. Mục đích của việc bắn pháo này là để hạn chế việc di chuyển của địch trong đêm. Có lẽ nó đã không đạt được mục đích này bởi các đơn vị phía địch lại chính là những chuyên gia về pháo kích như. Những người dân vô tội bị chết vì những đợt pháo này vì họ không biết làm thế nào để tránh nó. Một điều tương tự cũng giống như thế với cái được gọi là “khu vực bắn tự do”. Những khu vực này được lập nên để cho phép binh lính bắn vào bất kỳ một sự di chuyển nào trong. Vì dân làng có thể không biết sự tồn tại của những khu vực bắn tự do này nên họ lại chính là thành phần bị thương vong khi binh lính nhắm vào các mục tiêu di chuyển trong đêm và lập tức khai hỏa hoặc tấn công bằng lựu đạn. Những từ như bắn tự do có vẻ như một sự gợi ý cho các hành động tấn công mà không cần quan tâm đến hậu quả, như là cái cụm từ “bắn tự do” hoặc “Việc tấn công này sẽ không làm anh tổn thất gì cả.”

“Tấn công phẫu thuật” là các chiến dịch ném bom nhằm mục đích có thể cắt bỏ được khối u (ý chỉ kẻ địch) mà không làm hại đến người bệnh (ý chỉ người làng), về lý thuyết, điều này là đúng. Trong điều kiện tốt nhất, những phi công kinh nghiệm có thể đạt được mức độ chính xác nhất trong việc ném bom mục tiêu: đó là khi phi công đã hoàn thành nhiều đợt bay ở cùng một khu vực địa hình giống nhau, khi thời tiết tốt, khi tất cả các thiết bị đều hoạt động tốt, khi phi công lái máy bay trinh thám đã ghi lại chính xác mục tiêu, và chúng tôi - trên mặt đất - đã báo cáo chính xác vị trí của mình. Thỉnh thoảng tất cả điều kiện này đều có, và việc không kích có vẻ thực sự đạt được độ chính xác. Trong hầu hết những

lần không kích đó chúng tôi cũng đều nín thở và cảm thấy căng thẳng chẳng kém gì những viên phi công. Chúng tôi cảm thấy giống những cảnh trong phim khi những gia đình phải chờ ngoài phòng mổ, rồi bác sĩ phẫu thuật đi ra và thông báo “Cuộc phẫu thuật đã thành công nhưng đáng tiếc bệnh nhân đã chết.” Trong trường hợp này thì chỉ có người làng là có thể sẽ bị chết, hoặc nhà cửa của họ hoặc thậm chí là toàn bộ khu làng sẽ bị tàn phá.

Chúng tôi thể hiện kiến thức và kinh nghiệm của mình bằng cách sử dụng càng nhiều cụm từ như thế càng tốt. Nó giống như là một bài thi SAT trong quân đội để phân hạng những người tham gia chiến tranh chỉ trong thời gian ngắn. Mỗi cụm từ mới mà chúng tôi có thể tìm ra và sử dụng một cách chính xác đưa đến cho chúng tôi một cảm giác là mình có thể làm chủ được thế giới xung quanh. Chúng tôi thu nhặt và sử dụng chúng một cách rất hồ hởi. Nhưng mỗi cụm từ mới chỉ là cách chúng tôi muốn tự tránh xa những gì đang xảy ra. Nói cho cùng, chúng tôi chỉ tự đánh lừa mình. Ngôn ngữ mà chúng tôi dùng có thể giúp chúng tôi che giấu ảnh hưởng từ những việc chúng tôi đang gây nên đối với chính bản thân mình.

Những người chưa từng đi lính sẽ không thể hiểu được sự khó khăn trong việc tìm ra lý do để giải thích về những sai lầm trong chiến tranh, và những người hiểu được việc này thì chỉ còn biết cách chôn vùi hình ảnh đau thương trong lòng họ.

Theo kinh nghiệm của riêng tôi, việc cố gắng chôn lấp những ký ức đau thương chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy nhược và dễ cáu giận. Những người may mắn thì sẽ nhận được hỗ trợ từ các liệu pháp chữa trị; những người không may mắn thì sẽ phải tự mình chiến đấu với dạng bệnh tật này. Tôi tự thấy mình may mắn vì đã nhận ra suy nghĩ về những sai lầm mà tôi cố gắng kìm giữ trong lòng vì thế tôi quyết định không thể tiếp tục chôn vùi những cảm giác đó được.

Tôi thấy mình đặc biệt may mắn vì tìm được người mà tôi tin là có thể giúp mình thoát khỏi những cảm giác đó. Nhà tâm lý học này dành cho tôi mỗi tuần một tiếng đồng hồ và việc này kéo dài trong vòng 5 năm; thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau tại văn phòng ông ấy, hoặc nói chuyện qua điện thoại khi tôi phải đi công tác xa. Ngay từ đầu ông ấy nói rằng tôi có thể nói bất cứ điều gì mà tôi suy nghĩ, và chúng tôi sẽ cùng bàn bạc về bất cứ điều gì mà tôi có thể nói ra. Mặc dù lúc đầu tôi không tin ông ấy nhưng dần dần tôi nhận ra rằng việc nói lên những suy nghĩ của mình làm cho tôi bớt sợ những suy nghĩ đó. Khi nhận ra điều này, tôi đã tìm được một công cụ có sức mạnh giúp tôi có thể cởi mở những trải nghiệm của riêng mình. Trong suốt thời gian sử dụng liệu pháp đó, tôi thấy mình thay đổi, từ một người lạnh lùng và thường không biểu lộ cảm xúc, một con người với những cơn thịnh nộ bất ngờ, trở thành một người biết biểu lộ nhiều hơn và ít nổi giận hơn. Tôi đi từ cảm giác giống như một quả lựu đạn -

chỉ an toàn khi đã được chốt kíp nô - trở thành cảm giác như một quả bưởi: rất khó bóc, đắng hơn, nhưng cái ngọt ngào được giấu đi dưới những lớp vỏ dày.

Mỗi tuần một tiếng đồng hồ trong vòng 5 năm như thees cũng chưa phải là nhiều: chưa đến 250 giờ để khám phá những trải nghiệm trong suốt 30 năm hoặc hơn 200.000 giờ trong cuộc sống. Bác sĩ của tôi luôn nhắc nhở tôi về điều đó để tôi không cảm thấy nản lòng hoặc mất kiên nhẫn. Nhưng khi tôi đã biết cách đọc những suy nghĩ của mình chính xác hơn, tôi đã xem công việc trị liệu này như là công việc thường ngày của mình. Sau khi hoàn thành sự nghiệp học tập của mình giữ nguyên, tôi bắt đầu băn khoăn tại sao không có trợ cấp cho việc chữa trị bằng liệu pháp tâm lý theo đạo luật này. Tại thời điểm đó, tôi đang làm cho một công ty cung cấp thanh toán cho các liệu pháp tâm lý. Đó sẽ là một quyền lợi vô giá đối với những cựu chiến binh đã từng ra chiến trận. Tôi tin rằng những công dân muốn ủng hộ cuộc chiến cần phải có trách nhiệm đối với những người đã chiến đấu và đảm bảo rằng những cựu chiến binh đã từng ra chiến trận. Tôi tin rằng những công dân muốn ủng hộ cuộc chiến cần phải có trách nhiệm đối với những người đã chiến đấu và đảm bảo rằng những cựu chiến binh sẽ nhận được trợ giúp khi họ trở về từ chiến trường. Những người lính mà xã hội tạo ra để tự bảo vệ mình là những vũ khí khi chiến tranh đã qua có thể quay lại tấn công chính họ và những người khác. Những người lính vẫn chất chứa trong lòng những cảm giác chẳng khác gì những cái bẫy mìn mà thỉnh thoảng họ gặp - được chôn dưới đất, không nhìn thấy được nhưng vẫn còn rất nguy hiểm trên chiến trường.

Là một bệnh nhân điều trị bằng liệu pháp tâm lý, tôi phát hiện ra rằng phần còn lại của cuộc chiến chỉ đơn thuần là những lớp gợn sóng với mặt nổi của cuộc đời tôi nhất. Khi tôi đã biết cách khám phá được những cảm giác của mình một cách rộng mở hơn, tôi nhận thấy càng khó đấu tranh để chiến thắng những lớp suy nghĩ sâu hơn trong lòng. Tôi cảm thấy có sự xung đột giữa những gì bố tôi kỳ vọng ở tôi và con đường riêng mà tôi đã chọn cho cuộc đời mình. Thế giới của bố tôi bị thống trị bởi những số đo về thành công vật chất, trong khi một thế giới có thể dễ chấp nhận hơn của mẹ tôi chủ yếu tập trung vào những việc có thể đưa tới niềm vui và hạnh phúc đối với bạn bè và gia đình. Thế giới trước đây mà bố tôi kỳ vọng ở tôi là việc cạnh tranh với các bạn cùng lớp; mỗi người bạn đều là một đối thủ tiềm tàng cạnh tranh những vinh dự, phần thưởng, học bổng và những thành công khác. Ngược lại, trong thế giới của mẹ tôi, bạn bè là những người mà bà thích nhất, học hỏi được nhiều nhất, và là những người có thể hợp tác dễ dàng nhất. Trong thế giới của mẹ tôi, những suy nghĩ có thể được chia sẻ với bạn bè sẽ tạo nên một môi ràng buộc; trong thế giới của bố tôi những suy nghĩ đó phải được giấu kín để tránh bị tổn thương vì người khác có thể dùng việc này để chống lại mình. Thế giới đó là chiến tranh hay là hòa bình: Tôi nên chọn thế giới nào đây? Và dường như tôi đã chọn thế giới chiến tranh.

Một phần chi phí chiến tranh là tất cả những gì cần làm để người lính có thể bình an trở lại sau khi chiến tranh kết thúc. Bước đầu tiên, quân đội nên phỏng vấn những người lính vừa trở về từ chiến trận. Những người lính có biểu hiện bị trầm cảm, ức chế tâm lý cần phải nhận được những lời tư vấn bất kể khi nào họ cần. Một số người cảm thấy không sẵn sàng đương đầu với những suy nghĩ về những tháng ngày họ đã trải qua ngoài chiến trận. Có thể phải mất hàng tháng, thậm chí hàng năm cho đến khi họ không cần phải có những lời tư vấn như thế nữa. Khi các cựu chiến binh đã sẵn sàng bắt đầu cuộc sống sau chiến tranh, quân đội cần cung cấp cho họ những chỉ dẫn miễn phí cho đến khi họ hoàn toàn bình phục. Các cựu chiến binh không cần phải chứng minh là bệnh tật mà họ phải chịu đựng là xuất phát từ thời gian họ phục vụ quân đội. Việc một cựu chiến binh cần trợ giúp là hoàn toàn hợp lý. Việc này sẽ không làm tăng chi phí đưa người lính đi tham gia chiến đấu; và nếu tính toán chi phí chiến tranh một cách chính xác hơn thì sẽ thấy rằng những chi phí đó lại do chính những người lính, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp của họ đóng góp.

CHỦ NGHĨA ANH HÙNG

Trở về nhà

Tháng 5 năm 1967, tôi hoàn thành 13 tháng chiến đấu ở Việt Nam. Đã đến lúc tôi trở về nhà. Tôi khá “lùn,” đó là chủ đề nói đùa ưa thích của chúng tôi, cũng là một cách để chúng tôi nói về quãng thời gian ngắn ngủi: Tôi lùn đến nỗi không thể nhìn qua được mũi giày; Tôi quá lùn nên tôi không có thời gian để tiếp tục chiến dịch này, tiếp tục quá trình ngày tuần tiểu, đêm phục kích này, hoặc đơn giản là tôi quá lùn nên tôi không làm được việc đó. Nỗi ám ảnh tồn tại cùng với thời gian và việc đếm những tháng ngày còn lại cũng là cách để lấp đầy thời gian và làm cho thời gian trôi đi. Mọi người đều biết chính xác là mình còn bao nhiêu ngày nữa. Bạn có thể bắt đầu một ngày bằng câu nói, tôi còn 77 ngày, hoặc là 77 và một lần thức dậy nữa, hay là 77 và một lần ngẩng lên nhìn bầu trời, cũng có thể là 77 và một con chim bạc. Đối với tôi, đếm thời gian là một công việc thật kinh khủng. Tại sao lại cảm dỗ số phận bằng cách đưa cho nó một mục tiêu: bạn có thể dễ dàng bị chết vào cái ngày cuối cùng cũng như ngày đầu tiên. Nhưng khi cái ngày tháng Năm đó tới, đó cũng là lúc tôi trở về nhà.

Một trong những ngôi làng nhỏ nằm ngay phía đông Đại Lộc vừa bị tấn công; các binh lính trong tiểu đoàn chúng tôi bị chết và bị thương khá nhiều. Ngày tiếp theo, sau khi đi tuần tra qua làng, đội chúng tôi được phân công ở lại qua đêm tại đó. Chúng tôi nghĩ chắc ngôi làng sẽ không bị tấn công trong hai đêm liên tiếp. Khi một gia đình trong làng mời Moreau và tôi cùng tham gia dự lễ ở nhà thờ và sau đó cùng ăn tối, chúng tôi đã nhận lời. Cả hai chúng tôi đều biết về nghi lễ cầu nguyện buổi tối. Chúng tôi cùng chủ nhà dùng một vài món ăn mang tính chất tôn giáo, cùng với cháo và rất nhiều loại rau. Chúng tôi cảm thấy mình như được về nhà vào buổi tối ngày hôm ấy; ngôi cùng với bố mẹ, cùng cầu nguyện và thưởng thức bữa ăn do tay mẹ nấu. Sau bữa tối, chúng tôi đi dạo quanh làng để kiểm tra những người trong đội và vị trí của họ trước khi trở về hồ công sự của mình. Chúng tôi bắt đầu nhìn nhau cười lặng lẽ. Moreau cười làm tôi cười theo và tôi cười làm anh ta cũng cười theo. Từ phía xa ngôi làng, chúng tôi nhìn xuống và cười với chính mình. Tối hôm đấy chúng tôi ngủ rất ngon.

Ngày tiếp theo toàn bộ trung đội chúng tôi càn quét qua một khu vực gần làng. Trung đội chúng tôi đi thành một hàng dài gần 1/4 dặm, tất cả 30 người, cứ một nhóm hai người, mỗi nhóm cách nhau 10 hoặc 15 thước. Đội chúng tôi dẫn đầu với Sowell, thành viên mới nhất của đội.

Đến rìa một ngôi làng, Sowell đâm phải một quả mìn và sức nổ hất anh ta văng qua một con mương. Tôi gọi anh ta xem anh ta còn sống không vì anh ta không chảy máu nhiều lắm. Tôi sợ không bước tới con mương bởi có thể vẫn còn mìn chưa nổ quanh đó. Tôi gọi cho một trung đội khác đang

tuần tiểu phía bên kia con mương, và họ cử y tá tới để chăm sóc Sowell. Sau đó, tôi báo cáo cho trung úy của chúng tôi về việc Sowell bị thương và đang được chữa trị. Vick hết sức giận dữ bởi khi sự việc xảy ra thì chỉ có y tá của trung đội khác chứ không phải của trung đội chúng tôi ở đó.

Anh ta hét lên: “Anh không chăm sóc người của mình“. Tôi nghĩ tôi chẳng có cách nào đưa y tá của đội mình qua con mương nơi Sowell đắm phải mình. Chúng tôi chờ đợi và sau đó các y tá khác đã gọi máy bay đưa Sowell tới một bệnh viện dã chiến ở Đà Nẵng.

Khi tôi trở lại đơn vị chỉ huy chiều hôm đó, có người nói cho tôi biết là đã đến lúc tôi được trở về nhà. “Hãy gói ghém đồ đạc đi”, anh ta nói. Anh sẽ lên máy bay ngày mai đây. Tôi chẳng có nhiều thứ đáng để giữ: tôi đưa hành lý của mình cho các thành viên trong đội, chỉ giữ lại sách và những lá thư. Tôi rất xấu hổ khi rời nơi này: tại sao tôi lại được trở về nhà trong khi những người cùng tới với tôi thì vẫn phải ở lại? Tôi đi mà thậm chí không nói được lời tạm biệt với Brown; chúng tôi tới đây cùng nhau và tôi cảm thấy có lỗi khi tôi được về nhà trước anh ta. Tôi đi cùng một chiếc xe Jeep tiến về Đà Nẵng. Cuối cùng tôi cũng có thể thưởng thức một vùng quê xanh tươi, những hàng cây mới trồng, những ruộng lúa xanh mướt trải dài tới vùng núi rừng xanh thẳm. Tôi biết rõ từng góc ngách trên những ruộng lúa này cũng như những con đồi trên đó. Những gì sẽ xảy ra với tôi tiếp theo đây? Thời gian chiến đấu của tôi đã qua, tôi chẳng khác đi chút nào, chẳng mạnh mẽ hơn và cũng chẳng tốt hơn. Tôi biết tôi vẫn không phải là một người anh hùng. Nói cho cùng, tôi chỉ là một người sống sót.

Khái niệm của tôi về chủ nghĩa anh hùng đã thay đổi trong suốt thời gian tôi làm một người lính. Khi tôi tới Việt Nam, tôi đơn thuần chỉ là một người lính với suy nghĩ về phẩm chất anh hùng: nó kết hợp các yếu tố của sự mạo hiểm cá nhân và biến nó thành một phần của sự nghiệp chung. Đầu tiên, tôi thấy chỉ cần hai thành tố này là đủ để định nghĩa chủ nghĩa anh hùng.

Tôi bị cuốn hút mạnh mẽ bởi sự mạo hiểm thể chất. Trong mùa hè, trước khi tôi tham gia quân đội, tôi đã thử cảm giác mạo hiểm với môn nhảy dù. Tôi tham gia khóa học hướng dẫn nhảy dù tại một sân bay địa phương rồi sau đó thực hiện ba lần nhảy từ một máy bay cỡ nhỏ. Tôi ngụp lặn trong cảm giác sợ hãi về độ cao và sự rơi tự do. Tôi tin rằng tôi có thể chinh phục được sự sợ hãi bằng việc đối mặt trực tiếp với nó, bằng việc nhảy ra khỏi máy bay và vì thế có thể tự chứng minh rằng tôi có thể vượt qua cảm giác vừa mạnh mẽ vừa khó định hình này. Tham gia một nhóm nhảy dù có 5 thành viên cùng với một người hướng dẫn, tôi đã có thể tự mình thực hiện được cú nhảy khi tới lượt. Người hướng dẫn đưa tôi lên máy bay, vỗ vào lưng tôi rồi hét lên: “Nhảy!” Dù mở trong vòng vài giây sau đó và tôi cảm thấy rất vững tâm khi dù đang bung ra phía trên vai tôi. Khi tôi nhảy, tôi cảm thấy vừa hồ hởi lại vừa sợ hãi. Tôi dùng dây điều khiển dù để xác định vị trí sẽ tiếp đất. Khi tôi tiếp đất, tôi gần như ngất đi vì

mệt. Nhưng tôi biết là tôi đã dần vượt qua được cảm giác sợ hãi khi nhảy dù.

Tôi thực hiện thêm hai lần nhảy nữa vào chiều hôm đó. Lần nhảy nào tôi cũng thấy sợ như lần đầu tiên. Tôi đã có thể tự làm những điều tôi muốn, nhưng tôi vẫn chưa thể cảm nhận được những gì tôi muốn cảm thấy. Tôi nghĩ, có lẽ nỗi sợ hãi sẽ dần mất đi sau 30 lần nhảy. Nhưng nhảy dù quả là quá tốn tiền và tốn thời gian. Vì thế tôi vẫn chưa thể đảm bảo được là tôi đã có thể vượt qua nỗi sợ hãi. Sự liên hệ giữa chủ nghĩa anh hùng và nỗi sợ hãi lại trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết: là một anh hùng cũng có nghĩa là phải đối mặt với những nguy hiểm và phải chinh phục được nỗi sợ hãi.

Thành tố thứ hai của phẩm chất anh hùng là phải trở thành một phần của một sự nghiệp lớn lao, thậm chí còn lớn hơn cả bản thân mình. Mặc dù có sự dè dặt với chiến tranh ở Việt Nam nhưng tôi tin rằng đó là một sự nghiệp đủ lớn để giúp tôi có được phẩm chất của một anh hùng. Đất nước tôi sắp tuyên bố chiến tranh và nó sẽ xảy ra khi tôi trưởng thành. Sự mâu thuẫn trong tư tưởng, suy nghĩ của tôi và các bạn tôi về việc tham gia cuộc chiến cũng được phản ánh trong chính gia đình chúng tôi. Bố tôi và chú tôi bất đồng với nhau về sự sáng suốt và sự cần thiết của chiến tranh. Bố tôi thì nghĩ để tôi tham gia quân đội là một ý tưởng hay. Chú tôi, Dave, thì nghĩ chiến tranh chỉ là sự lãng phí thời gian và là điều tồi tệ, một sai lầm chẳng khác gì tự sát. Bố tôi cho rằng phục vụ trong quân đội sẽ tách được tôi khỏi đám bạn bè mà theo như ông biết thì hầu hết chúng đều làm tất cả những gì có thể để tránh phải tham gia quân đội. Chú tôi thì khuyên tôi phải tìm cách tránh xa quân đội. Là thành viên của Quỹ Menninger, ông đã quá quen với các căn bệnh tâm lý và đề nghị tôi gặp một nhà tâm thần học trước khi quyết định tham gia vào chiến tranh. Đối với chú tôi, muốn tham gia chiến tranh cũng là một triệu chứng của sự bất ổn về tinh thần.

Nếu việc nhảy dù từ máy bay đã làm tôi rất sợ hãi thì việc phải nói về cảm giác của mình tương tự như việc nhảy ra từ máy bay mà không có dù. Tôi không thể làm được điều đó. Tôi liên lạc với một chuyên gia tâm lý và gặp ông ta nhiều lần trong suốt mùa hè trước khi tôi ghi danh vào quân đội. Tôi thấy mình như một tù nhân chiến tranh đang phải trả lời thẩm vấn; và nhiệm vụ của tôi là phải giữ bí mật. Nhà tâm lý học hỏi tôi một vài câu, cho tôi tự chọn chủ đề và nói về các chủ đề đó theo cách của mình. Tôi không thể bắt đầu cuộc nói chuyện, và cuộc nói chuyện thường kết thúc mà cả hai chúng tôi chẳng nói được lời nào. Và ngồi im lặng càng lâu thì tôi càng cảm thấy giận dữ bởi không thể chỉ ra được đâu là nguồn cơn của những cảm giác về nỗi đau và sự không tương xứng, và ông ấy vẫn không thể giúp tôi thực hiện được điều này. Sau hai tháng im lặng, tôi cảm thấy chẳng có gì hơn là phải đối mặt với chính những suy nghĩ của mình.

Tham gia Lực lượng lính thủy đánh bộ có vẻ là điều dễ dàng và nhút nhát nhất mà tôi từng làm. Có

lẽ cuộc đời một người lính sẽ giúp tôi mạnh mẽ hơn bằng việc đưa tôi trở thành một phần trong sự nghiệp lớn lao hơn cả chính bản thân mình. Cuối cùng, tôi làm theo lời bố tôi nhưng lại với những lý do gần với cách mà chú tôi đã nói.

Khi tôi rời Việt Nam, khái niệm về phẩm chất anh hùng trong tôi không còn tập trung vào việc đối mặt với nguy hiểm cá nhân hoặc trở thành một phần của sự nghiệp lớn lao hơn cả chính tôi nữa. Tôi đã làm những điều này, và từng đây là chưa đủ để tôi cảm thấy mình là một anh hùng. Tôi đã có một số ý niệm mờ mờ trong giấy lát về phẩm chất anh hùng mà tôi đã từng làm được. Khi tôi nói “Không” lần đầu tiên với việc tra tấn tù nhân, với việc đàn áp người làng và e sợ những gì đồng đội sẽ phản ứng đối với tôi, tôi cảm thấy mình như một người anh hùng. Khi tôi đưa đội của tôi tới những khu làng với một mục đích thân thiện như là cách để tránh phải giết những người làng vô tội, tôi đã làm được cái điều mà tôi cảm thấy anh hùng, mặc dù nó đi ngược lại với những gì mà người ta kỳ vọng ở tôi.

Những giây phút tôi cảm thấy mình là một anh hùng làm tôi nhớ lại một sự kiện xảy ra ở trại huấn luyện trên đảo Parris[15]. Ba chỉ huy của chúng tôi phạt một người bạn - anh này là một người có thân hình quá khổ nên không bao giờ theo kịp những lần tập luyện chạy bộ hàng ngày. Họ bắt anh ta trồng cây chuối ở phía góc doanh trại. Khi máu dồn hết lên đầu thì anh ta bắt đầu rên rỉ. Người chỉ huy hỏi chúng tôi liệu có ai thấy có vấn đề với những gì mà họ đang làm với bạn của tôi hay không. Không suy nghĩ gì cả, tôi lên tiếng. Ba người chỉ huy tóm lấy tôi, nhốt tôi vào một phòng khác và họ bắt đầu đánh chửi tôi. Nước mắt chảy xuống trên khuôn mặt, tôi cảm thấy một cảm giác tràn ngập niềm vui lẫn nỗi buồn. Cuối cùng, bạn tôi thoát khỏi hình phạt và trở về giường ngủ. Sự việc chỉ diễn ra trong vòng vài phút. Để bảo vệ ai đó, tôi đã có một cảm giác lớn hơn về phẩm chất anh hùng, lớn hơn bất cứ điều gì mà tôi từng làm với tư cách là một người lính.

Hai mươi tư tiếng đồng hồ sau khi rời Đà Nẵng, tôi hạ cánh xuống California và bắt đầu kỳ nghỉ hai tuần. Tôi đi thăm chị tôi và một vài người bạn trước khi đến báo cáo cho Căn cứ lính thủy đánh bộ ở Trại Pendleton, phía nam California. Với 7 tháng nghĩa vụ còn lại, tôi được phân công làm việc ở một căn cứ lực lượng quân cảnh. Là một cảnh sát quân đội, công việc của tôi bao gồm việc phái xe tuần tiểu tới các điểm có xảy ra xô sát trong khu vực. Cái bóng chiến tranh vẫn treo lơ lửng đâu đó trên những gì chúng tôi làm. Hầu hết binh lính đóng tại Doanh trại Pendleton đều không phải là những người trở về từ chiến tranh. Thỉnh thoảng các binh lính trở về từ chiến tranh có nói rằng không lâu nữa họ sẽ phải quay trở lại đó. Một trong những người bạn của tôi từ Việt Nam trở về cùng với hai huy chương Trái tim Màu tím[16]; anh ta đã kết thúc thời gian tham gia chiến đấu. Khi nhận được lệnh phải quay trở lại Việt Nam, anh ta nhanh chóng bỏ đi mà không xin phép. Không lâu sau đó, anh ta bị bắt lại và phải ra tòa án binh. Khi anh ta nói rõ với quan tòa rằng anh ta thà đi tù còn hơn là quay trở

lại tham gia chiến tranh thì ngay lập tức anh ta bị trục xuất khỏi quân đội. Phần tồi tệ nhất trong công việc của một cảnh sát quân đội như tôi là phải sắp xếp để chuyển giao những người lính phải ra tòa án binh. Tôi tìm bạn tôi và chúng tôi lên kế hoạch cùng nhau làm một cuộc hành trình lái xe xuyên đất nước khi cả hai đều bị trục xuất. Có vẻ quân đội ở mọi nơi trên đất nước này chỗ nào cũng như nhau.

Nơi trú ẩn của tôi cho phần thời gian còn lại của năm đó là thư viện, ở đó tôi phát hiện ra có rất nhiều phim hay, trong đó có phim *Who's Afraid of Virginia Woolf?* (Ai e sợ Virginia Woolf?) do Uta Hagen và George Grizzard thủ vai. Xung đột không thể kiềm chế giữa các nhân vật đó chính là tự do. Họ chửi nhau và tra tấn nhau bằng những đòn tâm lý tồi tệ nhất mà tôi có thể tưởng tượng ra. Rồi họ vẫn thức dậy vào ngày hôm sau và lại tiếp tục cuộc sống bình thường của họ. Đây là một loại chiến tranh mới, và nó cho tôi những trải nghiệm về một loại xung đột không gây ra cái chết. Tôi xem phim này nhiều đến nỗi tôi lo là mình sẽ làm mòn cả cuốn băng. May mắn là nó vẫn chưa bị hỏng cho đến ngày tôi ra đi.

Những ai có giấy báo nhập học thì sẽ được xuất ngũ sớm hơn. Bạn bè tôi đã tốt nghiệp hết rồi, và tôi sợ cái cảm giác bị bỏ rơi phía sau nếu tôi trở về trường. Thay vào đó, tôi quyết định tới Đồi Chapel, nơi bố tôi đang dạy khoa học chính trị và đang hoàn thành học vị tiến sĩ. Tháng Một năm 1968, tôi rời Trại Pendleton trên một chiếc Mustang màu xanh và mặc thường phục. Đi cùng tôi là người bạn, cũng là đồng đội của tôi, anh ta vừa phải ra tòa án binh và cũng vừa bị đuổi khỏi lực lượng lính thủy đánh bộ.

Chuyến đi xuyên qua đất nước của chúng tôi giống như cuộc hành trình đi lên từ lòng đất. Trong vòng hai năm rưỡi qua, hầu hết quyết định về cuộc đời chúng tôi đều do người khác đưa ra. Bây giờ tôi phải có quyết định của riêng mình. Tôi cảm thấy vừa sợ vừa vui sướng khi chúng tôi lái xe qua chiếc cổng lớn của Trại Pendleton, đi qua miền nam California, vào Arizona rồi đến New Mexico. Chúng tôi phải đi mất hai ngày mới qua Texas. Chúng tôi dừng khi chúng tôi muốn; chúng tôi ngủ khi chúng tôi cần; chúng tôi ăn bất cứ cái gì mà chúng tôi thấy rẻ. Tôi bắt đầu nhận ra rõ ràng rằng thời gian tôi ở quân đội chẳng khác gì ở tù; để có những quyết định cho riêng mình sẽ dễ dàng hơn là phải phụ thuộc vào người khác. Tôi cảm nhận được sự thay đổi giữa cao và thấp khi chúng tôi đi qua Louisiana, Mississippi và Alabama.

Chúng tôi trông giống như những con người cổ lỗ trước đây: hai gã có đầu tóc lác mốt và mặc quần áo lỗi thời. Liệu những người gặp chúng tôi dọc đường có nhìn chúng tôi với con mắt nghi ngờ hay không? Chúng tôi là những người lính hay chỉ là những tên giết trẻ em? Chúng tôi là anh hùng hay chỉ là những kẻ thất bại trong chiến tranh?

Khi chúng tôi tới Bắc Carolina, chúng tôi nói lời tạm biệt với người bạn duy nhất mà mỗi chúng tôi đã từng có, người hiểu được cái thế giới của trung đội Ba, đại đội Kilo. Không ai trong số chúng tôi có thể hiểu được ý nghĩa lớn lao khi là một thành viên của trung đội bộ binh. Mặc dù chúng tôi cảm thấy vui vì đã thoát ra khỏi thế giới đó nhưng cũng cảm thấy là lạ khi sống giữa những người có cuộc sống hoàn toàn khác với những gì chúng tôi sống trước đây. Tạm biệt bạn tôi, tôi cảm thấy thực sự cô đơn.

Tới đồi Chapel, tôi đăng ký đi học và chuyển vào ở trong một ký túc xá bé tí dành cho học sinh đã tốt nghiệp. Sau đó, tôi tìm được ba công việc bán thời gian. Tôi là thợ điện ban đêm cho một cơ sở cung cấp điện của địa phương, là huấn luyện viên cho một đội đấu vật, và là giám thị cho một khóa học về tâm lý học. Với thu nhập từ những công việc này, và một ít trợ cấp giáo dục hàng tháng từ Đạo luật GI, tôi có thể tự trang trải chi phí của mình. Ở đây thật sự sẽ không có chỗ cho những lỗi lầm. Khi tiền của chính phủ đến trễ, thỉnh thoảng một hoặc hai ngày tôi không có gì ăn. Nó chẳng khác gì như ở Việt Nam khi các máy bay tiếp tế lương thực không thể hạ cánh. Sự khác nhau duy nhất là ở đó tôi đói nhưng xung quanh tôi mọi người không đủ ăn đều đang được ăn uống. Khi bị đói, tôi càng thấy thông cảm cho những người không đủ ăn trong xã hội.

Là một thợ điện ban đêm, tôi nhận điện thoại từ những người đi làm về và thấy nhà mình không có điện, thường là bị cắt điện do chưa thanh toán tiền. Công việc của tôi là lái xe ra khỏi nhà, thu tiền, đóng điện trở lại. Tôi có nghe rằng người da trắng có thể trả bằng ngân phiếu nhưng người da màu thì phải trả bằng tiền mặt. Nghĩ tới những đồng đội da trắng và da màu đã cùng chiến đấu với tôi ở Việt Nam, tôi quyết định không báo cáo ai là da trắng và ai là da màu. Bên cạnh đó, tôi lại là thợ điện ban đêm nên không nhận ra màu da cũng là điều dễ hiểu.

Khi công nhân cung cấp lương thực ở trường đình công đòi tăng lương, họ yêu cầu sinh viên không được bước qua dòng người đang đứng cản. Gần như tất cả nhân viên phục vụ ăn uống đều là phụ nữ da đen. Tôi chẳng có cách nào để đi qua bức tường người đó cả, đói bụng nên tôi phải tìm cái gì đấy để ăn. Tốt hơn là mua một ổ bánh mì và một ít pho mát ở một chợ địa phương. Những nữ công nhân này là mẹ của những người trong trung đội tôi; họ đã phải để con trai mình ra trận bởi vì họ không đủ tiền nuôi con ăn học.

Sự trái ngược giữa nước Mỹ tại bản địa và nước Mỹ ở ngoài lúc nào cũng đập vào mắt tôi. Khi những học sinh da đen chiếm giữ tòa nhà trường luật để ủng hộ những công nhân phục vụ ăn uống đang đình công, hiệu trưởng đã gọi bảo vệ. Các thành viên trong đội bảo vệ là những thanh niên tránh tham gia cuộc chiến tại Việt Nam bằng cách tìm chỗ làm trong một đơn vị bảo vệ địa phương. Họ mặc đồng

phục tới trường với đầy đủ súng ống. Nhanh chóng lao tới chỗ có xung đột như một con thiêu thân, tôi hết sức ngạc nhiên là các thành viên trong đội bảo vệ toàn là người da trắng còn rất trẻ. Họ mang súng trường, giống như những vũ khí chúng tôi từng dùng. Một người thậm chí còn vác theo một khẩu súng phun lửa. Phải chứng kiến cảnh vũ khí đặt trong tay những đứa trẻ là quá đủ đối với tôi. Hình ảnh về một cuộc thảm sát lại hiện lên trong đầu tôi, tôi muốn tìm nơi nào đó để giấu mình đi. Tôi rời trường và quay về phòng ký túc xá.

Những cuộc nổi loạn ở thành thị năm 1968, được châm ngòi từ sự kiện Martin Luther King[17] và Robert F. Kennedy[18] bị ám sát, đã xảy ra ngay tại những thành phố quê hương của những người da đen trẻ tuổi trong trung đội chúng tôi. Tôi bắn khoản liệu họ, bây giờ đã trở về nhà, có còn nổi dậy như tôi nữa không, hoặc nếu giống như tôi, có phải họ chỉ đến đó xem một cách bất lực không. Dường như tôi và các đồng đội đã mang theo chiến tranh khi chúng tôi trở về từ Việt Nam. Những cảnh bạo lực mà chúng tôi đã phải chứng kiến ở Việt Nam bây giờ lại bao quanh chúng tôi. Sau khi chiến tranh khiến cho Tổng thống Johnson mất chức, Phó Tổng thống Humphrey, vốn đã những đồng minh của Johnson làm cho tê liệt, nay lại bị hạ bệ bởi chân tay của Richard Nixon, người hứa sẽ đạt được “hòa bình trong danh dự” cho nước Mỹ. Tôi thích hai tiếng hòa bình ấy nên đã bỏ phiếu cho Nixon.

Điều không may không những xảy ra với những người không đi học mà những người đang học giữa chừng cũng có thể bị gọi nhập ngũ và phải tới Việt Nam. Chiến đấu, bắn giết và chết chóc lại gia tăng. Trong suốt nhiệm kỳ của Nixon, con số thương vong trong chiến tranh của cả hai bên (Việt Nam và Mỹ) đã tăng gấp đôi. Thế là quá đủ đối với khẩu hiệu “hòa bình trong danh dự.” Sau khi lính Mỹ rút khỏi Việt Nam, sự bất ổn của chính phủ ở hai nước Lào và Campuchia do Mỹ hậu thuẫn đã dẫn tới việc chiến tranh phải kéo dài và chính phủ ở hai nước này bị lật đổ. Mặc dù tình hình diễn biến phức tạp như vậy nhưng tôi vẫn mơ về một ngày được trở lại Việt Nam.

SỨC NẠNG CỦA KÝ ỨC

Chuyến quay lại Việt Nam đầu tiên của tôi

Năm 1995, ở tuổi 51, tôi trở lại Việt Nam lần đầu tiên sau 28 năm. Sau khi máy bay hạ cánh xuống Hà Nội, tôi bước ra khỏi máy bay với một cảm giác mâu thuẫn. Quan hệ giữa Mỹ với Việt Nam vừa mới bắt đầu bình thường hóa; quan hệ giữa cá nhân tôi với Việt Nam vẫn là một mớ suy nghĩ chưa thể giải quyết được. Tôi đang đi thăm một đất nước hay đang cố gắng thăm lại một cuộc chiến trong suốt thời thanh niên của tôi? Bầu không khí nặng trĩu hòa cùng cái nóng của tiết trời sắp có gió mùa. Một cán bộ xuất nhập cảnh Việt Nam kiểm tra hộ chiếu của tôi và chỉ cho tôi địa điểm có rất nhiều lái xe taxi và hướng dẫn viên du lịch. Tôi cảm thấy may mắn vì có những người bạn tốt đi cùng.

Chúng tôi ở Hà Nội khá nhiều ngày, dành thời gian đi thăm nhà sàn của chủ tịch Hồ Chí Minh và thăm một số bảo tàng. Sau khi đi loanh quanh một vài công viên rất rộng, chúng tôi dừng lại trò chuyện với các thành viên đội chạy việt dã của một trường cấp ba. Chúng tôi đang tìm kiếm một Việt Nam đằng sau những đài tưởng niệm. Sáng sớm quanh hồ Hoàn Kiếm, có nhiều người già đi bộ, tập thể dục, đánh cầu lông và tập thái cực quyền. Buổi tối lại thuộc về lớp trẻ. Những tòa nhà cao tầng đang mọc lên trong những khu ngoại ô thành phố, những khách sạn đẹp cũng đang được xây dựng, một số nhà đầu tư nước ngoài - như Honda, Toyota, IBM, HP, Microsoft, Oracle, Pepsi, Ngân hàng Citibank, Ngân hàng Hoa Kỳ, AIG, Samsung và FedEx - cũng đang mở văn phòng và xây dựng nhà máy. Việt Nam đang đóng góp hơn 80 triệu người tiêu dùng cho các sản phẩm của thế giới và cung cấp hơn 80 triệu nhân công để làm ra những sản phẩm này.

Rời Hà Nội, chúng tôi hướng về phía tây bắc dọc sông Hồng. Gần đây chính phủ đã thông báo sẽ mở rộng tất cả những con đường quốc lộ. Dọc đường đi, chúng tôi thấy người ta đang dỡ nhà, chuyển khung nhà và khung cửa hàng bằng tre vào sâu hai phía đường quốc lộ. Hình ảnh này làm tôi nhớ tới những bức ảnh về những người Việt Nam chở đạn trên những chiếc xe đạp cũ tới điểm tập kết ở trên núi cao phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ chống lại thực dân Pháp. Những ngôi nhà đang được chuyển đi thể hiện sự quyết tâm đã từng giúp Việt Nam đánh tan quân xâm lược trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Trong đầu tôi lại hiện lên đoạn điệp khúc của Frank Sinatra hát về những con kiến đang di chuyển những cây cao su: “Ồ, một cây cao su nữa lại ra đi!”

Ở lại thị trấn miền núi Sa Pa, chúng tôi dành nhiều ngày đi xuyên qua những bản làng của các dân tộc thiểu số có trang phục và phong tục rất khác với đại bộ phận dân số Việt Nam. Ở đây có sự tương phản khá lớn giữa một Hà Nội đang phát triển nhanh để bắt kịp với những thành phố khác như Hồng

Kông và sự quyết tâm của những bản làng này nhằm giữ nét văn hóa cổ như vải thổ cẩm hay hình thức hôn nhân được sắp đặt trước, ở nhiều bản làng nhỏ, không có điện, chỉ có ánh sáng màu xanh của màn hình ti vi lấy điện từ một máy phát điện chạy bằng dầu là có thể nhìn thấy được từ phía ngoài đường. Ảnh hưởng của ti vi thể hiện qua những kiểu tóc hiện đại của New York được mang đến Sa Pa: văn hóa phương Tây đã dần dần đến với thị trấn nhỏ này qua sách báo hoặc truyền hình. Một buổi sáng, tôi gặp một cô gái trẻ với kiểu tóc rất thời trang đang chăm sóc một cậu bé. “Đây không phải là em của cháu,” cô gái giải thích. “Đây là chồng chưa cưới của cháu; bố mẹ cháu đã sắp đặt cho chúng cháu lấy nhau từ khi cậu ấy mới sinh ra.” Một thế giới mới đang phải chia sẻ không gian cho một thế giới đã lỗi thời.

Háo hức khám phá thêm về một Việt Nam hoàn toàn mới, chúng tôi trở về Hà Nội và đi tàu đêm tới Đà Nẵng. Đây là Tàu Thống Nhất chạy dọc đất nước, tàu phải mất 36 tiếng để đi từ Hà Nội tới thành phố Hồ Chí Minh. Buồng của chúng tôi là buồng có giường nằm mềm. Suốt đêm tàu âm âm lăn bánh chạy song song với con đường dọc bờ biển. Mặt trời lên cao, chúng tôi có thể nhìn thấy biển Đông khi con tàu chạy dọc sườn đồi. Nhân viên phục vụ trên tàu mang cho chúng tôi một tô mì nóng hổi cho bữa sáng. Một bên là núi dựng đứng còn bên kia là những bãi cát trắng xóa, chúng tôi đã có một khoảng thời gian cực kỳ thư giãn với những món ăn ngon của Việt Nam.

Chúng tôi xuống tàu ở Đà Nẵng và lên xe đi về phía nam, tới làng chài cổ Hội An. Rời Hội An trở về Đà Nẵng, nhìn bản đồ, chúng tôi nhận ra làng Đại Lộc chỉ cách đó vài cây số. Cái tên Đại Lộc đã vắng vắng trong tôi qua bao nhiêu năm tháng. Đó là nơi cuối cùng mà tôi chiến đấu. Những kỷ niệm về Đại Lộc - tràn đầy nỗi sợ hãi, cái nóng, những cơn mưa gió mùa và cả bạo lực nữa - chưa bao giờ phai nhạt trong tâm trí tôi. Tôi băn khoăn liệu việc thăm lại nơi ấy có khiến những hình ảnh thêm mãnh liệt trong tôi, hay tôi có thể thay thế chúng bằng những hình ảnh mới? Không biết Đại Lộc như thế nào kể từ khi tôi rời khỏi nơi đó? Tôi giải thích những ý nghĩ đó cho các bạn tôi và hỏi họ có muốn đi một chuyến tới Đại Lộc không. Họ đồng ý nhưng lại nhìn tôi một cách hơi buồn cười, cảm thấy không chắc chắn về nơi mà chúng tôi sẽ đến.

Con đường bùn lầy trước kia tới Đại Lộc bây giờ đã được dọn sạch và mở rộng cùng với một dãy hàng quán bán lương thực và các đồ nhu yếu phẩm. Chúng tôi xuống xe và theo đường làng tới địa điểm như tôi nhớ thì trước đây là một đỉnh đồi với hàng rào thép gai, các chiến hào, công sự, nhà vệ sinh ngoài trời và các boongke. Ở nơi đó bây giờ đã có một đài tưởng niệm chiến tranh và một trung tâm đón khách tham quan. Đằng sau trung tâm đón khách là những dãy đồi thấp xanh tươi. Chúng tôi hỏi giám đốc trung tâm liệu chúng tôi có thể tham quan khu vực đó hay không. Và anh chỉ cho chúng tôi đường lên đồi.

Tại khu đồi đó, một đài tưởng niệm bằng đá có khắc tên những người dân ở huyện Đại Lộc đã hi sinh vào khoảng thời gian từ 1945 đến 1975, trong hai cuộc chiến chống lại người Pháp và người Mỹ. Nó làm tôi nhớ đến đài tưởng niệm chiến tranh nằm trong trường đại học của tôi. Trong ba năm học, ngày nào tôi cũng đi qua đài tưởng niệm đó mà chẳng nghĩ gì nhiều tới những cái tên được khắc trên mặt đá. Đó là tên của những cựu học sinh đã chết trong Thế chiến I và Thế chiến II. Tôi chưa bao giờ suy nghĩ nhiều về những cái tên được liệt kê trên đó. Tôi nghĩ họ là những người đã lùi xa về quá khứ. Bây giờ, trong số những người được khắc tên ở đài tưởng niệm trên khu đồi này có những người còn trẻ hơn tôi. Khi đi qua đài tưởng niệm ở trường tôi, tôi cảm thấy những người được khắc tên trên đó thuộc về một thời nào đấy xa xăm chứ không gần như những người được khắc tên ở Đại Lộc. Tôi cảm thấy chuỗi ký ức và cái chết trải rộng từ làng Đại Lộc cho tới thị trấn của tôi, Amherst ở Massachusetts. Nó kết nối quá khứ và hiện tại, muốn tôi hợp nhất cả hai vào cùng một mục đích với những người đã khuất.

Đại Lộc là một làng nhỏ nhưng có hằng trăm cái tên được liệt kê trên đài tưởng niệm. Quãng thời gian tôi từng ở đây chỉ là một thời khắc ngắn ngủi so với cả một cuộc đấu tranh lâu dài. Người Pháp và người Mỹ đã tiến hành chiến tranh ở Việt Nam hơn 30 năm, bằng khoảng thời gian từ khi tôi rời đất nước này cho tới bây giờ. Liệu cuộc chiến đã thực sự kết thúc hay chưa? Thậm chí bây giờ nó đã thực sự kết thúc chưa? Không có cách nào có thể đo được sự xáo động trong suy nghĩ của tôi lúc đó. Tôi nhìn lên đài tưởng niệm và nhìn ra con sông, trải tầm mắt tới những quả đồi xanh chạy dài hòa vào những ngọn núi xanh thẳm. Có lẽ những người xây đài tưởng niệm này hy vọng khách viếng thăm sẽ không chỉ nhìn những cái tên được khắc trên đài tưởng niệm mà còn có thể ngắm những cảnh đẹp của thiên nhiên để có thể làm dịu bớt nỗi đau của họ.

Tại trung tâm đón khách du lịch, tôi nói cho giám đốc biết là tôi đã từng chiến đấu ở khu đồi này. “Vậy thì anh phải viết cái gì đó vào sổ lưu niệm dành cho khách viếng thăm mới được,” ông ấy khẳng định. “Du khách Việt Nam sẽ rất muốn biết suy nghĩ của một người Mỹ đã từng chiến đấu ở đây và trở lại nơi này.” Và tôi đã viết như sau: “Tôi rất vui được thăm Đài tưởng niệm Đại Lộc. Một khi đài tưởng niệm đã được xây ở đây, điều đó có nghĩa chiến tranh đã kết thúc.”

Tôi tin rằng một ngày nào đó các lính Mỹ sẽ quay lại những nơi họ đã từng chiến đấu ở Iraq và Afghanistan, cũng như trước đây các cựu chiến binh trở lại thăm chiến trường của cuộc Nội chiến, các cuộc Thế chiến I và Thế chiến II, chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam. Họ sẽ tìm kiếm kỷ niệm về những tháng ngày đã mất và họ sẽ dùng những kỷ niệm đó để giúp bản thân có thể trở lại là chính mình. Họ sẽ tự hỏi liệu cuộc sống của những người đang sống ở những nơi mà họ đã từng chiến

đấu đã tốt hơn chưa. Họ sẽ hỏi liệu bom mìn chưa nổ đã được rà phá hết chưa, liệu các trường học và bệnh viện đã được xây dựng lại hay chưa, liệu những người già đã quên chiến tranh hay chưa và liệu những người trẻ có được học về chiến tranh ở trường hay không.

Chắc chắn họ sẽ tự hỏi mình xem họ đã chiến đấu vì cái gì, liệu điều đó có cần thiết không và tại sao nhiều[19] người trong số họ lại phải chịu ảnh hưởng của cuộc chiến đó nhiều như thế.

Người con trai Mỹ và Việt Nam của tôi

Tháng 12 năm 1995, tôi có chuyến trở lại Việt Nam lần thứ hai. Lần này, tôi và vợ tôi tới Sài Gòn, tên chính thức bây giờ là thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi ở khách sạn Majestic, một khách sạn cổ nằm gần khách sạn Rex and Continental, nơi các nhà báo Mỹ ở trong suốt cuộc chiến tranh. Chúng tôi dành nhiều ngày để khám phá Sài Gòn, thăm bảo tàng, công viên, sở thú và Dinh Tổng thống của chính quyền miền Nam trước đây - bây giờ gọi là Dinh Thống Nhất - và sứ quán Mỹ thời trước. Đó là nơi trực thăng đáp trên nóc nhà để sơ tán người Mỹ và người miền Nam Việt Nam ra tàu chiến chờ ngoài biển Đông. Chúng tôi cũng đi thăm những phòng triển lãm tranh và mua một số tranh về nghệ thuật Việt Nam hiện đại và các bức tranh tuyên truyền trong chiến tranh.

Trọng tâm của một Sài Gòn hiện đại là xây dựng một loạt những tòa nhà mới khắp thành phố - khách sạn, văn phòng, căn hộ, trung tâm mua sắm, và thậm chí là trung tâm chơi bowling. Sự năng động và hiện đại của Sài Gòn khá đối lập với vẻ đẹp yên bình của Hà Nội, nơi có những khu biệt thự cổ và những con đường đầy cây xanh đang được bảo tồn. Năm 1995, hầu hết các phương tiện trên đường là xe đạp và xích lô, có một số xe máy và thỉnh thoảng mới bắt gặp vài chiếc ô tô. Sự pha trộn của các phương tiện làm cho đường phố cũng an toàn hơn khi qua đường; những người đi xe đạp sẽ mở đường cho người đi bộ, tạo nên một loại hình chuyển động xuyên qua dòng giao thông giống như một đàn cá lượn quanh thợ lặn.

Sau một vài ngày ở Sài Gòn, chúng tôi đi xe buýt về phía nam, vào đồng bằng sông Cửu Long thăm thành phố Mỹ Tho và Cần Thơ với một số chợ nổi ngay trên mặt sông. Nơi đây có thể thấy rõ được sự phong phú của cuộc sống ở Việt Nam: công việc, thức ăn, chỗ ở rất phong phú, tất cả tạo nên sự khác biệt từ nông thôn cho tới thành phố.

Tôi gặp một người tên là Đào Huy Hùng ở trung tâm thương mại Majestic. Trong khi giúp chúng tôi gửi e-mail và fax, anh ta miêu tả cuộc sống ở Việt Nam của những người trẻ tuổi sinh ra sau khi chiến tranh kết thúc và những người sinh ra trong khi nền kinh tế đất nước đã có những thay đổi chóng mặt, thường gọi là quá trình Đổi mới, theo sau sự suy yếu của Liên bang Xô Viết trong những năm cuối 1980. Các sinh viên đại học đã học tiếng Nga và giành được học bổng tới học ở Matxcơva và Đông Âu giờ không biết tiếp theo phải làm gì.

Hùng bắt đầu học đại học sau khi Liên bang Xô Viết suy yếu nên ngoại ngữ anh chọn học là tiếng

Anh. Anh ấy rất muốn thực hành tiếng Anh, và chúng tôi ra ngoài uống cà phê hoặc đi ăn cùng nhau rất nhiều lần trong suốt thời gian tôi ở Sài Gòn. Tôi biết được rằng trong chiến tranh, bố anh ta phục vụ trong quân đội Mỹ và đã đi cùng với những người Mỹ cuối cùng vào tháng 4 năm 1975, để lại vợ và năm đứa con nhỏ. “Cho nên, anh thấy đấy,” Hùng nói: “Tôi lớn lên mà không có tình yêu thương của cha.”

Những lời của Hùng là những miêu tả thực sự về gia đình anh ấy khiến tôi rất xúc động. Đây là một người trẻ tuổi cần một nơi để neo đậu cảm xúc có thể chia sẻ. Dần dần, giữa chúng tôi đã hình thành một mối liên hệ. Là bố của con trai tôi: tôi nhận thấy vai trò thích hợp nhất của một người bố nên là một người cổ vũ, đứng bên cạnh và khích lệ người con. Qua những lần thử và qua cả những sai lầm, tôi hiểu được rằng bố mẹ không phải là cầu thủ trên sân mà cũng chẳng phải là huấn luyện viên trong cuộc chơi đó. Đây là câu nói hoàn chỉnh đầu tiên và tốt hơn bao giờ hết của con trai tôi, “Bố không phải là ông chủ của con!” Tôi biết làm thế nào để cổ vũ con trai tôi và đó là tất cả những gì Hùng cần có từ người bố.

Hai năm tiếp theo, chúng tôi vẫn giữ liên lạc. Hùng đặt mục tiêu sẽ đến Mỹ để học tập. Tôi giải thích cho cậu ta hiểu rằng bố cậu, bây giờ là một công dân Mỹ, có thể tài trợ cho cậu. Hùng liên lạc với bố cậu ta và ông ấy đã sắp xếp cho cậu ta tới Houston với em út của cậu ta là Mai. Hùng và Mai sống trong một căn hộ nhỏ, tìm việc làm và được tuyển vào một trường đại học công lập của địa phương. Trong vòng hai năm, Mai hoàn thành khóa học kế toán, kết hôn và bắt đầu có gia đình riêng của cô ấy.

Sau khi tới Mỹ, Hùng tới thăm tôi một lần ở thành phố New York và một lần ở Massachusetts, và tôi cũng tới thăm cậu ta ở Houston. Cậu ấy làm việc cho một nhà máy điện tử, đã tốt nghiệp Đại học Cộng đồng Houston và được tuyển vào Đại học Houston. Cậu ấy cũng đã trở thành công dân Mỹ. Năm 2001, Hùng trở về Việt Nam và kết hôn với Nga, cô gái mà cậu ta đã quen từ hồi học phổ thông. Đầu năm 2006, đứa con đầu tiên của họ ra đời ở Sài Gòn. Sau khi bé Phi ra đời không lâu, tôi đã gặp Nga cùng cháu Phi và đại gia đình của họ.

Khi Đào Huy Hùng trở thành công dân Mỹ, cậu ta hỏi tôi giúp cậu ta chọn một cái tên Mỹ. Sau khi bàn bạc nhiều lần, cậu ta quyết định lấy tên là Tony Đào - kết hợp giữa tên mới và họ cũ của cậu ta. Qua cuộc phiêu lưu của Tony, tôi nhận thấy rằng nhiều người nhập cư trẻ tuổi cần có bố mẹ để. Vai trò của bố mẹ là giúp cho con đường của con cái thêm thuận lợi, từ cuộc sống gia đình cho tới cuộc sống ngoài xã hội bằng việc đóng vai trò như một tham tán văn hóa để giúp đỡ con cái.

Tony cũng đã nhập quốc tịch Mỹ cho vợ và con trai cậu đã đưa cả vợ con đến Texas. Trong khi xây

dựng cuộc sống cho gia đình mình ở đất nước mới này, cậu ta vẫn tiếp tục giúp bà con họ hàng còn ở Việt Nam. Những trách nhiệm này luôn được xem là nặng nề, nhưng tôi chắc chắn cậu ta sẽ làm được. Con đường mà cậu ta đi là truyền thống tốt đẹp nhất của một Giác mơ Mỹ.

Tôi nhớ lại một câu chuyện mà bố tôi kể về người hàng xóm đã đóng vai trò là người cố vấn cho ông bà tôi như thế nào. Ông bà tôi, Charles và Jenny Cohen Merson đến từ Đức vào khoảng những năm 1890 và định cư tại một thị trấn ven biển ở Virginia, đây là nơi không có cộng đồng người Đức gốc Do Thái nhập cư đến lánh nạn. Khi Thế chiến I nổ ra, ông bà tôi hy vọng là đất nước mới của họ sẽ ủng hộ người Đức và tham gia chống lại Anh, Pháp. Khi ông bà lên tiếng ủng hộ người Đức, họ rất ngạc nhiên là hàng xóm của mình lại xem đây như là sự phản bội.

Cuối cùng, Charles và Jenny tìm được cách để ủng hộ cả Đức và Mỹ. Một tàu chiến Đức ghé thăm Norfolk, Virginia. Khi chiến sự nổ ra, con tàu này đã bị giam giữ ở cảng trong suốt thời gian chiến tranh. Bà tôi được chọn là người lãnh đạo cộng đồng địa phương tìm chỗ ở cho những thủy thủ Đức cho đến khi họ được trao đổi với các tù binh của quân Đồng minh. Khi các thủy thủ này trở về Đức, họ tặng cho bố tôi linh vật của con tàu - một con dê Angora, cùng với một cái xe dê kéo và một bộ yên cương. Cưỡi dê đi quanh thị trấn ở tuổi lên mười, bố tôi cảm thấy mình giống như một vị vua nước Đức!

Kinh nghiệm của bố tôi đối với những tù binh Đức trong Thế chiến I khiến tôi băn khoăn liệu điều gì sẽ xảy ra với tôi nếu như tôi bị bắt làm tù binh ở Việt Nam. Tôi sẽ phải đối đầu với việc này như thế nào? Rất có thể vì khó khăn khi phải đưa một tù binh từ tận miền Trung tới một nhà tù ở miền Bắc, tôi sẽ bị giết thay vì bị giam giữ. Bên cạnh đó, là một lính bộ binh, giá trị khai thác thông tin tình báo của tôi là rất hạn chế. Quân đội Mỹ và lực lượng miền Nam Việt Nam có đủ cơ sở vật chất có thể giam giữ tù binh địch, nhưng nhiều tù binh cũng đã bị giết. Tôi chẳng thấy có lý do gì mà Việt Cộng và quân đội miền Bắc Việt Nam lại đối xử với tôi tốt hơn những người lính của họ. Một lý do để đối xử tử tế với tù nhân là phải tuân thủ luật chiến tranh. Cách đối xử với tù binh của quốc gia đó phản ánh cách mà quốc gia đó đối xử với công dân, đặc biệt là đối với tù nhân. Bởi vì những tù nhân Mỹ thường bị đối xử tàn bạo cho nên cũng dễ hiểu là những tù nhân chiến tranh do Mỹ giam giữ cũng bị đối xử tồi tệ như thế. Tôi đã từng chứng kiến những người mà chúng tôi bắt giữ bị đối xử tồi tệ như thế nào, mặc dù chúng tôi thường không có cách nào để khẳng định liệu họ là lính của địch hay chỉ là những người qua đường vô tội. Nhưng thậm chí nếu họ là lính của địch thì tại sao lại không đối xử với họ như những gì mà chúng tôi muốn được đối xử?

Năm 1995, trong khi đi thăm làng Bát Tràng gần Hà Nội, tôi gặp một họa sĩ tên là Chiến, ông đã

tham gia bắt Tướng Pháp De Castries trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Sau khi người Pháp đầu hàng, ông Chiến trở về Bát Tràng để tiếp tục sự nghiệp vẽ tranh và điêu khắc. Trong chiến tranh chống Mỹ, một lần nữa ông lại lên đường nhập ngũ. Năm 1972, ông đang chiến đấu gần Buôn Ma Thuột khi một phi công Mỹ bị bắn rơi và bị người làng bắt. Giận dữ vì những tang tóc mà phi công Mỹ đã gây ra cho người nhà, hàng xóm của họ, dân làng này đòi giết viên phi công. Ông Chiến đã thuyết phục họ tha cho viên phi công Mỹ đó và giải thích việc viên phi công sẽ có giá trị như thế nào trong việc trao đổi tù binh. Sau khi chiến tranh kết thúc, người Mỹ đó quay trở lại Bát Tràng để cảm ơn người họa sĩ đã cứu mạng mình.

Những bức tranh của Chiến nằm trong số những bức tranh đẹp nhất trong bộ sưu tập nghệ thuật Việt Nam của tôi. Liệu có phải bởi vì người họa sĩ-chiến sĩ ấy đề cao giá trị của việc cứu sống mạng người nên anh đã không còn cầm súng và tiếp tục cầm bút vẽ?

Là một người lính, tôi hy vọng Quốc hội Mỹ sẽ đóng vai trò tích cực hơn trong việc giám sát việc đối xử với tù nhân ở Mỹ bị bắt sau những cuộc xung đột vũ trang để chúng ta không làm ảnh hưởng đến những mục tiêu về chính sách đối ngoại do việc đàn áp những người mà chúng ta đang cố gắng bảo vệ. Các cựu chiến binh muốn đảm bảo rằng những gì mà chính phủ Mỹ làm phải thỏa mãn những tiêu chuẩn mà chúng ta đang cố gắng thúc đẩy trên thế giới.

Làm việc ở Việt Nam sau chiến tranh

Năm 1996, tôi có một tháng làm việc cùng với một công ty máy tính ở Sài Gòn. Tôi gặp người sáng lập công ty, Tiến sĩ Trần Hà Nam, trong một chuyến đi trước đó, và chúng tôi trao đổi về một số khó khăn trong việc phát triển thị trường phần mềm ở Việt Nam và Mỹ. Khi tôi đồng ý tình nguyện làm việc cho Tiến sĩ Nam, ông ấy đã đề ra rất nhiều việc mà tôi có thể làm. Ông ấy bố trí cho tôi ở cùng một gia đình để tôi có thể tiết kiệm tiền khách sạn và cũng có thể biết thêm nhiều hơn về cuộc sống thường nhật ở Sài Gòn.

Máy bay hạ cánh xuống Sài Gòn vào ban đêm và tôi phải mất hàng giờ mới tìm được ngôi nhà mà tôi sẽ ở. Ngôi nhà này nằm ở một nơi khá hẻo lánh, rất xa những khách sạn mà người lái taxi biết. Nhiều đường phố có tên gần gần giống nhau và khả năng phát âm tiếng Việt bập bõm của tôi chỉ làm cho vấn đề thêm tệ hơn mà thôi. Khi chúng tôi tìm thấy ngôi nhà đó, gia đình đó đón tôi và khiến tôi cảm thấy như ở nhà mình. Tôi có một phòng riêng nằm ở phần xây thêm của ngôi nhà dành cho những người thuê nhà. Buổi sáng hôm sau, tôi vẫn mệt vì bay nhiều và hơi mất phương hướng. Tôi ra khỏi nhà và đi về phía đường lớn rồi bắt taxi đến văn phòng mới của mình.

Công việc của tôi ở Tập đoàn Scitec bắt đầu vào buổi sáng đó cùng với cuộc nói chuyện dài với Tiến sĩ Nam về kinh doanh phần mềm ở Mỹ và ở Việt Nam, tìm ra nhiều lĩnh vực tương đồng trong công nghệ phát triển cũng như rất nhiều sự khác biệt trong kinh doanh và phát triển thị trường. Tôi nhanh chóng bị ấn tượng bởi các lập trình viên có trình độ cao của Scitec trong việc tiếp nhận những công nghệ cập nhật nhất về thiết kế sản phẩm, viết mẫu và mật mã. Thách thức khá lớn của công ty đặt vào lượng khách hàng sẵn có và có khả năng mua phần mềm ở một đất nước mà sao chép vẫn là cách tốt nhất để được sử dụng các sản phẩm phần mềm. Bởi vì hầu hết sản phẩm phần mềm lại đến từ các nước có quan hệ thương mại với Việt Nam cho nên việc vi phạm bản quyền phần mềm là có thật. Tôi cũng thấy lạ là các quốc gia phương Tây luôn phàn nàn về việc các sản phẩm sao chép bất hợp pháp ở châu Á mà không hề cân nhắc đến những hành động của họ trong việc cấm nhập khẩu các sản phẩm như tôm, gạo và dệt may từ các nước này.

Các cuộc họp với Tiến sĩ Nam thường bị gián đoạn bởi một trong số nhân viên của ông ấy cần ông ấy quyết định hoặc xin thông tin từ ông ấy. Thực tiễn quản lý ở Việt Nam vẫn là một cơ cấu tổ chức khá dàn trải với việc nhiều người cùng báo cáo một quản lý. Suy nghĩ kỹ thì tôi cũng nhận ra rằng đây cũng là điều giống với nhiều công ty phần mềm mới thành lập ở Mỹ. Để có thể phân bổ một cách hợp

lý ngân quỹ, các nhà quản lý phải giám sát nhiều người và cơ sở kinh doanh.

Cuối ngày đầu tiên, tôi về nhà, mệt bở hơi tai và ngay lập tức đi nghỉ. Khi về đến nhà, tôi được thông báo là cảnh sát Sài Gòn yêu cầu tôi không được ở cùng một gia đình như thế. Tôi thậm chí còn không biết là cảnh sát lại biết tôi ở đây. “Ồ, chuyện là thế này”, chủ nhà của tôi giải thích. Cảnh sát muốn người nước ngoài ở khách sạn, bởi như thế họ dễ quản lý hơn. Khi tôi biết được thêm về tập quán của địa phương, tôi bắt đầu hiểu rằng nhiều khách sạn mới ở Sài Gòn có ít khách có lẽ cũng quan tâm tới việc tìm kiếm những người nước ngoài bị nghi ngờ. Những khách sạn này đã tốn khá nhiều chi phí xây dựng và cũng phải thuê nhiều nhân viên. Sau đó không lâu, tôi đăng ký ở một khách sạn của Công đoàn, chỉ cách văn phòng tôi vài bước nếu đi xuyên qua một công viên. Giá của khách sạn này cũng khá rẻ so với một nền kinh tế đang ngày càng phát triển như thế.

Những ngày cuối tuần là những ngày tôi có thời gian để đi khắp Việt Nam, và tôi đã tận dụng tối đa những cơ hội này, bắt đầu với những chuyến đi ngắn bằng xe đạp loanh quanh Sài Gòn. Tôi hết sức ngạc nhiên bởi việc làm thế nào mà trong hoàn cảnh không có đèn giao thông, xe đạp, xe xích lô, xe cơ giới và người đi bộ lại có thể đi qua những đoạn đường giao nhau một cách dễ dàng như vậy. Hiện tượng này có vẻ như là chìa khóa hé mở một khía cạnh bí mật về văn hóa Việt Nam: khả năng của nhiều người có thể cùng chung một không gian đông đúc và nhỏ hẹp. Cách duy nhất để hiểu tại sao nó vẫn có thể hoạt động được đó là phải tự mình thử. Tôi thuê một chiếc xe đạp và đi từ khách sạn đến một vùng nông thôn, để thử cái cảm giác hồi hã của giao thông bằng việc đi ngang với những người đi cùng chiều. Bất kể khi nào những người này rẽ thì tôi cũng rẽ theo họ. Tôi thường dừng ở những đoạn giao nhau và quan sát cách người ta lượn lên phía trước và vượt qua người khác mà không cần phải nhìn nhau. Không hề có đèn giao thông và cảnh sát chỉ xuất hiện ở những đoạn đường đông đúc nhất. Cửa hàng và nhà cửa dần dần nhường chỗ cho các đồng lúa rộng lớn, và dòng giao thông ồn ào cũng dần dần trở thành một dòng suối nhỏ hiền hòa khi tôi ra khỏi thành phố. Một cơn mưa rào tháng 4 đổ xuống và ngay sau đó ánh nắng ấm áp trở lại. Khi đã đến lúc phải quay trở về thành phố, tôi cố gắng tỏ vẻ là mình đã tìm được một chỗ nào đấy thanh thản trong dòng chảy cuộc đời.

Vòng xoáy các hoạt động tại các đoạn đường giao nhau đông đúc trông giống như một bát com trộn. Người này lách qua người kia, chỉ lách nhẹ nhàng phía bên cạnh người kia và vượt qua. Do độ rộng của một xe đạp nhỏ hơn 2m, và độ rộng của xích lô cũng chỉ lớn hơn xe đạp một chút, cho nên chỉ cần điều chỉnh một chút là người đi sau có thể nhẹ nhàng lách qua. Nhưng đối với những đoạn có bốn đường, năm đường, và thỉnh thoảng có đến sáu đường giao nhau thì dòng giao thông lại trở nên như là một điệu múa ba lê. Tôi gọi điệu ba lê này “sự nhào trộn” và tôi rất hăm hở để được thử. Khi tôi đến gần khách sạn, tôi đi vào một đoạn giao nhau của sáu con đường chính. Tôi đạp xe chậm chậm vào

trung tâm của vùng nước xoáy đó, dừng xe và chụp ảnh mọi hướng, mọi góc độ. Các thành viên của “sự nhào trộn” này mỉm cười và người này nhẹ nhàng lách qua người kia rồi đi thẳng.

Chuyến đi tiếp theo của tôi là lên Buôn Ma Thuột, thành phố lớn nhất vùng cao nguyên và là vùng đất tươi tốt có thể trồng cà phê, cây ăn quả và rau xanh. Thành phố này chỉ cách Sài Gòn một quãng đường ngắn nếu đi bằng máy bay, và tôi đến nơi vào lúc sáng sớm. Sân bay nằm giữa một khu nông thôn rộng lớn, có những con đồi thấp bao quanh. Khi tôi nghiên cứu bản đồ, tôi nhận ra là nó chỉ cách trung tâm Buôn Ma Thuột khoảng chục cây số mà thôi. Chỉ mang theo một chiếc ba lô nhỏ, tôi rất hào hứng trước viễn cảnh sẽ được đi bộ thật nhiều. Đó là một ngày nắng, và độ cao của cao nguyên làm cho không khí mát mẻ và khô ráo. Dọc bên đường là những cánh đồng trải dài, và phía cuối nó là khu rừng núi. Các phương tiện chở nào là tre, nào là vật liệu xây dựng đi lại tấp nập và đó là tín hiệu về một vùng nông thôn đang ngày càng trở nên giàu có và thịnh vượng.

Mới đi bộ được vài phút thì có một thanh niên trẻ tuổi đi xe máy tới mời tôi đi xe. Tôi mỉm cười, cảm ơn, và giải thích là tôi muốn đi bộ. Và tất nhiên là anh ta không hiểu tôi nói gì cho nên anh ta tiếp tục thuyết phục tôi. Có lẽ tôi cũng đã hiểu nhầm anh ta. Tôi vỗ lên đùi mình như thể hiện là chân tôi vẫn còn rất khỏe và nói rằng tôi muốn đi bộ. Vẫn chưa hiểu, anh ta lắc đầu và đi thẳng. Đây chỉ là lời mời đầu tiên trong rất nhiều lời mời tôi nhận được trong vòng hai tiếng đồng hồ tiếp theo.

Tôi học được cách cứ tiếp tục đi thẳng, nở nụ cười và nói “Cảm ơn anh.” Đi dọc lề đường với một ba lô trên vai, tôi lại nhớ lại một trong những tháng ngày đẹp nhất trong đời lính: hành quân qua vùng nông thôn với một ba lô và bị đông dưng nước, dừng lại trò chuyện với mọi người.

Sau một giờ đi bộ, tôi dừng lại nghỉ ở một quán cà phê ngoài trời. Sau đó tôi lại lên đường, tiếp tục có hai thanh niên mời tôi đi xe. Họ nói tiếng Anh rất tốt, và chúng tôi trò chuyện với nhau trong vài phút. Họ là những người trẻ tuổi mà tôi rất muốn gặp - đó là những sinh viên đại học có thể nói cho tôi về cuộc sống ở Việt Nam và cũng muốn nghe tôi kể về cuộc sống ở Mỹ. Tôi mời họ đi ăn tối, và chúng tôi đồng ý sẽ gặp ở khách sạn nơi tôi ở. Tôi dành phần còn lại của ngày hôm đó đi bộ quanh Buôn Ma Thuột và khám phá thành phố. Tôi đã hiểu tại sao người Sài Gòn lại thường đi nghỉ ở vùng cao nguyên này. Khí hậu ở đây quá ôn hòa, thậm chí trong những ngày nắng cũng có thể đi bộ hàng giờ mà vẫn không cảm thấy bị quá nóng.

Như đã hứa, hai chàng trai trẻ đến khách sạn tôi tới hôm đó cùng với bạn gái của họ. Chúng tôi đi xe máy tới một nhà hàng gần đó và chọn chỗ ngồi ngoài cửa, vừa nói chuyện vừa ăn tối và uống bia. Tất cả bốn bạn trẻ này đều là sinh viên của một trường đại học gần đó. Họ nói đủ thứ chuyện, về gia đình, công việc và cả về lối sống. Các bạn gái có một bức tranh rõ ràng hơn về hướng đi của cuộc đời

mình hơn là những bạn trai. Đó cũng là một trường hợp mà những phụ nữ chưa chồng thường là những người có trách nhiệm hơn trong việc chăm sóc bố mẹ và ông bà; sau khi kết hôn, họ lại tiếp tục thực hiện trách nhiệm đầy đối với bố mẹ chồng. Cuộc đời một người phụ nữ ở Việt Nam trước khi lấy chồng, theo như họ giải thích, tốt hơn rất nhiều so với sau khi lấy chồng. Đó cũng là điều khiến họ luôn tìm cách hoãn đám cưới càng lâu càng tốt.

Trong phạm vi chỉ một thế hệ, tuổi kết hôn của phụ nữ đã tăng từ tuổi mười tám đôi mươi lên đến tuổi ba mươi. Với cơ hội học tập và làm việc mở ra cho phụ nữ, đặc biệt là ở những thành phố mà nhiều bạn trẻ muốn tới, sự thay đổi nhanh về xã hội đang diễn ra trong một xã hội truyền thống đầu tiên chuyển đổi do một thời gian dài chiến tranh, sau đó là bởi thay đổi về chính trị, và bây giờ là do quá trình xây dựng kinh tế. Tác động của sự thay đổi này bao gồm sự biến mất của những gia đình nông thôn khi con cái của họ rời vùng quê nhỏ để tìm cuộc sống mới ở Buôn Ma Thuột và rất nhiều thành phố lớn khác.

Ngày tiếp theo, tôi tới thăm một làng người Nùng sống trong những chiếc nhà sàn. Một gia đình đón tôi vào nhà họ. Chúng tôi ngồi bên cạnh một cái ấm nước lớn và cùng nhau uống một thức uống khá mạnh mà tôi hoàn toàn không thể đoán được thành phần làm ra nó là những gì. Một người trạc tuổi tôi hỏi tôi về những kỷ niệm chiến tranh. Tôi cũng cho họ biết rằng khu vực gần Quảng Ngãi là nơi chúng tôi bị thương vong nhiều nhất.

“Tất nhiên”, ông ấy nói, “Quảng Ngãi luôn là vùng ác liệt nhất Việt Nam”. Ông ấy kể cho tôi nghe rằng từ thời xa xưa trong lịch sử, quân xâm lược chưa bao giờ hoàn toàn khuất phục được Quảng Ngãi. Có thể câu chuyện ấy một phần chỉ mang tính chất thần thoại, nhưng quả thật nó đã khơi gợi nên nguồn cảm hứng mãnh liệt. Và nó hoàn toàn trùng hợp với những trải nghiệm của tôi ở vùng đất đó.

CHIẾN TRANH KÉO DÀI BAO LÂU?

Năm 2006, 40 năm sau khi tôi đến Việt Nam lần đầu tiên với tư cách là một người lính, vợ tôi và tôi có cơ hội cùng nhau đi dạo trong những khu rừng núi phía Tây Bắc gần một khu làng ở Sa Pa. Khu làng nhỏ chúng tôi ghé 11 năm trước giờ đã trở thành một thành phố nhỏ. Sa Pa là khu du lịch nổi tiếng nằm khá gần biên giới Trung Quốc, đây chính là hai yếu tố giúp nơi này ngày càng phát triển. Con đường đầy bùn đất từ thành phố Lào Cai lên Sa Pa ngày trước nay đã được nâng cấp; các nhà nghỉ dành cho khách du lịch ba lô được thay thế bằng những khách sạn và nhà hàng sang trọng. Người leo núi cũng thường đến chinh phục đỉnh Fan Si Pan; rất nhiều khách du lịch đến thăm bản làng của người dân tộc thiểu số và chiến trường Điện Biên Phủ. Chứng kiến những thay đổi này, tôi băn khoăn liệu cuối cùng chiến tranh đã thực sự qua đi hay chưa. Khi nào thì chiến tranh kết thúc? Liệu nó đã thực sự kết thúc khi việc chết chóc không còn? Hay nó đã kết thúc khi người phi công Mỹ cuối cùng bị bắn rơi vào năm 1972. Nhưng một số người Mỹ vẫn ở lại cho đến khi Sứ quán Mỹ phải sơ tán vào năm 1975. Người Việt Nam vẫn bị chết cho đến khi cuộc chiến kết thúc vào tháng 4 năm 1975. Sau khi chính quyền Cộng hòa sụp đổ, nhiều người Việt Nam vẫn chết vì bệnh tật và đói nghèo.

Liệu chiến tranh đã qua đi khi các gia đình cuối cùng cũng biết được những gì đã xảy ra với con em mình trên chiến trường? Mặc dù đã có nhiều nỗ lực từ cả hai phía Việt Nam và Hoa Kỳ nhằm tìm kiếm hài cốt những người lính mất tích, nhưng đến nay vẫn còn hơn 1.800 hài cốt lính Mỹ và hàng chục vạn lính Việt Nam chưa tìm được. Mỗi năm, số hài cốt tìm được vẫn tăng lên. Cùng với sự hợp tác ngày càng tốt đẹp giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, nhiệm vụ này có thể sẽ được hoàn thành trong một ngày nào đó. Những nhà hoạch định chính sách của quân đội Mỹ, những người vẫn muốn có một căn cứ hải quân ở khu vực ven biển Việt Nam, có nhiều lý do để đặt chiến tranh lại đằng sau.

Liệu chiến tranh đã kết thúc khi những đứa trẻ lớn lên không có cha mẹ? Tôi đã từng gặp những thanh niên Việt Nam và Mỹ lớn lên với một khoảng trống mênh mang bởi họ chưa từng được biết cha mẹ mình. Nỗi đau và sự xáo trộn trong họ là hết sức rõ nét dù hàng thập kỷ đã trôi qua.

Chiến tranh chưa kết thúc khi những người nông dân và con em họ vẫn thiệt mạng do bom mìn, đạn pháo còn sót lại. Chiến tranh chưa kết thúc khi trẻ em và bố mẹ các em vẫn chết do ảnh hưởng chất độc màu da cam bị rải trong những cánh rừng. Dù chính phủ Nhật Bản đã đấu tranh kiên quyết trong việc buộc Mỹ phải thừa nhận tội ác với dân thường trong Thế chiến II nhưng Mỹ vẫn chưa hoàn toàn nhận trách nhiệm của mình trong việc khắc phục những tàn phá gây ra bởi chất độc màu da cam ở Đông Nam Á.

Vậy khi nào thì chiến tranh sẽ thực sự kết thúc? Liệu nó có kết thúc khi người lính cuối cùng trở lại thăm chiến trường xưa nơi họ từng chiến đấu, thăm lại một bệnh viện họ từng làm việc, hay thăm lại những đài tưởng niệm mà tên của bạn bè họ được khắc trên đó?

Vậy chúng ta phải làm gì để kết thúc chiến tranh? Có lẽ nó sẽ kết thúc khi tất cả những tổn hại do nó gây ra đã được phục hồi, khi tất cả những vết thương của cả hai bên đã được hàn gắn và khi những người lính bắt đầu nghĩ về việc làm thế nào để ngăn ngừa những cuộc chiến tranh trong tương lai hơn là những gì họ đã làm trong quá khứ.

Vậy, tự thân chiến tranh thì thế nào? Khi nào nó sẽ kết thúc? Tôi tin rằng chiến tranh sẽ kết thúc khi người dân và chính phủ không còn xem chiến tranh là cách để giải quyết vấn đề. Khi chúng ta đã xem chiến tranh là một biện pháp lỗi thời, chúng ta sẽ dùng các biện pháp mới. Những nỗ lực mới này cần phải có tính xây dựng mạnh mẽ, thậm chí phải mạnh mẽ hơn sự tàn phá của chiến tranh. Những nỗ lực này cần phải khơi gợi được sự cam kết của lớp trẻ, những người vẫn từng mơ được trở thành những anh hùng như tôi và những người cần phải có việc làm, như Clayton, Billy và William vậy. Chúng ta có một cách khác đó là xây dựng lực lượng quân đội chính quy gìn giữ hòa bình - lực lượng có sức mạnh hơn bất kỳ lực lượng quân đội nào. Một cách khác là sử dụng tòa án quốc tế để xét xử những người bị nghi là tội phạm chiến tranh và nạn diệt chủng, như sử dụng trẻ em làm binh lính. Cuối cùng, chúng ta cần phải bảo vệ những người tị nạn chạy trốn khỏi các cuộc xung đột và đây sẽ là sự bổ sung cho những giải pháp mới này. Vì người tị nạn là những nạn nhân đầu tiên của chiến tranh - họ là những người dân buộc phải bỏ nhà cửa để lánh nạn - bằng cách đó, có thể tránh được những thương vong đầu tiên của chiến tranh.

Một lực lượng quân đội gìn giữ hòa bình cần nằm dưới sự kiểm soát của Liên Hợp Quốc nhằm tạo sự tin tưởng và được sử dụng một cách hiệu quả trong những trường hợp xung đột nguy hiểm nhất. Lực lượng này cần đào tạo các thành viên biết các ngôn ngữ của các nước mà họ sẽ thực hiện nhiệm vụ, cũng như ngôn ngữ của các nước mà các thành viên khác được cử tới. Việc đào tạo các thành viên về nghiệp vụ cảnh sát, kiểm soát đám đông, đối mặt với những tình huống khẩn cấp, rà phá mìn và các kỹ năng khác cũng hết sức cần thiết. Lực lượng này cần có một lực lượng có sức mạnh vượt trội để sự hiện diện của nó có thể ngăn ngừa xung đột xảy ra hoặc không để xung đột lan rộng. Tôi tin là Mỹ và các nước thành viên khác cần phải duy trì một lực lượng gìn giữ hòa bình thường trực gồm hàng trăm ngàn thành viên. Việc này cũng sẽ góp phần đảm bảo việc làm cho những người trẻ tuổi và cung cấp cho lực lượng này những khóa đào tạo có giá trị, chăm sóc y tế tốt và một mức thu nhập cơ bản - đó là tất cả những điều mà ngày nay những thành viên của lực lượng quân đội tình nguyện của chúng ta đang được cung cấp.

Ngay trong chính phủ Mỹ, trách nhiệm gìn giữ hòa bình nên được tách biệt khỏi Lầu Năm Góc. Vì quân đội Mỹ đã từng bị tai tiếng do phạm phải tội ác chiến tranh nên lực lượng gìn giữ hòa bình cần phải tách biệt với Bộ Quốc phòng về mặt tổ chức. Thay vào đó, lực lượng này nên được xem như sự mở rộng vai trò của Quân đoàn với sứ mệnh Hòa bình hoặc Quân đoàn Mỹ với các khóa đào tạo mới nhiệm vụ mới, và những mối liên hệ mới với các tổ chức quốc tế. Những người trẻ tuổi tình nguyện phục vụ tổ quốc sẽ được lựa chọn giữa việc tham gia lực lượng quân đội hoặc tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình và việc này có thể sẽ giúp làm tăng con số những người tình nguyện.

Nếu Mỹ thực hiện bước đi tuyệt vời này, tôi tin rằng các nước khác cũng sẽ tham gia cùng chúng ta. Về cơ bản, lực lượng “mũ xanh” của Liên Hợp Quốc sẽ bao gồm hơn một triệu binh lính gìn giữ hòa bình trên khắp thế giới. Trong suốt 60 năm qua, lực lượng này có thể đã được triển khai ở Li Băng, Iraq, Afghanistan, Kosovo, Bosnia, Ruwanda, Liberia, Sierra Leone, Bắc Ai Len, Panama, Campuchia, Việt Nam và Triều Tiên. Ngày nay, lực lượng gìn giữ hòa bình có thể được sử dụng ở Iraq, Afghanistan, Darfur, Chad và Cộng hòa Trung phi nhằm bảo vệ dân thường, ngăn ngừa những cuộc tấn công với người tị nạn và giữ họ không tràn qua biên giới. Một lực lượng gìn giữ hòa bình hiệu quả sẽ là đài tưởng niệm cuối cùng cho những người đã ngã xuống vì chiến tranh.

Là một người lính, tôi tin rằng một trong những hậu quả tồi tệ nhất của chiến tranh Việt Nam chính là sự lưỡng lự của người Mỹ trong việc tham gia giải quyết các cuộc xung đột gây ra nạn diệt chủng trên khắp thế giới. Sự thất bại trong chiến lược quân sự ở Việt Nam cũng đồng nghĩa với việc các tổng thống Mỹ không sẵn sàng can thiệp để bảo vệ mạng sống của những con người ở Campuchia, Rwanda và Bosnia. Cũng như vậy, sự thất bại quân sự ở Iraq đã làm giảm bớt động lực để can thiệp vào vùng Darfur. Trong các cuộc chiến này, nhiều người dân vô tội đã bị giết, bị thương và mất nhà cửa. Những người tị nạn bắt buộc phải tràn qua biên giới vào các nước láng giềng, điều này làm tăng thêm gánh nặng đối với chính phủ các nước đó bởi họ không hề chuẩn bị trước cho tình huống như vậy. Một trong những hậu quả của việc thất bại trong chiến tranh đó là việc không sẵn lòng tuyển quân, thậm chí khi binh lính đã được sắp xếp tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình để bảo vệ mạng sống con người và ngăn ngừa sự lan rộng của chiến tranh.

Nhưng một hậu quả khác của chiến tranh Việt Nam đó là việc tiếp tục tin rằng xung đột quân sự có thể giải quyết được những vấn đề mà ngoại giao không thể giải quyết được. Một điều đáng buồn là xu hướng củng cố lực lượng quân đội nhằm theo đuổi các mục tiêu ngoại giao đã dẫn tới xu hướng ngày càng tin tưởng hơn vào xung đột quân sự. Người ta đã không còn nghĩ tới mục tiêu hòa bình và tiếp tục lún sâu vào những nỗ lực sai lầm. Nguyên nhân của sai lầm này chính là việc các nhà lãnh đạo của

chúng ta tin rằng chỉ có tăng cường lực lượng mới có thể đạt được mục tiêu. Ở Việt Nam và nhiều trường hợp khác sử dụng lực lượng quân đội, các nhà lãnh đạo quân đội luôn yêu cầu tăng cường thêm binh lính, thêm vũ khí, thêm máy bay, tàu chiến và được thêm quyền tự do sử dụng vũ khí họ có trong tay. Khi các tướng lĩnh quân đội không nhận được đủ những gì họ yêu cầu, một số người nghiêm nhiên coi đó là nguyên nhân gây nên thất bại và cho rằng thất bại là do không được sử dụng lực lượng quân đội một cách tương xứng.

Trên thực tế, việc triển khai quân đội của Mỹ khắp thế giới đã đạt đến mức có thể phá hỏng những mục tiêu chúng ta muốn đạt được. Với hơn 750 căn cứ quân sự ở nước ngoài, các nước khác thường xem Mỹ là một thế lực sử dụng sức mạnh quân sự để đạt được những mục tiêu có tính cưỡng bức. Việc đầu tư quá nhiều vào các lực lượng quân đội sẽ tạo nên khuynh hướng mất dần sự tin tưởng vào các nỗ lực ngoại giao và cơ chế đồng thuận.

Trong những giai đoạn đầu tiên của xung đột vũ trang, chúng ta thường có thể nhận biết quan chức chính phủ nào có trách nhiệm về việc xảy ra nạn diệt chủng và các tội ác chiến tranh. Các nhà lãnh đạo Mỹ nên ủng hộ việc sử dụng tòa án quốc tế để điều tra và xét xử những tội ác này. Thậm chí, nếu sự trừng phạt duy nhất có thể quản lý được là hạn chế sự di chuyển quốc tế của những người bị kết tội thì biện pháp này vẫn có thể là một sự ngăn cản quyết liệt với xung đột vũ trang.

Lời kêu gọi cách đây nửa thế kỷ của Tổng thống Kennedy về việc sẵn sàng chịu đựng bất kỳ gánh nặng nào để đảm bảo sự tồn tại của tự do ngày nay có thể được trả lời bởi những người trẻ tuổi luôn mong ước được phục vụ đất nước và phục vụ sự nghiệp hòa bình cùng những nỗ lực của lực lượng gìn giữ hòa bình trên phạm vi quốc tế.

TRỞ VỀ NHÀ

Chương cuối cùng này sẽ thể hiện quan điểm cá nhân của tôi về việc sử dụng sức mạnh quân sự trong một thế giới ngày càng hỗn loạn và bất ổn. Tôi không có lý do gì để trình bày những quan điểm của mình, theo một cách đặc biệt nhưng tôi muốn tiếp cận vấn đề xung đột vũ trang từ những kinh nghiệm của một người lính và một người từng kiếm sống cùng những người dân mà cuộc sống của họ đã bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh.

Nơi tôi bắt đầu là nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại một khu vườn ở Hà Nội. Căn nhà nằm giữa một khu vực có rất nhiều cây xanh, đối diện là một ao cá yên tĩnh với nhiều loại cá màu sắc sặc sỡ. Rất nhiều khách du lịch từ khắp nơi trên Việt Nam và thế giới đã tới đây thăm nơi ở của Bác Hồ - người cha già dân tộc. Tôi sinh ra ở vùng đất không xa Mount Vernon, New York, quê hương người cha của đất nước tôi, cũng là quê hương của những người nô lệ. Việt Nam từng bị Trung Quốc và Pháp xâm chiếm và đô hộ, cũng từng phải chịu cảnh nô lệ. Từ Mount Vernon tới chiếc nhà sàn là cả một quãng đường dài, tất nhiên là không chỉ tính về mặt khoảng cách không gian. Từ vẻ oai nghiêm của một con người tới sự bình dị đơn sơ của một người khác là cả một hành trình tâm tưởng dài. Tại sao ngôi nhà sàn lại gợi lên nhiều cảm xúc đến vậy?

Ngôi nhà của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ có ba phòng. Tầng đầu tiên là một phòng họp với một chiếc bàn dài màu nâu. Bên cạnh ngôi nhà có một chiếc cầu thang thông lên một ban công bao quanh các phòng ở tầng hai, trên đó có một phòng ngủ và một phòng làm việc cách nhau bởi một phòng tắm nhỏ. Bác Hồ hiếm khi sống trong ngôi nhà này vì máy bay Mỹ thường xuyên ném bom Hà Nội. Sau khi Hồ Chí Minh qua đời năm 1969, sáu năm trước khi chiến tranh kết thúc, ngôi nhà trở thành khu bảo tàng và là một điểm khách du lịch rất muốn viếng thăm. Khi tôi đi thăm ngôi nhà, sự giản dị của nó làm tôi nhớ đến những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam. Trong lễ tuyên ngôn độc lập của Việt Nam năm 1945, ông cũng đề cập đến Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Những lý tưởng tôi rất tin khi đã trưởng thành cũng có thể gây cảm hứng cho những người khác trên khắp thế giới. Bất kỳ quốc gia nào, dù lớn dù nhỏ, dù phải đối mặt với kẻ thù lớn mạnh đến mức nào, đều có quyền quyết định tương lai của mình. Cũng như tuyên ngôn độc lập của chúng ta còn tiếp sau là cả một quá trình đấu tranh lâu dài giành độc lập, tuyên ngôn của Hồ Chủ tịch tháng Tám năm 1945 cũng được nối tiếp bởi chặng đường hơn 35 năm kháng chiến chống lại người Pháp, người Mỹ xâm lược... Tôi cũng rất buồn khi nhận ra rằng, trong cuộc chiến ở Việt Nam, tôi đã ở làm bên trong cuộc chiến giành độc lập đó.

Một người lính phải biết trân trọng những hi sinh của tất cả những người lính tin tưởng rằng họ đang

chiến đấu vì tổ quốc. “Những người xây dựng không biết họ đang làm vì cái gì,” Evelyn Waugh đã viết như vậy trong cuốn sách nổi tiếng *Brideshead Revisited* (Thăm lại Brideshead). Những người chiến đấu cho tổ quốc không có cách nào đánh giá được tính đúng đắn của sự nghiệp mà họ đang chiến đấu. Tới thăm ngôi nhà sàn cũng là một cách để vinh danh ký ức của những người đã hi sinh vì đấu tranh cho độc lập của Việt Nam. Trong thế hệ của tôi, gần như tất cả mọi người đều bị ảnh hưởng bởi chiến tranh Việt Nam: Một số chiến đấu ở Việt Nam; một số đấu tranh yêu cầu nước Mỹ chấm dứt chiến tranh và một số thì tránh xa chiến tranh để có thể theo đuổi những mục tiêu quan trọng hơn với họ. Trong nhóm cuối cùng này có hầu hết những người lãnh đạo đất nước chúng ta ngày hôm nay. Rất nhiều thành viên trong trung đội tôi cũng rất muốn tham gia vào nhóm này nếu có cơ hội.

Nhưng ngôi nhà sàn không phải là một đài tưởng niệm chiến tranh. Ngôi nhà gỗ của Bác Hồ là một lời nhắc nhở rằng mọi người bất cứ nơi đâu cũng cần phải quyết định cho tương lai của riêng mình, thoát khỏi sự thống trị của những quốc gia lớn mạnh hơn. Đối với tôi, ngôi nhà có thể đã vượt qua được giới hạn của một đài tưởng niệm bởi nó thể hiện được tinh thần đấu tranh giành độc lập của cả một dân tộc. Và đồng thời, ngôi nhà đó cũng làm tôi nhớ đến những tổn hại khủng khiếp của chiến tranh. Nếu chiến tranh tiếp tục là phương tiện để con người đấu tranh giành độc lập, trong khi những người khác lại dùng chiến tranh để áp đặt tư tưởng của mình đối với thế giới thì chúng ta sẽ còn phải đối mặt nhiều với khủng bố và chắc chắn chiến tranh cũng chính là khủng bố. Khi các chính phủ phát động chiến tranh, ảnh hưởng của chiến sự đối với người lính và dân thường chẳng khác gì khủng bố - khủng bố đối với những người trở thành công cụ của chiến tranh và khủng bố đối với những người ở những quốc gia phải hứng chịu chiến tranh. Đây là nguyên nhân tại sao chúng ta phải tìm một cách tốt hơn để vinh danh tất cả những người đã hi sinh trong chiến tranh.

Chúng ta nên mở rộng cách chúng ta vinh danh những người đã hi sinh. Đầu tiên, chúng ta không chỉ xây dựng các đài tưởng niệm để vinh danh những người lính đã chiến đấu mà cả những người dân bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, chủ yếu là những người ở đất nước phải hứng chịu chiến tranh. Thứ hai, chúng ta không những phải thể hiện sự trân trọng đối với những người đã hi sinh mà còn phải trân trọng cả những người đang phải sống với những vết thương cả về thể chất lẫn tinh thần, bởi họ đã phải trả một cái giá quá đắt vì chiến tranh. Thứ ba, chúng ta có thể dựng lên những đài tưởng niệm để kêu gọi thay thế chiến tranh bằng những biện pháp có tính xây dựng nhằm giải quyết xung đột. Chúng ta có thể công nhận giá trị của những nỗ lực gìn giữ hòa bình bằng việc lập nên một lực lượng gìn giữ hòa bình đông đảo và được đào tạo kỹ lưỡng có thể ngăn ngừa được chiến tranh nổ ra hoặc ngăn chặn chiến tranh lan rộng.

Những người tham gia chiến tranh thường sẽ được hỏi suy nghĩ và đánh giá thế nào về kết quả của

chiến tranh. Khi tôi trò chuyện về những trải nghiệm chiến tranh của mình, người ta luôn luôn hỏi tại sao Mỹ và đồng minh - như Úc, New Zealand và Hàn Quốc - lại thất bại trong chiến tranh Việt Nam. Theo kinh nghiệm của tôi, không có người chiến thắng trong chiến tranh, chỉ có những hình thức mất mát khác nhau mà thôi. Tuy nhiên, các cựu chiến binh từ Thế chiến II thì khẳng định: “Chúng tôi đã chiến thắng, vậy tại sao các anh lại thất bại ở Việt Nam?” Nhân dân miền Bắc Việt Nam sẵn sàng hi sinh hơn một triệu người; nhân dân Mỹ lại không sẵn sàng hi sinh hơn 58.000 binh lính. Trong khi bỏ phiếu cho Richard Nixon năm 1968, tôi và nhiều người Mỹ khác có lẽ đã nghĩ rằng chúng tôi đang bỏ phiếu để kết thúc chiến tranh khi thương vong của Mỹ vẫn ít hơn một nửa so với mục tiêu của họ.

Nhiều người cứ băn khoăn tại sao lực lượng của Mỹ - với chiến đấu cơ, trực thăng, hỏa lực pháo hạm, pháo hiện đại cùng hơn 500.000 lính - lại có thể thất bại trong chiến tranh tại Việt Nam. Là một người lính đã từng tham chiến ở Việt Nam, tôi cũng băn khoăn điều tương tự. Mỹ đã ném xuống Việt Nam số bom đạn lớn hơn số bom đạn được sử dụng trong Thế chiến II, tuy nhiên điều này chỉ thể hiện việc ném bom thiếu hiệu quả như thế nào mà thôi. Ném bom có thể đã hiệu quả hơn nếu người miền Bắc Việt Nam sử dụng để ném bom các thành phố có mức đô thị hóa cao như ở Mỹ. Nhưng đối với địa đạo của Việt Cộng cũng như cầu cống, đường xe lửa của miền Bắc Việt Nam thì sau khi bị đánh bom, những thứ này lại được sửa chữa lại khá nhanh chóng. Ưu thế rõ ràng về lực lượng của quân đội Mỹ cũng có thể sẽ làm cho người ta băn khoăn khi họ thấy người Mỹ đang gặp rất nhiều khó khăn vì các cuộc nổi dậy và chiến tranh du kích ở Afghanistan và Iraq. Trong những cuộc chiến này, sức mạnh về không quân và pháo công nghệ cao cũng có những mặt hạn chế: Chúng có thể gây ra sự tàn phá hàng loạt nhưng lại không giành được chiến thắng.

Có những vấn đề còn lớn hơn bom đạn và vũ khí, đó là số lượng và cam kết của những người lính và những người ủng hộ họ - các thành viên trong gia đình, bạn bè của họ. Một bài học tôi học được đó là Việt Cộng và miền Bắc Việt Nam sẵn sàng chịu thiệt hại nhiều hơn, chịu thương vong nhiều hơn chứ không chịu ngừng chiến đấu. Chẳng hạn, rất nhiều phụ nữ Việt Cộng và miền Bắc Việt Nam sẵn sàng ra mặt trận, trong khi chỉ có một số rất ít phụ nữ phục vụ trong các lực lượng quân đội Mỹ. Việt Cộng và người miền Bắc Việt Nam dùng tất cả nguồn lực họ có để chiến đấu. Họ có thêm nhiều lính (toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ dân số của họ), có đội ngũ lãnh đạo mạnh mẽ và có sự ủng hộ lớn lao từ đông đảo người dân ở những vùng mà họ kiểm soát trong chiến tranh. Quân đội Mỹ không có được những nguồn lực này. Khi tôi thảo luận về chủ đề này với các nhóm cựu chiến binh, từ những câu hỏi của họ, tôi nói rằng họ có thể nghe và hiểu được lời xin lỗi trong những lời giải thích của tôi. Tôi thích nói chuyện về chủ đề này với các sinh viên hơn bởi họ nghi ngờ về giá trị của sức mạnh quân đội và cũng cởi mở hơn trong việc cân nhắc các biện pháp mới để giải quyết những vấn đề quốc tế.

Điều khiến những người lính phiến muộn là họ không thể giải thích được sự hạn chế của quyền lực quân đội. Họ sợ có những người vẫn tiếp tục tin vào sức mạnh của Mỹ và sẽ cố gắng để tiếp tục sử dụng sức mạnh đó với những hậu quả tai hại như thế. Ở Afghanistan và Iraq, các nhà lãnh đạo Mỹ cho rằng họ có thể xây dựng được một nền dân chủ mới bằng sức mạnh quân sự, như thể họ có thể “rót” hòa bình ra từ một nòng súng vậy. Tuy nhiên, thay vào đó, bạo lực quân sự chỉ gây thêm bạo lực và làm cho sự bất ổn chính trị càng tồi tệ thêm, an ninh xuống cấp hơn và tình trạng khủng bố vẫn tiếp tục tiếp diễn.

Vậy những người lính muốn quyền lực quân sự được sử dụng như thế nào? Là một người lính, tôi nghĩ trước hết chúng ta phải nghĩ tới việc chúng ta sẽ muốn một siêu cường khác đối xử với đất nước mình như thế nào. Chẳng có nước nào sẽ mãi là siêu cường. Dần dần, một quốc gia khác sẽ thế chỗ chúng ta và trở thành thế lực dẫn đầu thế giới. Vậy chúng ta muốn quốc gia đó đối xử với chúng ta như thế nào? Có lẽ Mỹ với tư cách một siêu cường đã dần mất đi, không phải do chúng ta thiếu súng ống mà do chúng ta thiếu người ủng hộ. Sau cùng, một người lãnh đạo thế giới chỉ có thể thực hiện được vai trò lãnh đạo khi những nước khác sẵn sàng nghe theo. Hiện tại, các nước khác có vẻ ngày càng lưỡng lự trong việc đi theo sự lãnh đạo của Mỹ. Chỉ một số nước sẵn sàng ủng hộ Mỹ tấn công Iraq, cũng như chỉ một số nước theo bước chân của Mỹ tới Đông Nam Á.

Các tổ chức đa phương như Liên hợp quốc đang ngày một phân tán, thậm chí chống lại những nỗ lực có tính quyết định nhất từ các cường quốc chính. Nếu xu hướng này tiếp tục lan rộng thì chúng ta có thể nhận thấy rằng mình đang sống trong một thế giới không có siêu cường nào cả. Có lẽ Trung Quốc và Ấn Độ cũng sẽ nổi lên như những siêu cường. Hoặc những quốc gia thiếu thế lực quân sự lớn mạnh sẽ trở nên lão luyện hơn chúng ta trong việc xây dựng liên minh. Trong cả hai trường hợp này, chúng ta đều có thể đặt câu hỏi liệu chúng ta muốn được các chính phủ hoặc các nhóm quốc gia có quyền lực mạnh hơn đối xử với mình như thế nào?

Một câu hỏi liên quan đến vấn đề này là chúng ta đối xử với tù binh như thế nào. Liệu có giải pháp nào cho tình thế khó xử đối với “tù binh” như vậy không? Chúng ta có thể thông qua những tiêu chuẩn về việc đối xử với tù binh như cách chúng ta muốn những người lính của mình sẽ được đối xử. Cách này có thể sẽ khiến chúng ta phải hi sinh một số thông tin tình báo từ những người lính bị bắt khi họ bị thẩm vấn. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng có thể đạt được thông tin tốt hơn được những người đầu hàng tự nguyện cung cấp. Tất nhiên, chưa chắc chúng ta đã có thể có được thông tin từ những nguồn này nếu binh lính của bên địch sợ rằng việc họ bị bắt giữ sẽ đồng nghĩa với việc bị tra tấn.

Để thay đổi cách hành xử giữa cộng đồng các quốc gia thì điều cần thiết là phải nhìn nhận một cách

trung thực về việc chúng ta đã đối xử với họ như thế nào với tư cách là một siêu cường. Đối với tôi, Robert McNamara là một anh hùng bởi ông luôn tìm cách học hỏi từ những trải nghiệm chiến tranh của mình. Nhìn lại những thương vong của dân thường do Mỹ ném bom xuống các thành phố của Đức và Nhật Bản, ông tin rằng ông và các binh lính của mình là tội phạm chiến tranh.

Thay vì hỏi tại sao chúng ta thất bại trong cuộc chiến tại Việt Nam, tôi lại băn khoăn về việc tại sao tôi có thể sống sót. Là một người lính bộ binh vào năm 1966, tôi là một trong số 50.000 binh lính tại thời điểm khi mà đã có gần 300.000 lượt quân Mỹ đến Việt Nam. Hầu hết thương vong của đơn vị tôi là do dẫm phải mìn và bị bắn tỉa. Tôi cũng bị đặt vào những tình thế nguy hiểm chẳng kém gì những người khác. Vậy tại sao tôi lại may mắn đến vậy?

Tôi may mắn vì đã đến Việt Nam vào năm 1966 chứ không phải hai năm sau đó, khi quân địch trở nên mạnh hơn khiến phía Mỹ bị thương vong nhiều hơn. Tôi cũng may mắn vì đã ở Chu Lai, Đông Hà và Đại Lộc, bởi những khu vực này có vẻ an toàn hơn đồng bằng sông Cửu Long và vùng cao nguyên miền Trung. Không ai xem việc tới Quảng Ngãi là may mắn, bởi ở đó dù chúng tôi có nhiều quân nhưng lại phải đối mặt với lực lượng quân địch tinh nhuệ hơn. Tôi may mắn bởi tôi phụ trách điện đàm cho trung đội trong thời gian tôi ở Việt Nam, vị trí này an toàn hơn vị trí phải dẫn đầu hoặc tại các điểm chốt. Và tôi may mắn vì chúng tôi có đến hai xe cứu thương. Tôi có hai lần được nghỉ ngơi, không phải chiến đấu, thời gian đó trung đội của tôi lại có rất nhiều thương vong.

Bên cạnh sự may mắn thì một phần là do tôi rất cẩn thận: tôi gần như luôn luôn đội mũ và áo chống đạn. Khi nhóm của tôi phải đi tiền trạm cho trung đội, tôi thường đi ở vị trí đầu. Tôi có quyền quyết định khi nào thì không nên đi bằng đường mòn hoặc không nên đi trên bờ ruộng. Đi trong bụi hoặc dưới bùn thường mệt và tốn thời gian hơn nhưng lại an toàn hơn. Thỉnh thoảng chúng tôi không thể đi lệch với đường mòn bởi vì cây cối rất rậm rạp. Nhiều lúc có những chuyện không thể lường trước được. Nếu được đi cùng với nhiều người dày dặn kinh nghiệm thay vì phải đi với lính mới thì toàn trung đội sẽ an toàn hơn.

Một điều hết sức quan trọng đối với người lính đó là phải biết sợ hãi. Nhiều lúc thật khó để duy trì sự sợ hãi đó, bởi thường có thể có chín lần tuần tiểu mà chẳng có gì xảy ra, nhưng đến lần thứ mười thì phải gặp rất nhiều điều tồi tệ. Nói cách khác, những lần tuần tiểu mà chẳng có gì xảy ra có thể khiến chúng tôi nghĩ là mình luôn an toàn. Điều khó khăn là chúng tôi có thể sẽ bị phục kích một lần trong 10 lần đi tuần tiểu đó. Bởi vì càng ngày tôi càng thấy có thêm đồng đội bị thương và bị chết nên càng phải ở lại tham gia chiến tranh lâu hơn thì tôi càng thấy sợ hãi hơn. Tôi lại thấy sợ hơn khi thời gian còn lại chỉ vài tuần. Thay vì tập trung vào những gì có thể xảy ra thì có lần tôi đã bỏ gác và ở qua đêm tại một

ngôi làng mà người làng đã bỏ đi hết. Tôi lặn xuống sông để tìm những cửa hang ngầm dưới nước. Trước đây, tôi muốn quên đi là tôi đang ở trong vùng chiến sự nhưng sau cùng tôi lại khao khát làm được cái gì đấy thật anh hùng.

Tuy nhiên, tôi chưa bao giờ trở thành một anh hùng như tôi mong muốn. Tôi đã không giành được chiến thắng trong cuộc đấu tranh của chính mình mà tôi phải đổi mặt khi tôi lớn lên; tôi trở về từ chiến tranh và một lần nữa lại phải đổi mặt với chúng. Thay vào đó, tôi có được cái cảm giác gần gũi hơn với người Việt Nam qua những trải nghiệm - và những bài học - của chiến tranh. Và tôi vô cùng biết ơn vì điều đó.

TÁI BÚT

Năm 1967, khi tôi rời trung đội bộ binh và Việt Nam ở tuổi 23, tôi cảm thấy buồn vì những tổn hại tôi đã gây ra đối với những làng mạc nơi tôi từng chiến đấu. Tôi thấy có lỗi bởi mình còn sống sót trong khi một số bạn bè của tôi thì không, tôi được về nhà trong khi những người khác phải ở lại. Và sâu thẳm trong tôi là cảm giác về sự phù phiếm của những nỗ lực đã gây ra hàng loạt hậu quả ngớ ngẩn và vô ích. Nếu đúng là người ta sẽ học được nhiều từ những thất bại thì tôi cũng có một quãng đời để có thể học được nhiều điều. Tôi chưa thể viết được cuốn sách này ngay sau khi tôi trở về từ Việt Nam. Khi tôi nghĩ về những bài học chiến tranh, tôi có thể miêu tả được chiến tranh như thế nào nhưng tôi chưa thể giải thích được những bài học đó ra làm sao. Những bài học đó có phần xuất phát từ việc tôi đã trở nên trưởng thành hơn và cũng có phần xuất phát từ việc tôi đã trở lại Việt Nam để chứng kiến những gì xảy ra sau khi chiến tranh kết thúc. Nhưng quá trình mà tôi cố gắng để hiểu những trải nghiệm của riêng mình gần như đã bắt đầu ngay sau khi tôi trở về nhà.

Bạn bè và gia đình khuyến khích tôi lên tiếng chống lại chiến tranh như những gì các cựu chiến binh khác đang làm. Chưa thực sự sẵn sàng đặt mình vào thêm nhiều xung đột, tôi đã tập trung hoàn thành sự việc học tập, xây dựng sự nghiệp và bắt đầu xây dựng gia đình. Đối với người Mỹ, chiến tranh là một chủ đề hết sức đau thương và luôn gây bất đồng trong dân chúng. Tôi nghĩ chiến tranh Việt Nam là điều cần phải quên đi nhất. Tôi hi vọng những cảm giác buồn bã, tội lỗi trong tôi sẽ dần phai mờ đi với thời gian. Rất ngây thơ, tôi tin rằng khi chiến tranh đã kết thúc bên ngoài, nó cũng sẽ qua đi trong lòng tôi.

Nhưng càng cố chôn vùi những cảm giác đó thì không nó không những không thay đổi mà còn ngày càng tăng thêm. Một vài năm sau khi học xong trường quản trị kinh doanh và bắt đầu làm việc, tôi tham gia một chương trình trị liệu tâm lý trong vòng 5 năm. Cuộc hôn nhân đầu tiên của tôi kết thúc và tôi đã là bố của một đứa con trai lên 6 tuổi chỉ sống cùng với tôi mỗi tuần vài ngày. Tôi thường phải trải qua những cảm giác chán nản lẫn căng thẳng. Trong lần điều trị đầu tiên, cái bằng chứng nhận huy chương Sao Đồng treo trên tường phòng làm việc của chuyên gia tâm lý đó đã tạo cho tôi cảm giác tự tin để nói về bất kỳ chủ đề nào. Chuyên gia tâm lý này đã chứng kiến những điều tồi tệ nhất của chiến tranh. Trong lần gặp cuối cùng, tôi hỏi ông ấy làm thế nào mà ông ấy đạt được huy chương Sao Đồng đó. Hóa ra ông ấy đã từng là sĩ quan điều hành của một tiểu đoàn quân y ở Việt Nam, phục vụ dưới quyền một chỉ huy huyền thoại. Giống như “ông Roberts” - một anh hùng hư cấu, chuyên gia tâm lý của tôi đã giúp những người lính dễ chịu hơn về mặt tâm lý và vì thế, cải thiện được khả năng có thể cứu sống nhiều cuộc đời. Câu chuyện của ông đã cho tôi một cách nghĩ mới về phẩm chất anh hùng tôi tìm

kiếm khi còn là một người lính. Cuối cùng, tôi đã tham gia chiến tranh để trở thành một anh hùng. Nhưng anh hùng là gì? Hình ảnh của tôi về phẩm chất anh hùng có từ những bộ phim về chiến tranh tôi từng xem khi còn là một cậu bé, bây giờ còn bao gồm cả những con người có thể làm được công việc trong những điều kiện hết sức khó khăn. Việc giúp cho tôi có được niềm tin, thoát khỏi sự chán nản và căng thẳng là công việc của một anh hùng. Khi bộ phim *Coming Home* (Trở về nhà) được công chiếu vào năm 1978, tôi hết sức biết ơn Jane Fonda, Jon Voight và Bruce Dern vì đã nói về chiến tranh Việt Nam. Các nhân vật do Voight và Dern thủ vai đều bị thương nặng, một người bị thương bên ngoài, còn một người bị thương bên trong, cả hai đều là những nhân vật Jane Fonda chăm sóc. Trước khi bộ phim này xuất hiện, chiến tranh Việt Nam là một cơn ác mộng không ai muốn nhắc đến. Sau khi xem bộ phim, bạn bè hỏi tôi liệu bộ phim đã lột tả được những trải nghiệm của tôi trong chiến tranh hay chưa như thể Hollywood đã công nhận những trải nghiệm của tôi. Bằng cách đó, nó đã mang chiến tranh Việt Nam hòa vào dòng chảy văn hóa. Đáng chú ý là Jane Fonda bị chỉ trích vì đã tới thăm miền Bắc Việt Nam trong thời kì chiến tranh trong khi rất nhiều biên tập viên các báo của Mỹ cũng đã thăm miền Bắc Việt Nam nhưng không hề bị chỉ trích. Fonda và các biên tập viên đã góp phần lôi kéo sự chú ý tới tính nhân bản của con người miền Bắc Việt Nam và việc làm đó cũng đã góp phần giúp chiến tranh có thể kết thúc sớm hơn. *Back to Back* - một vở kịch được một người bạn của tôi viết và cũng là một thành viên trong trung đội, đó là Al Brown. Vở kịch này được trình diễn trong suốt những năm 1980 ở New York, Los Angeles, San Francisco, London và một số nơi khác. Đối với tôi, tác động của vở kịch chính là từ cách hai nhân vật - Verville và Hughes (tên thật của họ) - chăm sóc lẫn nhau.

Một người rất giỏi giang, mạnh mẽ và là người da đen; người còn lại thì dẻo dai và là người da trắng. Họ ở trong một đội không xác định, chỉ gặp nhau khi có dịp và cam kết bảo đảm sự tồn tại của mỗi người. Người viết kịch, trong đời thực là đội trưởng của họ, khám phá mối quan hệ giữa hai người gắn bó với nhau bởi chiến tranh. *Back to Back* và một vở kịch khác nữa của Al Brown - *One Last Dance* (Điệu nhảy cuối cùng) khiến tôi bắt đầu hiểu được những bài học cho riêng mình - và rằng sẽ có thêm rất nhiều thứ tôi có thể học được nếu tôi cố gắng.

Khi những cuốn sách về chiến tranh của các tác giả Việt Nam bắt đầu xuất bản ở Mỹ, tôi lại có thêm một cái nhìn sâu sắc hơn về tác động của chiến tranh. Những người tôi chiến đấu để chống lại bắt đầu trực tiếp nói chuyện với tôi. Tôi rất thích *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh. Cuốn sách là những miêu tả đầy cảm động về cảm xúc của những người lính trong chiến tranh giành độc lập dân tộc. Họ đang chiến đấu chống lại một cường quốc có sức mạnh lớn hơn nhiều và thương vong của họ cũng lớn hơn rất nhiều. Có những lúc họ băn khoăn về những hi sinh họ cần phải thực hiện. Tôi đã bắt đầu không còn xem những người lính Việt Nam là kẻ thù của tôi nữa mà thay vào đó, là những người anh em của tôi.

Một sự kiện quan trọng khác đó là khi bạn tôi - Gene Gitelson - bắt đầu một chương trình giúp các cựu chiến binh có những kỹ năng cần bản để tìm việc làm. Trong trung đội của tôi, chúng tôi thường nói đùa rằng phục vụ trong đơn vị bộ binh là sự chuẩn bị sự nghiệp tốt nhất cho... lính bộ binh. Ở nhà, tôi đã chứng kiến những tổn thất của những người lính trước đây. Nhiều người bị thương cả về thể chất lẫn tinh thần. Những người khác bị ảnh hưởng về mặt kinh tế như một hậu quả của thời gian phục vụ trong quân đội; thời gian họ ở Việt Nam khiến họ tụt hậu so với những người bạn cùng trang lứa bởi những người khác đã đi học đại học hoặc là đã có việc làm. Những vấn đề họ phải đối mặt tiếp tục nhắc nhở chúng ta rằng chiến tranh vẫn chưa thực sự chấm dứt. Trước khi chúng ta có thể quên đi chiến tranh thì những người lính này cần phải được giúp đỡ trước đã. Để giúp đỡ họ, tôi tặng cho Chương trình Các nhà lãnh đạo Cựu chiến binh Việt Nam một máy tính và một văn phòng. Ngày nay, một tổ chức tương tự - Các cựu chiến binh Mỹ tại Iraq và Afghanistan - cũng đã bắt đầu hoạt động, cả hai tổ chức này tồn tại bởi nước Mỹ chỉ muốn đưa những người lính ra trận chứ chưa sẵn sàng chăm sóc khi họ trở về.

Năm 1995, tôi trở lại Việt Nam lần đầu tiên trong tổng số 10 lần tôi trở lại đất nước này, lần đầu tiên với tư cách là một khách du lịch và sau đó là một người làm việc trong lĩnh vực máy tính. Tôi muốn giúp hàn gắn những vết thương tôi chứng kiến ở quanh mình, cũng như những vết thương trong lòng tôi. Tôi hết sức hồ hởi khi gặp lại một đất nước mà tôi nhớ bởi cả vẻ đẹp thiên nhiên xen lẫn sự đau khổ của con người. Với sự giới thiệu từ các đồng nghiệp ở IBM và các công ty máy tính của Mỹ khác đang kinh doanh tại Việt Nam, tôi tìm tới các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ. Họ cũng giới thiệu tôi với các cán bộ chính phủ Việt Nam chịu trách nhiệm về khoa học và công nghệ. Họ rất nhiệt tình với những người hoạt động trong lĩnh vực công nghệ phần mềm của Mỹ. Sau khi làm việc với các tổ chức công nghệ phần mềm của Mỹ, tôi thu xếp cho các nhà phát triển phần mềm Mỹ thăm các đối tác ở Việt Nam và cho các nhà phát triển công nghệ của Việt Nam đến thăm các công ty phần mềm Mỹ trong một chuyến đi tương tự. Các cuộc gặp gỡ đã tạo cho tôi cơ hội đầu tiên để đóng góp vào ngành công nghệ đang phát triển rất nhanh ở Việt Nam.

Năm 1995, tôi gặp Đỗ Minh - một chàng trai trẻ tuổi. Năm 1976, lúc mới 6 tuổi, anh rời Việt Nam trên một con tàu cùng với một số họ hàng trực tuổi mình. 20 năm sau, anh tốt nghiệp Đại học Yale và học việc ở Phố Wall, sau đó anh trở thành nhà quản lý đầu tư rất thành công. Minh giới thiệu tôi với những Việt kiều thế hệ đầu tiên, những người cũng tới Mỹ vào những năm 1970 khi họ còn là những cô bé, cậu bé. Thành công họ đạt được ở Mỹ là minh chứng cho tài năng của họ, mối quan hệ gia đình gần gũi của họ và những hỗ trợ họ nhận được trong suốt đường đời của mình.

Minh và tôi cùng trở lại Việt Nam năm 1996. Đây là chuyến trở về đầu tiên của anh kể từ khi ra đi 20 năm trước đó. Anh là người đầu tiên trong gia đình và họ hàng quay trở lại Việt Nam. Chúng tôi đến thăm căn nhà cũ và trường cấp một của anh, gặp lại những người hàng xóm cũ và đi thăm một số trang trại cà phê ở vùng cao nguyên. Đối với những người Việt Nam, Minh như là một khách du lịch Mỹ. Hai người phụ nữ trẻ tuổi khen anh đẹp trai và họ có vẻ xấu hổ khi anh có thể nói chuyện với họ bằng tiếng Việt Nam. Lớn lên ở Mỹ, anh đã trở thành một người Mỹ như tôi. Nhưng anh cũng có một mối liên hệ mạnh mẽ với đất nước anh đã sinh ra. Minh và gia đình mình lập một tổ chức giúp đỡ những người họ hàng của mình ở Việt Nam có thể đi học đại học.

Những người Mỹ mới này giống như sự tóm tắt với những trải nghiệm của ông bà nội của tôi, họ từ Đức tới Mỹ gần một thế kỷ trước đó. Ngày nay, Cục Thống kê Dân số Mỹ ước tính có khoảng hơn một triệu người Mỹ gốc Việt. Họ được nhận biết không chỉ bởi thành công mà còn bằng cách họ giúp đỡ những người bà con ở Việt Nam. Những người Mỹ gốc Việt từng gửi ti đô la viện trợ tới Việt Nam. Các nhà tài trợ không chỉ giúp đỡ bà con của họ mà còn cung cấp lượng vốn cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Không có gì có thể biện hộ cho những mất mát trong chiến tranh của người Việt Nam, người Mỹ, người Triều Tiên, Úc và New Zealand. Nhưng sẽ là một sai lầm nếu bỏ qua những thành công mà những người Việt tài năng đi khắp thế giới để tìm những cơ hội mới cho riêng mình. Những người Việt đã định cư ở Mỹ sau năm 1975 đã mang theo họ những kỹ năng, nghị lực và mối quan hệ gia đình chặt chẽ. Họ đã sử dụng những tài sản này không chỉ để khẳng định mình trên đất Mỹ mà còn giúp đỡ những người ở quê nhà.

Năm 1998, tôi tham gia một cuộc đua xe đạp của các cựu chiến binh Mỹ và Việt Nam cùng với người anh hùng đua xe đạp của tôi - Greg LeMond - người Mỹ đầu tiên chiến thắng ở giải đua xe nước Pháp. Cuộc đua xe đạp này có sự tham gia của Thượng nghị sĩ John Kerry, ngoài ra còn có cựu đại biểu quốc hội và một cựu tù nhân chiến tranh, Pete Peterson, đại sứ đầu tiên của Mỹ tại Việt Nam sau chiến tranh. Các cựu chiến binh đi xe đạp cùng nhau từ Hà Nội vào Sài Gòn. Hầu hết trong số họ đều bị thương trong chiến tranh; một số còn bị tàn tật. Tôi cũng tham gia với những người đua xe đạp ở Vũng Tàu và cùng nhau vào Sài Gòn trong tiếng cổ vũ của rất nhiều người dân. Tôi nghĩ đây chính là cách chiến tranh nên kết thúc với những người lính của cả hai bên đi xe đạp cùng nhau trong ánh hoàng hôn, cùng chia sẻ những nỗi đau của chiến tranh và chung vui trong sự hòa giải dân tộc. Vào ngày hôm đó, những vết thương đã nguôi ngoai đối với những

của Việt Nam. Các công ty khác cũng đang hồ hởi tiếp cận người tiêu dùng Việt Nam và khai thác

thị trường thương mại. Một số công ty Mỹ - trong đó có IBM - đã tiếp tục hoạt động của họ kể từ khi gián đoạn vào năm 1975, trong đội ngũ nhân công có những người họ đã tuyển dụng cách đây hơn 20 năm. Sách báo, phim ảnh và tất cả những hoạt động nghệ thuật khác của Việt Nam cũng trở nên phổ biến ở Mỹ. Tất nhiên, không phải tất cả các mối quan hệ này đều do chiến tranh mà có nhưng một số trường hợp cũng bắt nguồn từ đó. Các mối quan hệ tương tự cũng đã nảy mầm giữa Ấn Độ và Vương quốc Anh, giữa Pháp và Algeria và giữa Việt Nam và Pháp. Những người ủng hộ những nỗ lực về văn hóa và kinh tế này đang góp phần giúp hàn gắn vết thương chiến tranh.

Những chuyến đi trở lại Việt Nam làm cháy lên những kỷ niệm về chiến tranh trong tôi. Đối với tôi, ký ức luôn có sức mạnh; khi tôi trở lại một nơi mà những sự kiện trong cuộc đời tôi hiện lên một cách rõ ràng thì suy nghĩ và cảm giác về nơi đó lại được gọi lại. Khi các chuyến đi được cộng hưởng với những trải nghiệm trong chiến tranh, tôi đã học được điều gì đó hết sức sâu sắc từ cả quá khứ và hiện tại. Tại sao tôi lại tham gia chiến tranh? Tôi muốn được khoác lên mình dáng vẻ của một anh hùng. Những trải nghiệm trong chiến tranh đã tác động đến tôi như thế nào? Hơn cả mức tôi muốn, nhưng lại ít hơn mức tôi hi vọng. Tôi đã học được từ những trải nghiệm của tôi với tư cách là một cựu chiến binh trở lại thăm chiến trường xưa hơn là những gì tôi học được khi tôi còn là một người lính. Những bài học tôi đã có giúp tôi đi đến quyết định không thể ủng hộ cuộc chiến hiện tại ở Afghanistan và Iraq và rằng các hoạt động gìn giữ hòa bình và bảo vệ người tị nạn luôn luôn có giá trị hơn việc tiến hành chiến tranh.

Cách nhìn của tôi vẫn còn lưu giữ là cách nhìn của một người lính bộ binh. Mối quan tâm chủ yếu của tôi là số phận những người lính và người dân sống giữa tâm điểm của chiến tranh. Đối với tôi, điều trước tiên phải quan tâm trong chiến tranh là cuộc sống của những con người hàng ngày phải đối mặt với cái chết và sự tàn phá, chứ không phải là các nguyên thủ quốc gia hay các tướng lĩnh hoạch định chiến lược. Khi tôi nghĩ về chiến tranh, tôi nghĩ về Clayton, Billy và William, ba người lính tôi đã chung một chiến hào ở Việt Nam. Họ chiến đấu trong cuộc chiến đã kết thúc cách đây hơn 30 năm, tuy nhiên họ vẫn có thể dạy chúng ta ý nghĩa của việc hỗ trợ những người lính. Tôi cũng nghĩ tới những người sống ở làng Đại Lộc. Bằng những ảnh hưởng mà họ phải chịu đựng, họ là những người thầy đích thực của tôi.

Khi Mỹ tấn công Afghanistan và Iraq, tôi cảm thấy buồn bã vô cùng khi đất nước tôi một lần nữa lại sử dụng chiến tranh như một giải pháp và điều này đi ngược lại với những gì tôi tin tưởng nhất. Tôi phải chia sẻ những điều mà tôi đã học được từ chiến tranh bởi tôi cần phải làm cái gì đó có tính xây dựng. Tôi đã đi và nói chuyện về chiến tranh tại các nhà thờ, trường học bởi tôi muốn mọi người hiểu chiến tranh ảnh hưởng tới những người lính và dân thường như thế nào. Liệu các em học sinh phổ

thông và sinh viên đại học có nên biết nhiều hơn về cuộc chiến tranh mà tôi tham gia vào lực lượng lính thủy đánh bộ vào năm 1965 và tình nguyện tới Việt Nam không? Tôi đã muốn trở thành một anh hùng và tôi nghĩ chiến tranh là con đường để trở thành một người đàn ông thực thụ. Thế hệ những người đến 18 tuổi đang phải chọn lựa giữa chiến tranh và hòa bình không chỉ với lá phiếu của họ mà còn cả với thân thể họ.

Khi tôi cùng các bạn đại học thảo luận về chiến tranh, chúng tôi nói về chính sách và chiến lược. Nhưng cuộc chiến mà tôi đã kinh qua lại thực sự là về khía cạnh con người trong vòng vây của cái chết và sự tàn phá.

Khi chiến tranh ở Iraq và Afghanistan nổ ra, có vẻ như các cuộc chiến này rất khác với chiến tranh Việt Nam: nguyên nhân khác địa hình khác và kẻ thù cũng khác. Trong khi chiến tranh Việt Nam kéo dài hơn 10 năm - kể từ khi những đơn vị lính thủy đánh bộ đầu tiên đổ bộ vào bờ biển Đà Nẵng năm 1965 cho tới khi chiếc trực thăng cuối cùng rời mái nhà Sứ quán Mỹ vào năm 1975, dường như các cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan diễn ra rất nhanh. Điều đau đớn là chúng ta phải nhớ lại một thực tế khó khăn về việc làm thế nào để có thể thoát ra khỏi chiến tranh, thậm chí khi chúng ta đã biết được những thông tin mới về nguyên nhân và hậu quả của nó.

Chiến tranh tại Afghanistan và Iraq có một số điểm tương đồng với chiến tranh Việt Nam: Những người lính và người dân nơi xảy ra chiến sự là những người phải trả cái giá đắt nhất. Là một người lính, tôi thấy được gánh nặng chiến tranh đổ lên lưng những người dân thường. Thường thì rất khó để phân biệt dân thường với binh lính. Những người bị ảnh hưởng nặng nề nhất là những người không tham gia vào việc phát động chiến tranh và cũng chẳng có cách gì để kết thúc chiến tranh. Đây là những điều cơ bản trong những trải nghiệm về chiến tranh của tôi. Nếu phải nói ngắn gọn về những gì tôi đã học được thì đó là: Chiến tranh không giải quyết được vấn đề; nó chỉ khiến vấn đề thêm tồi tệ.

Trong những người muốn tiếp tục chiến tranh, yêu cầu vinh danh những người đã ngã xuống thường được xem là lý do để họ tiếp tục chiến đấu. Liệu đây có thực sự là những gì mà những người lính đó mong muốn hay không? Những gì tôi học được từ đồng đội tôi đó là đài tưởng niệm đẹp nhất chính là việc ngăn ngừa chiến tranh xảy ra bất cứ khi nào có thể và một khi nó đã xảy ra thì ngăn nó không bị lan rộng.

Các mốc thời gian cá nhân

1961 - Là học sinh cấp 3, tôi xem ti vi và thấy Tổng thống John F. Kennedy cắt băng khánh thành, Robert Frost thì đọc thơ viết riêng cho lễ khánh thành.

1963 - Tổng thống Kennedy thăm trường đại học của tôi để khánh thành Thư viện Robert Frost. Một tháng sau đó, Kennedy bị ám sát.

1965 - Tôi và các bạn đại học tổ chức một diễn đàn về Việt Nam. Tôi rời trường đại học và ghi danh vào Lực lượng Lính thủy đánh bộ. Sau đợt huấn luyện, tôi tình nguyện là lính bộ binh sang Việt Nam chiến đấu.

1966 - Tới Chu Lai vào tháng Tư. Chuyển ra Đông Hà.

1967 - Chuyển vào Đức Phổ, sau đó lại ra Đại Lộc.

1968 - Làm việc tại lực lượng cảnh sát quân đội tại California.

1971 - Tốt nghiệp Trường Quản trị Kinh doanh Harvard.

1995 - 2009 - Có các chuyến đi hàng năm tới Việt Nam nhằm giúp đỡ một số công ty máy tính, sưu tập tranh và hỗ trợ công tác rà phá bom mìn và vật liệu chưa nổ tại tỉnh Quảng Trị.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] Harold Johnson từng là tham mưu trưởng quân đội Mỹ trong các năm 1964 – 1968, là người tham gia tích cực trong việc hoạch định chính sách của quân đội Mỹ đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

[2] Kenneth H. Bacon (1944 - 2009) từng là Trợ lý Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong suốt thời kỳ Tổng thống Bill Clinton. Sau đó ông trở thành Chủ tịch Tổ chức Người tị nạn Quốc tế tại VWashington, D.c. từ năm 2000 đến năm 2009 (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch).

[3] Cuộc khủng hoảng kinh tế (còn gọi là Đại khủng hoảng) khởi đầu ở Mỹ vào năm 1929, sau đó lan rộng ra toàn thế giới, kéo dài cho tới đầu những năm 1940.

[4] Trân Châu Cảng là căn cứ quân sự của Mỹ ở Hawaii. Ngày 7 tháng 12 năm 1941, không quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng, gây thiệt hại nặng nề cho quân Mỹ ở đây, đánh dấu việc Mỹ tham gia vào Thế chiến II.

[5] Chủ nghĩa McCarthy (McCarthyism) lấy theo tên của Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy, người chủ trương chống chủ nghĩa cộng sản một cách cực đoan. Trong kỉ nguyên của chủ nghĩa McCarthy (hậu Thế chiến II), hàng nghìn người Mỹ đã bị buộc tội là cộng sản hoặc thân cộng và trở thành đối tượng của những cuộc điều tra hoặc điều trần gắt gao trước chính phủ hay những cơ quan chức năng...

[6] Racine, Moliere (thế kỷ XVII) và Stendhal (thế kỷ XIX) là các nhà soạn kịch, nhà văn nổi tiếng thế giới.

[7] Triết gia Hy Lạp cổ đại, người được mệnh danh là bậc thầy truy vấn.

[8] Đây là Đạo luật quy định việc những người lính sau khi trở về sẽ được hỗ trợ để đi học.

[9] Một tướng bốn sao của Hoa Kỳ. Ông từng giữ chức Tư lệnh Bộ chỉ huy Viện trợ quân sự Mỹ tại miền Nam Việt Nam từ năm 1969.

[10] Tháng 8 năm 1964, lẩy có Hải quân Nhân dân Việt Nam tấn công tàu khu trục của Mỹ. Tổng thống Lyndon B.Johnson ra lệnh trả đũa, mở đầu cho cuộc chiến tranh phá hoại kéo dài 9 năm của không quân và hải quân Mỹ nhằm vào miền Bắc Việt Nam.

[11] Fontella Bass là ca sĩ Mỹ nổi tiếng trong những năm 1960.

[12] Là bộ truyện tranh của tác giả Charles M.Schulz, trong đó nhân vật Linus luôn mang theo một chiếc chăn màu xanh và xem đó là vật hộ thân của mình.

[13] Hiệp định Geneve năm 1954 về lập lại hòa bình ở ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia), trong đó có qui định các điều về Việt Nam, gồm: tôn trọng quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước Việt Nam...

[14] Trong Kinh Thánh (Cựu ước), David là một chàng trai chăn cừu trẻ tuổi, tay không tác sắt, đã đánh bại gã khổng lồ Goliath của quân xâm lược Philistine.

[15] Một hòn đảo nằm ở Nam Carolina, là nơi huấn luyện binh sĩ của Mỹ.

[16] Là huy chương của quân đội Mỹ tặng cho những người lính bị chết hoặc bị thương trong chiến tranh.

[17] Marther Luther King (1929-1968)” mục sư, nhà lãnh đạo của phong trào đòi dân quyền cho người Mỹ gốc Phi.

[18] Robert F.Kennedy (1925-1968): thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ, nhà hoạt động dân quyền nổi bật và được coi là biểu tượng của chủ nghĩa tự do hiện đại Mỹ. Ông là em trai của Tổng thống Mỹ John F. Kennedy.

[19] Nội chiến Mỹ (1861-1865) nổ ra giữa miền Bắc và miền Nam khi bảy bang miền Nam muốn duy trì chế độ nô lệ tuyên bố rút khỏi liên bang vào thời điểm Đảng Cộng hòa của Abraham Lincoln chủ trương giải phóng nô lệ giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử tổng thống vào năm 1860.